

VIỆN ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGOÀI

Chương trình đào tạo: Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

Trình độ: Trung cấp

Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc.

Năm 2020

Quảng Ninh, tháng 11 năm 2020

VIỆN ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC

Ngày 28 tháng 11 năm 2020

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGOÀI

Nghề: Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Trình độ trung cấp

Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc. Năm 2020.

Danh sách thành viên Đoàn đánh giá ngoài

STT	Họ và tên	Chức vụ - Đơn vị công tác	Trách nhiệm trong Đoàn ĐGN	Tiêu chí, tiêu chuẩn phụ trách	Chữ ký
1	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Viện Đào tạo và Phát triển nhân lực	Trưởng đoàn	Tiêu chí 1, 3 & 7	
2	Trần Văn Quý	Trưởng khoa Công nghệ Ô tô, trường Cao đẳng Xã hội Hải Phòng	Thư ký	Tiêu chí 5, 6 & Báo cáo tổng hợp	
3	Bùi Thị Én	Viện Đào tạo và Phát triển nhân lực	Ủy viên	Tiêu chí 2 & 4	

THÔNG TIN VỀ CHUYÊN MÔN CỦA KIỂM ĐỊNH VIÊN, CHUYÊN GIA)

Ngành, nghề đào tạo	Nhóm ngành, nghề đào tạo	Họ và tên Kiểm định viên hoặc chuyên gia có chuyên môn phù hợp	Chuyên ngành đào tạo của Kiểm định viên hoặc chuyên gia	Kinh nghiệm làm việc liên quan đến ngành, nghề được đánh giá ngoài
Trồng trọt và bảo vệ thực vật	<i>Nhóm ngành NN. Mã ngành/ngành: 5620111</i>	Bùi Thị Én	KS LN nghiệp ngành Chế biến lâm sản	32 năm

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	TỪ VIẾT TẮT	NỘI DUNG TỪ VIẾT TẮT
1.	BHYT	Bảo hiểm Y tế
2.	BLĐTBXH	Bộ Lao động Thương binh Xã hội
3.	BS	Bổ sung
4.	CBVC	Cán bộ viên chức
5.	NN	Nông nghiệp
6.	CD	Cao đẳng
7.	CN	Công nghiệp
8.	TT&VB TV	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
9.	ĐH	Đại học
10.	GV	Giáo viên
11.	HSSV	Học sinh sinh viên
12.	KTX	Kí túc xá
13.	MC	Minh chứng
14.	MĐ/MH	Mô đun/môn học
15.	QĐ	Quyết định
16.	SV	Sinh viên
17.	TC	Trung cấp
18.	TCCN	Trung cấp chuyên nghiệp

Phần I: Tổng quan

1. Giới thiệu về Đoàn đánh giá ngoài..... 5
2. Tóm tắt nhận xét của Đoàn đánh giá ngoài về báo cáo tự đánh giá.....6

Phần II: Đánh giá các tiêu chí tiêu chuẩn kiểm định chất lượng.....6

1. Bảng điểm tổng hợp đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng.....6
2. Báo cáo đánh giá chi tiết các tiêu chí..... 13
- 2.1.Tiêu chí 1.....13
- 2.2.Tiêu chí 2.....18
- 2.3.Tiêu chí 3.....34
- 2.4.Tiêu chí 4.....49
- 2.5.Tiêu chí 5.....75
- 2.6.Tiêu chí 6.....85
- 2.7.Tiêu chí 7.....91

Phần III: Tổng kết những điểm mạnh, điểm cần cải thiện và đề xuất, kiến nghị

1. Điểm mạnh của chương trình đào tạo được đánh giá ngoài.....122
2. Điểm cần cải thiện của chương trình đào tạo được đánh giá ngoài..... 123
3. Đề xuất, kiến nghị.....123

Phụ lục

- Phụ lục 1: Kết quả kiểm tra minh chứng sử dụng trong báo cáo
tự đánh giá và minh chứng bổ sung.....127
- Phụ lục 2: Thông tin cơ bản về chương trình đào tạo được đánh giá ngoài.....172
- Phụ lục 3: Quyết định thành lập Đoàn đánh giá ngoài.....173

NỘI DUNG BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGOÀI ĐỐI VỚI KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CTĐT NGHỀ TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP

Phần I. TỔNG QUAN

1. Giới thiệu về Đoàn đánh giá ngoài

Đoàn đánh giá ngoài chương trình đào tạo nghề Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, trình độ trung cấp, Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc được thành lập theo quyết định số 65/QĐ-VĐPTNL ngày 10/11/2020 của Viện Đào tạo và phát triển nhân lực. Đoàn Gồm 3 thành viên (như danh sách kèm theo).

Đoàn tiến hành Khảo sát sơ bộ ngày 23/11/2020, đã gặp gỡ Ban giám hiệu và các cán bộ của Phòng Kiểm định-Nghiên cứu khoa học-HTQT để thống nhất phương pháp, nội dung khảo sát thực tế của Đoàn.

Từ ngày 24/11/2020 đến hết ngày 28/11/2020, các thành viên của Đoàn Đánh giá ngoài khảo sát, đánh giá ngoài chương trình đào tạo nghề Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trình độ trung cấp tại Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc. Trong suốt thời gian khảo sát chính thức các thành viên trong đoàn đã làm việc nghiêm túc, tuân thủ lịch trình và nội dung làm việc theo kế hoạch khảo sát của Đoàn. Trong quá trình khảo sát chính thức, Đoàn đã kiểm tra các minh chứng, đánh giá tính đầy đủ, phù hợp của các minh chứng đối với từng nội hàm của tiêu chuẩn, tiêu chí. Đoàn đã tiến hành làm việc với Ban Giám hiệu, Hội đồng Tự đánh giá của Nhà trường, các trưởng khoa, tổ trưởng bộ môn, các trưởng phó phòng, các giáo viên, các nhà tuyển dụng đại diện cho các doanh nghiệp, các cựu học sinh và các học sinh đang học tập tại Trường.

Trong quá trình làm việc, các thành viên trong Đoàn đã tạo được không khí phòng vấn đúng mực, tự nhiên, hiệu quả và thu được các thông tin hữu ích trong các chuyến khảo sát thực tế cơ sở vật chất, thư viện, xưởng thực hành, giảng đường, hội trường, ký túc xá, nhà ăn và các tiết dự giờ trong thời gian khảo sát thực tế của Đoàn.

Đoàn Đánh giá ngoài xin trân trọng cảm ơn Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc, đặc biệt khoa Nông học đã hợp tác và hỗ trợ Đoàn trong quá trình khảo sát đánh giá chính thức vừa qua và vì sự cam kết chất lượng trong quá trình kiểm định chất lượng này.

2. Tóm tắt nhận xét của Đoàn đánh giá ngoài về báo cáo tự đánh giá

Báo cáo đúng mẫu qui định Báo cáo Tự đánh giá chất lượng CTĐT. Bảng điểm không có lỗi số học. Tuy nhiên còn có lỗi chính tả, đánh máy.

Đa số các tiêu chuẩn của Báo cáo có mô tả, phân tích chưa đáp ứng yêu cầu nội hàm, chủ yếu nhận định và đưa ra minh chứng, thiếu phân tích rõ nội dung minh chứng. Do đó Báo cáo chưa thể hiện đầy đủ điểm mạnh, những tồn tại và kế hoạch khắc phục trong từng tiêu chí. Các minh chứng đa số chỉ thể hiện việc thực hiện tự đánh giá của Trường trong năm học 2019-2020. Điều này chứng tỏ kinh nghiệm viết báo cáo của Hội đồng Tự Đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Trường còn thiếu kinh nghiệm.

Phần II. ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG

2.1. BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN / cơ sở hoạt động GDNN	Đánh giá của đoàn đánh giá ngoài	Tỷ lệ điểm đánh giá tiêu chí (Điểm đánh giá của Đoàn đánh giá ngoài trên Điểm chuẩn)
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		< Đạt tiêu chuẩn/ Không đạt tiêu chuẩn >	< Đạt tiêu chuẩn/ Không đạt tiêu chuẩn >	Đạt
	Tổng điểm	100	92	86	86%
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và Tài chính	6	4	4	66.6%
	<i>Tiêu chuẩn 1.1:</i> Mục tiêu của chương trình	2	2	2	

	đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.				
	Tiêu chuẩn 1.2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	2	2	
	Tiêu chuẩn 1.3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	2	0	0	
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	14	12	10	71,4%
	Tiêu chuẩn 2.1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	2	2	
	Tiêu chuẩn 2.2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	2	2	
	Tiêu chuẩn 2.3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.	2	2	0	
	Tiêu chuẩn 2.4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với	2	2	2	

	ngành, nghề đào tạo.				
	Tiêu chuẩn 2.5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	2	2	2	
	Tiêu chuẩn 2.6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2	2	2	
	Tiêu chuẩn 2.7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	0	0	
3	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	16	16	14	87,5%
	Tiêu chuẩn 3.1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2	0	
	Tiêu chuẩn 3.2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2	2	
	Tiêu chuẩn 3.3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	2	2	
	Tiêu chuẩn 3.4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	2	2	
	Tiêu chuẩn 3.5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	2	2	
	Tiêu chuẩn 3.6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	2	2	
	Tiêu chuẩn 3.7: 100% cán bộ quản lý và	2	2	2	

	nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.				
	Tiêu chuẩn 3.8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2	2	
4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	24	24	22	91,7%
	Tiêu chuẩn 4.1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2	2	
	Tiêu chuẩn 4.2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	2	2	
	Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	2	2	
	Tiêu chuẩn 4.4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bố thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	2	2	
	Tiêu chuẩn 4.5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	2	2	
	Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2	2	
	Tiêu chuẩn 4.7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	2	2	
	Tiêu chuẩn 4.8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo	2	2	0	

	trong hệ thống giáo dục quốc dân.				
	Tiêu chuẩn 4.9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2	2	
	Tiêu chuẩn 4.10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2	2	
	Tiêu chuẩn 4.11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	2	2	
	Tiêu chuẩn 4.12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2	2	
5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo và thư viện	16	14	14	87,5%
	Tiêu chuẩn 5.1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	2	2	
	Tiêu chuẩn 5.2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	2	2	
	Tiêu chuẩn 5.3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	2	2	
	Tiêu chuẩn 5.4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2	2	2	
	Tiêu chuẩn 5.5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào	2	2	2	

	tạo.				
	Tiêu chuẩn 5.6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	2	2	0	
	Tiêu chuẩn 5.7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	2	2	
	Tiêu chuẩn 5.8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2	0	2	
6	Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học	8	8	8	100%
	Tiêu chuẩn 6.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo: quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	2	2	
	Tiêu chuẩn 6.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	2	2	2	
	Tiêu chuẩn 6.1: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	2	2	2	

	Tiêu chuẩn 6.2: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	2	2	
7	Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng	16	14	14	87,5%
	Tiêu chuẩn 7.1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2	2	
	Tiêu chuẩn 7.2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	2	2	2	
	Tiêu chuẩn 7.3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	2	2	
	Tiêu chuẩn 7.4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2	2	2	
	Tiêu chuẩn 7.5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	2	2	
	Tiêu chuẩn 7.6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	2	2	
	Tiêu chuẩn 7.7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	0	0	

Tiêu chuẩn 7.8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	2	2	
---	---	---	---	--

2.2 Đánh giá chi tiết tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng

TIÊU CHÍ 1: *Mục tiêu, quản lý và tài chính*

1. Điểm đánh giá:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm Cơ sở GDNN/Cơ sở hoạt động GDNN tự đánh giá	Điểm Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
Tiêu chí 1	4 (bốn) điểm	4 (bốn) điểm
<i>Tiêu chuẩn 1.1</i>	<i>2 (Hai) Điểm</i>	<i>2 (Hai) Điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 1.2</i>	<i>2 (Hai) Điểm</i>	<i>2 (Hai) Điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 1.3</i>	<i>0 (Không) Điểm</i>	<i>0 (Không) Điểm</i>

2. Các điểm mạnh:

- Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của trường và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.

- Trường giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa Điện và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo, Khoa Điện hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

3. Các điểm cần cải thiện: Trường chưa xác định định mức chi tối thiểu cho một người học.

4. Đề xuất, kiến nghị đối với Cơ sở GDNN:

Trường cần có kế hoạch thực hiện việc xác định định mức chi tối thiểu cho người học theo qui định.

Tiêu chuẩn 1.1: *Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.*

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Mục tiêu của chương trình đào tạo nghề Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trình độ trung cấp phù hợp mục tiêu của trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc và phù hợp với nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.

Mục tiêu của CTĐT nghề Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trình độ trung cấp (TT&BVTV) được quy định rõ ràng “Cung cấp cho người học những kiến thức chuyên môn cơ bản của ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật. Sau khi tốt nghiệp người học có kiến thức và kỹ năng thực hiện các công việc trong các trang trại, công ty sản xuất về lĩnh vực trồng trọt. Người học có đủ năng lực thích ứng với môi trường làm việc trong bối cảnh hội nhập quốc tế, có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp; có sức khỏe, có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm và tiếp tục học lên trình độ cao hơn”. CTĐT TT&BVTV được Khoa Nông học trực tiếp xây dựng (trong đó có mục tiêu đào tạo), căn cứ vào các văn bản quy định của Bộ Lao động-Thương Binh và Xã hội, căn cứ vào các văn bản quy định cụ thể của trường Cao đẳng Nông lâm Đông bắc và được Hiệu trưởng Nhà trường chính thức ban hành sau khi có sự phê chuẩn của Hội đồng Đào tạo (*1.1.01- Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề đào tạo Trồng trọt và bảo vệ thực vật được Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông bắc ban hành kèm theo Quyết định số 164/QĐ-CDNLDB-ĐT ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc; 1.1.04 - Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp ngành nghề đào tạo Trồng trọt và bảo vệ thực vật Ban hành kèm theo quyết định số 231/QĐ-CDNLDB-ĐT ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc*).

Mục tiêu CTĐT nghề TT&BVTV trình độ trung cấp phù hợp với mục tiêu sứ mạng của Nhà trường, góp phần quan trọng trong việc xây dựng Nhà trường trở thành trường trọng điểm của ngành ở vùng Đông Bắc Việt Nam, tạo dựng được thương hiệu, mở rộng quan hệ, chủ động hội nhập, hợp tác trong vùng, trong nước. Mục tiêu sứ mạng của Trường được thể hiện tại trang 25 trong Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2009 - 2015 (*BS 1.1.01 - Chiến lược phát triển Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc giai đoạn 2009 - 2015 và tầm nhìn đến năm 2020*). Đó là: “Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc phải là trung tâm đào tạo nguồn nhân lực đảm bảo chất lượng và uy tín đối với xã hội, thực hiện nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ, đáp

ứng nhu cầu phát triển ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Nông nghiệp, lâm nghiệp, có đủ năng lực để hội nhập khu vực và quốc tế”, với tầm nhìn “Phấn đấu xây dựng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc trở thành trường trọng điểm của ngành ở vùng Đông Bắc Việt Nam, trong đó lấy đào tạo và nghiên cứu khoa học trên lĩnh vực lâm nghiệp, trồng trọt, chăn nuôi thú y và công nghệ sinh học làm trọng điểm”. Mục tiêu của Nhà trường đã được bổ sung điều chỉnh trong chiến lược phát triển Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc giai đoạn 2021 – 2030, tại trang 31 (*BS 1.1.02 - Chiến lược phát triển Trường CDNLĐB giai đoạn 2021 – 2030*). Đó là “Xây dựng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc thành trường cao đẳng chất lượng cao vào năm 2025, là địa chỉ đào tạo và nghiên cứu ứng dụng uy tín với đa ngành nghề và cấp trình độ đào tạo góp phần nâng cao chất lượng nhân lực phát triển ngành Nông nghiệp và PTNT, kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ninh và của vùng Đông Bắc”

Mục tiêu CTĐT TT&BVTV trình độ trung cấp phù hợp với nhu cầu thị trường lao động của Tỉnh Quảng Ninh. Theo *Quyết định số 2704/QĐ-UBND ngày 17/11/2014 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*. Đó là “Phát triển nhân lực để hỗ trợ các chính sách phát triển kinh tế xã hội của tỉnh theo hướng hiện đại hóa, chuyển dịch từ “Nâu” sang “xanh”, cụ thể: đến năm 2030, nền kinh tế QN sẽ là kinh tế Dịch vụ-Công nghiệp hiện đại với dịch vụ tiên tiến và sản xuất sạch, sản xuất theo công nghệ cao”, với mục tiêu cụ thể của tỉnh Quảng Ninh “Ưu tiên đào tạo nghề có trình độ từ trung cấp trở lên và bồi dưỡng nâng cao tay nghề thường xuyên cho đội ngũ nhân lực; Phát triển nhân lực theo lĩnh vực và các ngành kinh tế trọng điểm: Ngành nông nghiệp, lâm nghiệp”.

Mục tiêu CTĐT TT&BVTV được công bố công khai thông qua các cuộc họp Bộ môn và Khoa, được công bố trên website www.afcdongbac.edu.vn được phổ biến tới sinh viên trong khoa thông qua các buổi sinh hoạt lớp và học tập chính trị đầu khóa (*1.1.05 - Thông báo số 568/TB-CDNLĐB-ĐT ngày 24 tháng 8 năm 2020 về việc tổ chức Tuần sinh hoạt công dân-HSSV đầu khóa năm học 2020-2021*). Có thể nhận thấy mục tiêu được điều chỉnh nên chương trình đào tạo cũng được điều chỉnh, được thể hiện qua các minh chứng (*1.1.01 - Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề đào tạo Trồng trọt và bảo vệ thực vật được Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông bắc ban hành kèm*

theo Quyết định số 164/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc; 1.1.04 - Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp ngành nghề đào tạo Trồng trọt và bảo vệ thực vật Ban hành kèm theo quyết định số 231/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc).

Mục tiêu CTĐT TT&BVTV được rà soát, điều chỉnh theo quy định: Năm 2017 Trường chuyển từ Bộ giáo dục và Đào tạo sang hệ thống giáo dục nghề nghiệp, Bộ LĐTB&XH, Khoa Nông học và Nhà trường thực hiện việc rà soát và đổi mới chương trình đào tạo ngành TT&BVTV thông qua đó mục tiêu chương trình đào tạo được điều chỉnh, bổ sung đặc biệt theo hướng tăng cường về kỹ năng nghề, giảm lượng kiến thức lý thuyết, tăng cường năng lực thực hành và kết nối với doanh nghiệp nhằm đáp ứng thực tiễn của nhu cầu doanh nghiệp tuyển dụng và những yêu cầu mới của xã hội. Sự đổi mới mục tiêu chương trình đào tạo luôn bám sát với định hướng phát triển trong sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường (BS 4.1.03 - Kế hoạch rà soát, chỉnh sửa, cập nhật bổ sung CTĐT nghề trình độ cao đẳng, trung cấp số 662/KH-CDNLĐB-ĐT ngày 10/9/2018; BS 4.1.05 - Quyết định số 668/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 20/9/2018 về việc thành lập Ban rà soát, chỉnh sửa cập nhật bổ sung CTĐT nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật trình độ trung cấp; BS 4.1.05 - Quyết định số 231/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 22/4/2019 về việc Ban hành CTĐT nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật trình độ trung cấp).

Kết quả phỏng vấn Hiệu trưởng Nhà trường, CBQL và giáo viên của Trường trong các buổi gặp gỡ tại khảo sát chính thức của Đoàn đã khẳng định mục tiêu của CTĐT nghề TT&BVTV trình độ trung cấp phù hợp với mục tiêu của Nhà trường, phù hợp với mục tiêu của tỉnh Quảng Ninh và được rà soát, điều chỉnh định kỳ (Biên bản phỏng vấn CBQL, BB phỏng vấn giáo viên). Kết quả phỏng vấn học sinh (Biên bản phỏng vấn học sinh) cho thấy mục tiêu của Trường được công bố công khai trên trang Web của Trường.

Đoàn đánh giá Trường đạt tiêu chuẩn chất lượng.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 1.1:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (hai) điểm	2 (hai) điểm

Tiêu chuẩn 1.2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Nghề TT&BVTV trình độ trung cấp do Khoa Nông học của trường trực tiếp quản lý và tổ chức đào tạo. Trường có quy định rõ trách nhiệm của các đơn vị liên quan khác trong việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (1.2.01 - Quyết định số 653/QĐ-CDNLDB-TCHC ngày 15 tháng 12 năm 2017 về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc). Trong đó có nhiệm vụ, chức năng của khoa Nông học như sau: Khoa Nông học là đơn vị quản lý chuyên môn của trường, có chức năng trực tiếp tổ chức đào tạo các ngành/ngành, thực hiện nghiên cứu khoa học và tư vấn thuộc lĩnh vực Trồng trọt và bảo vệ thực vật; Khuyến nông; khoa học cây trồng; Công nghệ sinh học.

Khoa Nông học báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ, tổng kết năm học hàng năm cho Nhà trường và được đánh giá hoàn thành đúng chất lượng, tiến độ công việc được giao (1.2.02 - Các báo cáo thành tích “Đề nghị xét tặng danh hiệu tập thể lao động xuất sắc năm 2018 - 2019 và năm học 2019 – 2020”; 1.2.03 - Báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết Hội nghị cán bộ, viên chức cơ quan năm 2019 - 2020; 1.2.04 - Các giấy khen của khoa Nông học). Kết quả kiểm tra minh chứng cho thấy:

Năm học 2018 – 2019 và năm học 2020 – 2021 khoa Nông học đều được tặng Giấy khen của Tỉnh Quảng Ninh về việc có thành tích xuất sắc trong “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 1.2:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (hai) điểm	2 (hai) điểm

Tiêu chuẩn 1.3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ trên mô tả phân tích trong báo cáo tiêu chuẩn kết hợp với kiểm tra hồ sơ và kết quả phỏng vấn Hiệu trưởng Nhà trường cho thấy: Hàng năm Nhà trường chưa thực hiện việc xác định mức chi tối thiểu cho một người học và sẽ khắc phục tồn tại này trong những năm tới. Do đó Đoàn ĐGN thống nhất với đánh giá của Trường tiêu chuẩn này không đạt chất lượng.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 1.3:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (hai) điểm	0 (không) điểm

TIÊU CHÍ 2: Hoạt động đào tạo

1. Điểm đánh giá:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm Cơ sở GDNN tự đánh giá	Điểm Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
Tiêu chí 2	12 (mười hai) điểm	10 (mười) điểm
<i>Tiêu chuẩn 2.1</i>	<i>2 (hai) điểm</i>	<i>2 (hai) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 2.2</i>	<i>2 (hai) điểm</i>	<i>2 (hai) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 2.3</i>	<i>2 (hai) điểm</i>	<i>0 (không) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 2.4</i>	<i>2 (hai) điểm</i>	<i>2 (hai) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 2.5</i>	<i>2 (hai) điểm</i>	<i>2 (hai) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 2.6</i>	<i>2 (hai) điểm</i>	<i>2 (hai) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 2.7</i>	<i>0 (không) điểm</i>	<i>0 (Không) điểm</i>

2. Các điểm mạnh:

- Nhà trường thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch.
- Nhà trường có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định

- Nhà trường đã phối hợp với doanh nghiệp tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

- Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.

3. Các điểm cần cải thiện:

- Nhà trường chưa có phần mềm quản lý đào tạo.

- Nhà trường chưa xây dựng chương trình liên thông trung cấp TT&BVTT lên cao đẳng TT&BVTT

4. Đề xuất, kiến nghị:

- Nhà trường cần xây dựng phần mềm quản lý đào tạo phục vụ hoạt động dạy và học

- Nhà trường cần xây dựng chương trình liên thông trung cấp TT&BVTT lên cao đẳng TT&BVTT

Tiêu chuẩn 2.1: *Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.*

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Mô tả, phân tích, nhận định

Chương trình đào tạo nghề TT&BVTT, trường cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Tổng cục giáo dục Nghề nghiệp) cấp giấy phép đăng ký hoạt động số 140a/2017/GCNĐKBS - TCDN ngày 31/7/2017. Để công tác tuyển sinh đúng quy định Hiệu trưởng đã ký Quyết định số 186/QĐ –CD NLĐB-TSTVVL ngày 28/3/2019, Quyết định số 10/QĐ –CD NLĐB-TSTVVL ngày 10/01/2020 ban hành các Quy chế tuyển sinh gồm 5 chương 19 điều, trong đó quy định thời gian, đối tượng tuyển sinh, ngành nghề đào tạo, chỉ tiêu tuyển sinh, hình thức xét tuyển, các quy định cụ thể trong công tác tuyển sinh, thủ tục và hồ sơ đăng ký học nghề, đảm bảo tuân thủ đúng quy chế, phù hợp với khu vực tuyển sinh và đối tượng tuyển sinh trong đó có nghề TT&BVTT (2.1.01 - *Các Quy chế tuyển sinh của nhà trường ban hành các năm 2019, 2020, kèm theo Quyết định ban hành*).

Xác định chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm (2018 - 2020) của nghề TT&BVTT được thực hiện trên cơ sở giấy phép đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, cân đối tỷ lệ HSSV/giáo viên và cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo (2.1.02 - *Các thông báo nhiệm vụ chỉ tiêu tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp năm 2018, 2019, 2020 của trường Cao đẳng Nông lâm Đông Bắc*). Cụ thể:

+ Năm 2018 xác định chỉ tiêu: 30

+ Năm 2019 xác định chỉ tiêu: 30

+ Năm 2020 xác định chỉ tiêu: 35

Để thực hiện tuyển sinh đúng quy định, nhà trường thành lập Hội đồng tuyển sinh do Hiệu trưởng làm chủ tịch Hội đồng và Ban thư ký tuyển sinh (2.1.03 - *Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh năm 2019, 2020*). Hội đồng tuyển sinh xây dựng kế hoạch, thông báo tuyển sinh để thực hiện tuyển theo chỉ tiêu được giao (2.1.05 - *Kế hoạch tuyển sinh năm 2019, 2020*; 2.1.04 - *Thông báo tuyển sinh năm 2019, 2020*; BS2.1.01 - *Hồ sơ đăng ký học hàng năm*). Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký học, Hội đồng tuyển sinh xem xét các quy định để duyệt hồ sơ trúng tuyển đối với người học; sau đó lập danh sách trình hiệu trưởng ký quyết định trúng tuyển và nhập học, kết quả tuyển sinh cụ thể như sau: Năm 2019 là 43 HS và năm 2020 là 36 HS (2.1.06 - *Quyết định về việc phê duyệt danh sách trúng tuyển kèm theo biên bản họp xét; Quyết định mở lớp năm 2019, 2020 kèm theo danh sách lớp*). Kết quả tuyển sinh nghề TT&BVTT của nhà trường đều đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch (2.1.07 - *Báo cáo kết quả tuyển sinh năm 2019, 2020*). Cụ thể: Năm 2019: $43/30 = 143,33\%$; Năm 2020: $36/35 = 102,9\%$.

Đánh giá công tác tuyển sinh của trường đảm bảo đúng quy định, nghiêm túc, công bằng, khách quan, nhà trường giao cho phòng kiểm định KH và HTQT giám sát kiểm tra công tác tuyển sinh. Hàng năm phòng xây dựng kế hoạch và tiến hành thanh kiểm tra các hoạt động đào tạo trong đó có công tác tuyển sinh (BS2.1.01 - *Kế hoạch thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động đào tạo năm 2019, 2020*). Kết quả cho thấy công tác tuyển sinh thực hiện đúng quy định, Hồ sơ tuyển sinh lưu theo từng lớp, ngành, khóa được sắp xếp gọn gàng, khoa học, mỗi bộ hồ sơ đầy đủ các thủ tục theo thông tư 05/2017/TT-BLĐTBXH ngày 2/3/2017 (BS2.1.02 - *Báo cáo kết quả kiểm tra công tác tuyển sinh các năm 2019, 2020*). Năm 2018 nhà trường có đoàn kiểm tra của Sở Lao động –Thương binh

và Xã hội Quảng Ninh kiểm tra việc thực hiện quy chế, quy định về giáo dục nghề nghiệp trong đó có công tác tuyển sinh đã có kết luận nhà trường tuyển sinh nghiêm túc, đúng quy định (*BS2.1.03 - Biên bản kiểm tra việc thực hiện quy chế, quy định về giáo dục nghề nghiệp tại trường CĐ Nông lâm Đông Bắc năm 2018; 2.1.07 - Báo cáo công tác tuyển sinh năm 2019, 2020*). Như vậy nhiều năm qua nhà trường không có trường hợp khiếu nại nào trong công tác tuyển sinh.

Phòng vấn cán bộ quản lý, nhà giáo cho thấy nhà trường thực hiện công tác tuyển sinh đúng quy định (*Biên bản phỏng vấn*).

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của HSSV, nhà giáo về thực hiện công tác tuyển sinh của Nhà trường. Kết quả cho thấy:

NỘI DUNG LẤY Ý KIẾN	Đối tượng	Năm	Số lượng	Kết quả	
				Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
Công tác tuyển sinh của trường đảm bảo đúng quy định	Giảng viên	2018-2019	16	93,8%	6,2%
		2019-2020	16	87,5%	12,6%
	HS	2018-2019	10	92,58	7,42%
		2019-2020	27	87,1%	22,9%

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 2.1:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (hai) điểm	2 (hai) điểm

Tiêu chuẩn 2.2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Khảo sát, kiểm tra hồ sơ minh chứng cho thấy:

Nghề TT&BVTT trình độ trung cấp đã được Tổng cục giáo dục nghề nghiệp cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 140a/2017/GCNĐKBS –TCDN ngày 31/7/2017

(2.7.01 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2017). Trên cơ sở đó trường đã xây dựng chương trình đào tạo nghề TT&BVTT (BS4.1.11 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề TT&BVTT trình độ trung cấp năm 2017, kèm theo bộ chương trình đào tạo chi tiết; 4.1.04 - Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật Ban hành kèm theo quyết định số 231/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc).

Thực hiện chương trình đào tạo đã được phê duyệt, căn cứ vào kết quả tuyển sinh, lưu lượng HSSV hàng năm và đội ngũ giáo viên của khoa; nhà trường xây dựng và ban hành kế hoạch, tiến độ đào tạo theo khóa, năm học cho từng nghề trong đó có nghề TT&BVTT (2.2.02 - Kế hoạch đào tạo nghề TT&BVTT khóa học 2018 - 2019, 2019 - 2022; 2.2.01 - Tiến độ đào tạo các năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020). Kế hoạch đào tạo được xây dựng chi tiết đến từng MH/MĐ phù hợp với quy định của chương trình đào tạo.

Đoàn tiến hành kiểm tra việc tổ chức đào tạo theo quy định cho thấy: Sau khi kế hoạch, tiến độ đào tạo được phê duyệt, Phòng đào tạo phối hợp Khoa xây dựng kế hoạch giáo viên, thời khóa biểu để thực hiện công tác giảng dạy (2.2.04 - Thời khóa biểu năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020; 2.2.03 - Kế hoạch giảng viên các năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020). Công tác giảng dạy được thực hiện đúng yêu cầu đảm bảo đúng theo kế hoạch, tiến độ đã được phê duyệt (2.2.05 - Sổ lên lớp năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020; Giáo án giảng dạy các năm học 2018 - 2019, 2019-2020; Sổ tay nhà giáo các năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020).

Đoàn đã dự giờ 02 giáo viên: Cô Lưu Thị Lan, dạy lớp 59TT, MĐ trồng cây công nghiệp, bài: Trồng cây chè; cô Trần Thị Bích Hương, dạy lớp 58TT, MĐ thực tập tốt nghiệp, bài: Chuẩn bị giá thể trồng rau cao cấp. Kết quả cho thấy các giáo viên thực hiện đúng theo kế hoạch, tiến độ đào tạo, lịch giảng dạy của Nhà trường. Hồ sơ sổ sách đầy đủ, thực hiện ghi chép đúng theo mẫu của Nhà trường đã ban hành, nội dung ghi đúng theo chương trình đào tạo đã ban hành.

Để đánh giá chất lượng tổ chức thực hiện kế hoạch, tiến độ đào tạo nhà trường giao cho phòng KĐ-KH&HTQT kiểm tra, giám sát chất lượng quản lý đào tạo toàn trường, trong đó có khoa Nông học, phòng KĐ-KH&HTQT xây dựng kế hoạch thực hiện kiểm tra, giám sát đối với các phòng, khoa, đơn vị thực hiện kiểm tra chuyên đề theo từng lĩnh

vực quản lý đào tạo, sau mỗi đợt kiểm tra, có biên bản kiểm tra và báo cáo tình hình kiểm tra giám sát trình Hiệu trưởng chỉ đạo các đơn vị có kế hoạch khắc phục những nội dung chưa thực hiện tốt (2.2.07 - Kế hoạch thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động đào tạo kỳ I,II năm học 2018-2019, 2019-2020; 2.2.13 - Biên bản thanh kiểm tra về công tác đào tạo năm 2018 - 2019, 2019 - 2020; 2.2.08 - Báo cáo về hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động đào tạo kỳ I,II năm học 2018-2019, 2019-2020; 2.2.06 - Báo cáo số 69/BC-CDNĐB ngày 04 tháng 5 năm 2019 về công tác hoạt động giáo dục nghề nghiệp của trường Cao đẳng Nông Lâm Đông bắc; BS2.2.01 - Báo cáo biện pháp khắc phục nâng cao chất lượng dạy và học, kết quả rà soát phương pháp và nội dung cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra Khoa Nông học năm học 2018-2019, 2019 - 2020; BS2.2.02- Kết quả khắc phục cải tiến sau kiểm tra; BS2.2.03 -Báo cáo hoạt động chuyên môn của khoa Nông học). Năm 2018 nhà trường có đoàn kiểm tra của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Quảng Ninh kiểm tra việc thực hiện quy chế, quy định về giáo dục nghề nghiệp trong đó có công tác tổ chức quản lý và thực hiện đào tạo đã có kết luận nhà trường thực hiện đúng quy định theo thông tư số 07/2017/BLĐTBXH ngày 10/3/2017, công tác giáo vụ thực hiện đúng theo quy định (BS2.1.03 - Biên bản kiểm tra việc thực hiện quy chế, quy định về giáo dục nghề nghiệp tại trường CD Nông lâm Đông Bắc năm 2018).

Phòng vấn HSSV, nhà giáo, cán bộ quản lý cho thấy công tác đào tạo của nghề TT&BVTT trực thuộc Khoa Nông học đã được tổ chức thực hiện theo quy định quy chế và kế hoạch, tiến độ xây dựng (Biên bản phỏng vấn).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu tiêu chuẩn này.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 2.2:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (hai) điểm	2 (hai) điểm

Tiêu chuẩn 2.3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm

của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Kiểm tra hồ sơ minh chứng cho thấy:

Chương trình đào tạo nghề TT&BVTT được nhà trường ban hành năm 2017, thực hiện rà soát, điều chỉnh năm 2019 trong đó có quy định mục tiêu đào tạo, khối lượng kiến thức, thời gian khóa học (*BS4.1.11 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề TT&BVTT trình độ trung cấp năm 2017, kèm theo bộ chương trình đào tạo chi tiết; 4.1.04: Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật Ban hành kèm theo quyết định số 231/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc*). Trong đó xác định:

+ Phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình: Căn cứ chương trình đào tạo nghề TT&BVTT nhà trường xây dựng kế hoạch, tiến độ đào tạo cho các khóa theo phương pháp đào tạo niên chế phù hợp với nội dung chương trình đào tạo đã ban hành (*2.2.02 - Kế hoạch đào tạo nghề TT&BVTT khóa học 2018 - 2019, 2019 - 2020; 2.2.01 - Tiến độ đào tạo các năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020; 2.2.03 - Kế hoạch giảng viên các năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020; 2.2.04 - Thời khóa biểu năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020*). Trong quá trình thực hiện đào tạo để nâng cao chất lượng đào tạo nhà trường và giáo viên khoa Nông học có phương pháp đào tạo:

+ Phương pháp đào tạo phù hợp kết hợp với rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học như sau: Lấy người học làm trung tâm không ngừng nâng cao chất lượng dạy và học qua các hoạt động học theo nhóm, dạy tích hợp, viết tiểu luận, bài tập lớn; sử dụng các phương pháp thuyết trình, phương pháp nêu vấn đề, phương pháp thảo luận nhóm, giảng viên giảng dạy nghề TT&BVTT đã áp dụng phương pháp phân tích nghề vào ngay trong quá trình biên soạn giáo án, bài giảng của giảng viên. Các bài giảng được gắn với chuẩn đầu ra. Trong quá trình giảng dạy, giảng viên giảng dạy nghề TT&BVTT đã có những giải pháp thực hiện bài giảng hiệu quả năng động, chủ động và tham gia một cách nghiêm túc, tích cực vào quá trình giảng dạy của giảng viên, đồng thời rèn luyện tác phong làm việc theo nhóm cho sinh viên, hình thành

khả năng tự tư duy, nghiên cứu về nghề nghiệp cho sinh viên (2.2.05 - *Sổ lên lớp năm học 2018 - 2019, 2019-2020; Giáo án giảng dạy các năm học 2018 - 2019, 2019 – 2020 - Sổ tay nhà giáo các năm học 2018 - 2019, 2019 -2 020*).

Phòng KĐ-KH&HTQT thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học toàn trường, trong đó có khoa TT&BVTT, kiểm tra hồ sơ giảng dạy, dự giờ của giáo viên ..., sau mỗi đợt kiểm tra, có biên bản kiểm tra và báo cáo tình hình kiểm tra giám sát trình Hiệu trưởng chỉ đạo các đơn vị có kế hoạch khắc phục những nội dung chưa thực hiện tốt (2.2.13 - *Biên bản thanh kiểm tra về công tác đào tạo năm 2018- 2019, 2019-2020; 2.2.08 - Báo cáo về hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động đào tạo kỳ I,II năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020; BS2.2.03 - Báo cáo hoạt động chuyên của khoa Nông học*).

Tiếp tục kiểm tra hệ thống minh chứng cung cấp, nhận thấy nhà trường đã tiến hành lập kế hoạch, triển khai lấy ý kiến và Báo cáo kết quả khảo sát sự hài lòng của người học sau khi kết thúc môn học/ mô đun, kết thúc khoá học để đảm bảo đánh giá tính phù hợp của hoạt động dạy và học phù hợp với trình độ sinh viên, trong quá trình học tập (2.3.06 - *Kế hoạch, Báo cáo Kết quả khảo sát sự hài lòng của người học sau khi kết thúc mô đun/ môn học năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2.3.07 - Kế hoạch, Báo cáo Kết quả khảo sát sự hài lòng người học sau khi kết thúc khoá học*).

+ Phương pháp đào tạo thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học. Được thể hiện toàn bộ các môn học, mô-đun trong chương trình đào tạo của nghề đều được thiết kế bằng bài giảng điện tử với những hình ảnh, video đa dạng, phong phú giúp người học dễ hình dung các kiến thức, kỹ năng liên quan. (BS2.3.01 - *Giáo án điện tử các môn học/mô đun của nghề TT&BVTT*). Các phòng học lý thuyết của nhà trường đều được trang bị hệ thống tivi, âm thanh phục vụ cho việc trình chiếu các bài giảng điện tử. Các nhà thực hành được bố trí đầy đủ các trang thiết bị thực hành, các quy trình, các phần mềm ứng dụng để học sinh có thể tiếp cận thực tế một cách nhanh và hiệu quả nhất. (BS2.3.02 – *Phần mềm điều khiển; BS2.3.04 - Danh mục thiết bị đào tạo nghề TT&BVTT*). Ngoài ra, nhà trường đã tổ chức biên soạn ngân hàng câu hỏi thi trắc nghiệm và hệ thống phần mềm thi trắc nghiệm đối với việc tổ chức thi kết thúc môn học của hầu hết các môn lý thuyết. Điều này giúp cho công tác đánh giá kết việc đánh giá kết quả học

tập của sinh viên đảm bảo tính khách quan, công bằng và tiết kiệm nguồn lực cho nhà trường. (BS2.3.04 - Ngân hàng đề thi trắc nghiệm).

Qua nghiên cứu hồ sơ minh chứng, phỏng vấn nhà giáo, đoàn nhận thấy: các nhà giáo giảng dạy nghề TT&BVTV trình độ trung cấp đã sử dụng các phần mềm mô phỏng như: Powerpoint, proteus, Cadesimu, orcad, ... (BS-2.3.05 - Mô hình mô phỏng quá trình côn trùng truyền bệnh vi rút từ cây có mùi bị bệnh sang cây khỏe gây bệnh; Mô hình mô phỏng quá trình hạt nảy mầm ở cây hai lá mầm; mô hình mô phỏng quá trình sinh trưởng, phát triển của cây hoa; mô hình mô phỏng quá trình gây hại của ruồi đục quả; mô hình mô phỏng ghép nêm cây có mùi).

Như vậy phương pháp đào tạo của nghề TT&BVTT phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học. Tuy nhiên nhà trường chưa có phần mềm quản lý đào tạo, môn học, điểm.

Phỏng vấn HSSV, nhà giáo, cán bộ quản lý cho thấy giáo viên giảng dạy đã thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn, phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học. Tuy nhiên Trường chưa có phần mềm quản lý đào tạo (Biên bản phỏng vấn).

Đoàn đánh giá: Nhà trường chưa đạt yêu cầu tiêu chuẩn này.

1. Đánh giá tiêu chuẩn 2.3:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (hai) điểm	2 (hai) điểm

Tiêu chuẩn 2.4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Kiểm tra hồ sơ minh chứng cho thấy:

Thực hiện theo đúng quy định của chương trình đào tạo, nâng cao chất lượng và kỹ năng nghề cho người học. Nhà trường đã tăng cường mối liên kết với các doanh nghiệp và giúp sinh viên TT&BVTT tiếp cận được với các kiến thức, kỹ năng thực tế, hàng năm, nhà trường ký biên bản thỏa thuận với doanh nghiệp Công ty cổ phần đầu tư và xuất nhập khẩu Song Hành, HTX dịch vụ NN chất lượng cao Hoa Phong để cử học sinh đến thực tập tại doanh nghiệp. Năm 2020 ký kết với Công ty cổ phần đầu tư và xuất nhập khẩu Song Hành (BS2.4.01 - *Biên bản thỏa thuận giữa nhà trường với doanh nghiệp về thực tập của sinh viên năm học 2020 - 2021*); Căn cứ chương trình, kế hoạch, tiến độ đào tạo, nhà trường xây dựng kế hoạch thực tế thực tập theo quy định cho người học, trong đó xác định mục đích, yêu cầu, thời gian, địa điểm, nội dung thực tập và phân công trách nhiệm của giáo viên (BS2.4.02 - *Kế hoạch thực tập của học sinh năm học 2020 - 2021*; BS2.4.03 - *Quyết định đưa học sinh thực tập tại doanh nghiệp năm học 2020 - 2021*). Thời gian thực tập tốt nghiệp là 315 giờ (BS4.1.11 - *Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề TT&BVTT trình độ trung cấp năm 2017, kèm theo bộ chương trình đào tạo chi tiết*; 4.1.04 - *Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật Ban hành kèm theo quyết định số 231/QĐ-CDNLDB-ĐT ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc, MD 28 thực tập tốt nghiệp*).

Đoàn tiên hành kiểm tra đối chiếu danh sách HSSV các lớp với danh sách được quyết định cử đi thực tế, thực tập cho thấy: Nhà trường đã thực hiện đúng quy định trong đào tạo cử người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo (BS2.4.04 - *Quyết định phân công giảng viên hướng dẫn thực tập năm học 2020-2021*; BS2.4.05 - *Đề cương thực tập các khóa năm học 2020 - 2021*; BS2.4.06 - *Danh sách người học đã đi thực tập tại các doanh nghiệp năm học 2020 - 2021*). Tại thời điểm đoàn đánh giá ngoài khảo sát, trường chỉ có 01 lớp TT&BVTT trình độ TC (TC58-TT với 30 HS) khóa 2017 - 2021 bắt đầu đi thực tập tốt nghiệp thời gian là (23/11/20120 – 20/1/2021). Vì vậy đến thời điểm này HS mới bắt đầu đi thực tập tốt nghiệp, nên chưa có báo cáo kết quả thực tập của HS và HS tốt nghiệp.

Như vậy nhà trường đã phối hợp các đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

Phòng vấn HS, nhà giáo, cán bộ quản lý, Doanh nghiệp cho thấy 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo (*Biên bản phỏng vấn*).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu tiêu chuẩn này.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 2.4:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
<i>2 (hai) điểm</i>	<i>2 (hai) điểm</i>

Tiêu chuẩn 2.5: *Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nghiên cứu minh chứng cho thấy:

Nhà trường có quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ đảm bảo theo quy định của Thông tư 09/2017/TT - BLĐT BXH ngày 13/3/2017 về Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô - đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp và Thông tư 10/2017/TT - BLĐT BXH ngày 13/3/2017 quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, Thông tư 34/2018/TT - BLĐT BXH ngày 26/12/2018 của Bộ LĐT BXH, cụ thể:

- *Quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện,:*

Năm 2019, Nhà trường ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp theo niên chế của trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc. Tại chương III, IV của Quy chế có

quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp gồm 2 chương, 13 điều ban hành năm 2019 kèm theo Quyết định số 509/QĐ-CĐNLĐB -ĐT ngày 09/8/2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông lâm Đông Bắc (2.5.01 *Quyết định số 509/QĐ-CĐNLĐB-ĐT ngày 09 tháng 8 năm 2019 ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp theo niên chế của trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc, kèm theo Quy chế*).

- *Quy định về cấp văn bằng, chứng chỉ:*

Năm 2018, Trường ban hành quy định kèm theo Quyết định số 670/QĐ-CDKTCNQ ngày 28/9/2018 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc về việc ban hành Quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng. Quy chế gồm có 18 điều (2.5.02: *Quyết định số 670/QĐ-CĐNLĐB-ĐT ngày 28 tháng 9 năm 2018 về việc ban hành Quy chế quy định về sử dụng phôi bằng tốt nghiệp Trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng của trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc, kèm theo Quy chế*).

+ Việc tổ chức thi kết thúc, mô đun, môn học được Phòng Kiểm định-KH&HTQT của Trường tổ chức đúng theo quy trình, quy định, đảm bảo khách quan, nghiêm túc từ khâu lập kế hoạch, bốc đề thi, nhân bản đề thi và thực hiện nghiêm túc việc giám sát tổ chức kiểm tra kết thúc của khoa. Việc tổ chức kiểm tra của khoa diễn ra nghiêm túc, đảm bảo đúng theo quy chế. Đối với các mô đun thực hành của khoa Nông học có đầy đủ trang thiết bị cho học sinh kiểm tra, đối với các môn lý thuyết giáo viên coi thi nghiêm túc, đảm bảo đúng quy định (BS2.5.01 - *Báo cáo hàng tháng, sơ kết, tổng kết của Phòng Kiểm định-KH&HTQT; BS2.5.02 - Kế hoạch thi hàng năm; BS2.5.03 - Biên bản bốc thăm đề thi*).

Ngoài việc thực hiện nghiêm túc quy định về kiểm tra định kỳ sau khi kết thúc mỗi chương, mỗi bài, Khoa còn khuyến khích việc kiểm tra trên lớp thường xuyên việc học tập, rèn luyện kỹ năng và chuẩn bị bài của HSSV (2.2.05 - *Sổ lên lớp năm học 2018 - 2019, 2019-2020; Giáo án giảng dạy các năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020; Sổ tay nhà giáo các năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020*). Trong phiếu chấm điểm thực hành, ngoài các tiêu chí chuyên môn còn có các tiêu chí tinh thần, thái độ, tác phong của HS (BS2.5.04 - *Phiếu chấm điểm bài thi thực hành*). Đối với các bài thi viết được rọc phách, do 2 giảng viên

chấm độc lập; các bài thi vấn đáp do 2 giảng viên hỏi thi. Các bài thi thực hành do 2 giảng viên đánh giá (2.5.07 - *Thông báo kết quả học tập năm 2018 - 2019, 2019 - 2020*). Năm 2019, Trường tổ chức thi tốt nghiệp cho khóa 56, niên khóa 2016 - 2019 theo hình thức thi; Năm 2020, nhà trường tổ chức xét tốt nghiệp cho học sinh. Việc tổ chức thi, xét tốt nghiệp được thực hiện theo đúng quy định tại TT 09/2017/TT-BLĐT BXH ngày 13/3/2017 (BS2.5.05 - *Kế hoạch tổ chức xét, thi tốt nghiệp năm 2019, 2020*; BS2.5.06 - *Quyết định thành lập Hội đồng xét, thi tốt nghiệp và các ban giúp việc năm 2019, 2020*; 2.5.05 - *Biên bản họp Hội đồng xét, thi tốt nghiệp xét danh sách dự thi và Quyết định công bố danh sách sinh viên dự thi năm 2019, 2020*; BS2.5.07 - *Biên bản họp Hội đồng thi tốt nghiệp xét danh sách công nhận tốt nghiệp và Quyết định công nhận tốt nghiệp năm 2019, 2020*).

Đối với đánh giá kết quả rèn luyện: Để thực hiện đúng quy định nhà trường ban hành quyết định số 147/2017 quy định về quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV (BS2.5.12 - *Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện cho người học*). Việc đánh giá rèn luyện được thực hiện từ lớp đến khoa và Hội đồng đánh giá nhà trường (BS2.5.08 - *Phiếu đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV*). Về việc đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV, sau khi kết thúc học kỳ, năm học, sinh viên sẽ tự đánh giá nhận xét kết quả rèn luyện của mình căn cứ vào văn bản hướng dẫn đánh giá kết quả rèn luyện học HSSV. Trên cơ sở phiếu tự nhận xét đánh giá của sinh viên, giảng viên chủ nhiệm tổ chức sinh hoạt lớp để bình xét điểm rèn luyện của sinh viên, kết quả đánh giá chuyển về phòng Công tác HSSV làm căn cứ công nhận kết quả rèn luyện của HSSV (BS2.5.09 - *Quyết định công nhận kết quả rèn luyện năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020*)

+ Đối với việc cấp phát văn bằng, chứng chỉ nhà trường có sổ theo dõi cấp văn bằng, chứng chỉ theo đúng quy định. Sau các kỳ thi tốt nghiệp Nhà trường ban hành quyết định công nhận tốt nghiệp cho các học sinh theo đúng quy định. Căn cứ các quyết định tốt nghiệp, Nhà trường tiến hành in bằng, vào số hiệu bằng, vào thông tin sổ cấp phát văn bằng. HSSV đến nhận bằng thì trình chứng minh thư, đối chiếu các thông tin trong bằng và sổ cấp phát bằng và ký nhận bằng. Đối với những phôi bằng, chứng chỉ hỏng hoặc không còn hiệu lực đã được nhà trường thành lập Hội đồng tiêu hủy (BS2.5.10 - *Sổ cấp phát bằng*).

Hàng năm, công tác tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng chứng chỉ của trường được ban kiểm tra công tác đào tạo kiểm tra và lập biên bản kết luận nhà trường thực hiện đúng quy định của Bộ và quy chế của trường (BS 2.5.11 - Báo cáo về việc thực hiện theo quy định kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ cơ sở đào tạo đã ban hành; BS. 2.5.14 - Quyết định thành lập Ban thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo và biên bản kiểm tra hoạt động đào tạo 2018 – 2020). Như vậy công tác tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.

Phòng văn HS, nhà giáo, cán bộ quản lý, cựu HSSV cho thấy công tác tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện hàng năm trường thực hiện tốt (Biên bản phỏng vấn).

Đoàn đánh giá nhà trường đạt yêu cầu tiêu chuẩn này.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 2.5:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
<i>2 (hai) điểm</i>	<i>2 (hai) điểm</i>

Tiêu chuẩn 2.6: *Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhằm nâng cao công tác quản lý chất lượng đào tạo, ngoài chức năng, nhiệm vụ của Phòng Kiểm định-KH&HTQT và đảm bảo chất lượng thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, đánh giá hoạt động đào tạo được thể hiện trong Quyết định số 653/QĐ-CĐNLĐB-TCHC(BS.6.01 - Phân công chức năng nhiệm vụ của Phòng Kiểm định-KH&HTQT). Phòng Kiểm định-KH&HTQT xây dựng kế hoạch và thực hiện kế hoạch giám sát, kiểm tra hoạt động dạy và học đảm bảo tính công bằng khách quan và đúng quy định (2.2.07 - Các kế hoạch thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động đào tạo năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020; 2.2.08 - Báo cáo thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động đào tạo năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020; BS2.6.01- Các kế hoạch dự giờ đánh giá chất lượng giáo viên

năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020; 2.2.08 - Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát thường xuyên về công tác giảng dạy của giáo viên). Hoạt động kiểm tra được phản ánh qua các biên bản kiểm tra hằng năm. (BS2.6.02 - Các Biên bản thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động đào tạo năm học 2018-2019, 2019-2020).

Sau khi kiểm tra hoạt động dạy và học nhà trường có các biện pháp khắc phục hoạt động dạy và học, cụ thể: Trong hội nghị Đảng ủy mở rộng đề ra kế hoạch công tác cho tháng tiếp theo để kịp thời khắc phục những điểm tồn tại nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng đào tạo (*BS 2.6.03 - Nghị quyết đảng ủy mở rộng hằng tháng*). Trong các cuộc họp định kỳ của Hội đồng trường và giao ban hàng tháng, Nhà trường có những đánh giá, chấn chỉnh những mặt còn tồn tại, yếu kém trong hoạt động đào tạo, đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học như: khuyến khích cán bộ, giáo viên nghiên cứu khoa học, làm sáng kiến kinh nghiệm; rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đảm bảo thiết bị đào tạo hiện đại, đồng bộ, cập nhật công nghệ sản xuất cho phù hợp với doanh nghiệp; tăng cường bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, nhà giáo về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng giảng dạy; đổi mới phương pháp giảng dạy, tăng cường đánh giá độc lập và có sự tham gia đánh giá của doanh nghiệp; giám sát và nhận phản hồi của sinh viên, giáo viên, doanh nghiệp, cơ quan quản lý nước ... (*BS 2.6.04 - Các Nghị quyết của Hội đồng trường; BS 2.6.05 - Biên họp giao ban hàng tháng*).

Thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học đã được đề xuất, khoa Nông học tổ chức dự thường xuyên, Ban Giám hiệu dự giờ đột xuất giáo viên giảng dạy trên lớp, dự giờ bồi dưỡng giáo viên tham gia Hội giảng Nhà giáo Giáo dục nghề nghiệp các cấp; giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học, làm thiết bị dạy học và làm sáng kiến kinh nghiệm (*BS2.2.01- Báo cáo biện pháp khắc phục nâng cao chất lượng dạy và học, kết quả rà soát phương pháp và nội dung cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra Khoa Nông học năm học 2018-2019, 2019-2020*).

Kết quả điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất được thể hiện qua sự góp ý đánh giá bài giảng của đội ngũ chuyên gia, giáo viên và thể hiện bằng các giải thưởng mà giáo viên đạt được trong Hội giảng các cấp cụ thể: Hội thi thiết bị tự làm các cấp, những sáng kiến kinh nghiệm, đề tài được nghiệm thu và ứng dụng, cụ thể: (1) Hệ thống trồng rau khí canh trụ đứng đạt giải nhì cấp tỉnh, giải KK quốc gia (thầy giáo Phan

Tuần Minh); (2) Hệ thống tưới thông minh cho cây trồng nông nghiệp đạt giải 3 cấp tỉnh (cô Trịnh Thị Nga), Đề tài khoa học cấp cơ sở “*Ứng dụng khoa học kỹ thuật xây dựng mô hình trồng thử nghiệm một số giống dưa chất lượng cao (Dưa vằn lưới, dưa kim) theo quy trình sản xuất an toàn trong nhà lưới tại Quảng Yên năm 2019*” Đề tài được nghiệm thu tháng 11 năm 2019 với kết quả đạt (BS 2.6.06 - *Sổ theo dõi quản lý hoạt động giảng dạy và dự giờ giáo viên của Lãnh đạo Khoa*; BS 2.6.07 - *Các báo cáo hiệu quả sử dụng của các thiết bị, đề tài nghiên cứu của các khoa nghề các năm*; BS 2.6.08 - *Đánh giá của Hội đồng Sáng kiến về hiệu quả của các sáng kiến hàng năm*; BS2.6.09 - *Các quyết định công nhận sáng kiến cấp trường năm 2018 - 2019, 2019 - 2020*; BS 2.6.10 - *Các quyết định khen thưởng, giấy khen cá nhân đạt giải hội thi Sáng kiến, giấy khen đạt giải thiết bị dự thi cấp trường, cấp tỉnh, cấp toàn quốc*; BS 2.6.11 - *Quyết định về việc khen thưởng Khoa tham gia tích cực Hội giảng Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp cấp trường hàng năm*).

Phòng vận HSSV, Nhà giáo, cán bộ quản lý cho thấy Trường tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định. Sau kiểm tra đã có biện pháp điều chỉnh kịp thời để nâng cao chất lượng dạy và học (*Biên bản phỏng vấn*).

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý về nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường. Kết quả cho thấy các giải pháp đang áp dụng mang lại hiệu quả cao, phù hợp với các hoạt động của Nhà trường cụ thể:

NỘI DUNG LẤY Ý KIẾN	Đối tượng	Năm	Số lượng	Kết quả	
				Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
Đánh giá hiệu quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học	Giảng viên	2018-2019	16	81,3%	18,7%
		2019-2020	16	87,5%	12,5%
		Cán bộ quản lý	2018-2019	21	90,47%
	2019-2020	21	85,71%	14,29%	

Đoàn đánh giá nhà trường đạt yêu cầu tiêu chuẩn này.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 2.6:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
<i>2 (hai) điểm</i>	<i>2 (hai) điểm</i>

Tiêu chuẩn 2.7: *Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong những năm trước đây, phần lớn người học sau khi học xong trung cấp đều tìm kiếm việc làm tại các doanh nghiệp để ổn định cuộc sống nên nhu cầu học liên thông lên Cao đẳng ngành TT&BVTV của người học trong những năm qua còn rất ít, công tác tuyển sinh học sinh học liên thông lên Cao đẳng hàng năm không thành công. Vì vậy nhà trường chưa xây dựng chương trình liên thông trung cấp TT&BVTT lên cao đẳng TT&BVTT.

Phòng vấn Nhà giáo, Cán bộ quản lý cho thấy Trường chưa xây dựng chương trình liên thông (*Biên bản phỏng vấn*).

Đoàn đánh giá nhà trường không đạt yêu cầu tiêu chuẩn này.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 2. 7:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
<i>0 (không) điểm</i>	<i>0 (không) điểm</i>

TIÊU CHÍ 3 : Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

1. Điểm đánh giá:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm Cơ sở GDNN/Cơ sở hoạt động GDNN tự đánh giá	Điểm Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
<i>Tiêu chí 3</i>	<i>16 (mười sáu) điểm</i>	<i>14(mười bốn) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 3.1</i>	<i>2 (hai)điểm</i>	<i>0 (không) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 3.2</i>	<i>2 (hai) điểm</i>	<i>2 (hai) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 3.3</i>	<i>2 (hai) điểm</i>	<i>2 (hai) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 3.4</i>	<i>2 (hai) điểm</i>	<i>2 (hai) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 3.5</i>	<i>2 (hai) điểm</i>	<i>2 (hai) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 3.6</i>	<i>2 (hai) điểm</i>	<i>2 (hai) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 3.7</i>	<i>2 (hai) điểm</i>	<i>2 (hai) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 3.8</i>	<i>2 (hai) điểm</i>	<i>2 (hai) điểm</i>

2. Các điểm mạnh:

- Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.
 - Trường đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.
 - Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.
- Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.
- 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.
 - 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.
- Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao

3. Các điểm cần cải thiện: Trường còn có các nhà giáo giảng dạy CTĐT TT&BVTV trình độ trung cấp chưa đạt chuẩn về kỹ năng nghề.

4. Đề xuất, kiến nghị đối với Cơ sở GDNN/Cơ sở hoạt động GDNN:

- Trường cần tạo điều kiện để giáo viên nhanh chóng đạt kỹ năng nghề sớm.

Tiêu chuẩn 3.1: *100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.*

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Kiểm tra minh chứng (3.1.01 - Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên của trường CDN NLĐB các năm 2018 - 2019; 2019 - 2020: họ và tên; mô-đun, môn học đang giảng dạy; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng thực hành; ngoại ngữ; tin học các năm 2018 - 2019; 2019 - 2020) và hồ sơ sơ nhà giáo tham gia giảng dạy nghề TT&BVTV trình độ trung cấp trong 2 năm học qua (3.2.02 - Hồ sơ quản lý nhà giáo) cho thấy:

* **Năm học 2018 - 2019** có 14 nhà giáo tham gia giảng dạy, trong đó có 06 nhà giáo dạy môn chung; 08 nhà giáo giảng dạy các môn cơ sở và chuyên môn

- **Nhà giáo giảng dạy môn chung:** 06 người, tất cả đều có thời gian tham gia giảng dạy trên 12 tháng.

+ Trình độ chuyên môn: gồm 02 Thạc sỹ chuyên ngành và 04 Đại học chuyên ngành

+ Su phạm: Gồm có: 06 có Chứng chỉ Su phạm dạy nghề.

+ Ngoại ngữ: Gồm có các trình độ: 01 Đại học; 01 chứng chỉ B1; 04 chứng chỉ B.

+ Tin học: Gồm có: 01 Thạc sỹ; 05 chứng chỉ THUD cơ bản;

- **Nhà giáo giảng dạy chuyên môn:** Tổng số là 08 người, được bố trí 04 nhà giáo giảng dạy lý thuyết, 04 giảng dạy tích hợp; tất cả đều có thời gian tham gia giảng dạy trên 12 tháng.

+ **Trình độ chuyên môn:** Gồm 07 Thạc sỹ chuyên ngành; 01 Đại học chuyên ngành

+ Kỹ năng nghề bao gồm: 01 Chứng chỉ kỹ năng thực hành nghề;

Thiếu 3 chứng chỉ kỹ năng nghề của 3 nhà giáo dạy tích hợp

+ Su phạm: 08 Chứng chỉ Su phạm dạy nghề.

+ Ngoại ngữ: Gồm có 05 chứng chỉ B; 03 chứng chỉ B1.

+ Tin học: Gồm 07 chứng chỉ Tin học UDCB; 01 chứng chỉ B

* **Năm học 2019-2020** có 15 nhà giáo tham gia giảng dạy, trong đó có 06 nhà giáo dạy môn chung; 09 nhà giáo giảng dạy các môn cơ sở và chuyên môn.

- **Nhà giáo giảng dạy môn chung:** 06 người, tất cả đều có thời gian tham gia giảng dạy trên 12 tháng.

+ Trình độ chuyên môn: gồm 02 Thạc sỹ chuyên ngành và 04 Đại học chuyên ngành

+ Su phạm: Gồm có: 06 có Chứng chỉ Su phạm dạy nghề.

+ Ngoại ngữ: Gồm có các trình độ: 01 Đại học; 01 chứng chỉ B1; 04 chứng chỉ B.

+ Tin học: Gồm có: 01 Thạc sỹ tin học; 05 chứng chỉ THUD cơ bản;

- **Nhà giáo giảng dạy chuyên môn:** Tổng số là 09 người, được bố trí 04 nhà giáo giảng dạy lý thuyết, 05 giảng dạy tích hợp; tất cả đều có thời gian tham gia giảng dạy trên 12 tháng.

+ Trình độ chuyên môn: Gồm 08 Thạc sỹ chuyên ngành; 01 Đại học chuyên ngành

+ Kỹ năng nghề bao gồm: 01 Chứng chỉ kỹ năng thực hành nghề;

Thiếu 4 chứng chỉ kỹ năng nghề của 4 nhà giáo dạy tích hợp

+ Su phạm: 09 Chứng chỉ Su phạm dạy nghề.

+ Ngoại ngữ: Gồm có 05 chứng chỉ B; 04 chứng chỉ B1.

+ Tin học: Gồm 08 chứng chỉ Tin học UDCB; 01 chứng chỉ B

Đối chiếu với các quy định trong Thông tư số 08/2017/TTBLĐTBXH thì 100% các nhà giáo dạy nghề TT&BVTV trình độ trung cấp của trường tham gia giảng dạy trong 2 năm qua đều đạt chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ SPDN, tiếng Anh, Tin học theo qui định. Tuy nhiên không phải toàn thể nhà giáo có trình độ kỹ năng nghề đảm nhiệm dạy tích hợp. Do đó Trường chưa đạt yêu cầu tiêu chuẩn này.

Kết quả ý kiến phản hồi của CBQL và giáo viên tự đánh giá về đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ trong buổi phỏng vấn của Đoàn ĐGN thể hiện các nhà giáo dạy nghề TT&BVTV trình độ trung cấp của trường tham gia giảng dạy trong 2 năm qua chưa đạt chuẩn này do thiếu chứng chỉ kỹ năng nghề.

Đoàn đánh giá: Nhà trường không đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 3.1:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
<i>2 (hai) điểm</i>	<i>0 (không) điểm</i>

Tiêu chuẩn 3.2: *Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.*

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào kiểm tra các minh chứng cho thấy: Trường đã xây dựng Qui định về chế độ làm việc của nhà giáo giảng dạy trong trường, căn cứ trên Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, (BS 3.2.01 - QĐ số 62/QĐ- CĐNLĐB- TCHC ngày 02-2-2018 về việc ban hành qui định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp) về việc ban hành quy định chế độ làm việc của nhà giáo Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc; 3.3.06 - Quyết định số 127/QĐ-CĐNLĐB ngày 16-3-2020 về việc ban hành qui định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp Trường Cao đẳng Nông Lâm Bắc Bộ). Nhà trường cũng đã

ban hành quy định về đánh giá, xếp loại hàng năm của cán bộ, viên chức, người lao động (BS 3.2.02 - QĐ số 657/QĐ-CDNLĐB-TCHC ngày 15/12/2017 về việc ban hành qui chế thi đua khen thưởng trường CDNLĐB).

Việc đánh giá viên chức hoàn thành nhiệm vụ trong năm được thực hiện theo quy trình, đúng hướng dẫn của Luật Công, Viên chức, có sự đánh giá của lãnh đạo Khoa. Căn cứ chức năng nhiệm vụ theo chức danh, căn cứ nhiệm vụ được giao, cá nhân tự đánh giá khối lượng, chất lượng công việc và mức độ hoàn thành, bộ môn đánh giá, lãnh đạo khoa đánh giá, cuối cùng Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua (BS 3.2.03 – Báo cáo số 112/BC-CDNLĐB-KTĐBCL ngày 12/07/2019 báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo về chuyên môn nghiệp vụ; 3.2.03 - Báo cáo số 125/CDNLĐB-KĐKHHTQT ngày 28 tháng 7/2020 về kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo giáo dục nghề nghiệp về chuyên môn, nghiệp vụ; 3.2.04 - Bản tự kiểm điểm, đánh giá cuối năm của giảng viên ngành TT&BVTV hàng năm; BS 3.2.04 - Báo cáo thành tích năm 2019 và năm 2020 của Khoa Nông học; BS 3.2.05 - Báo cáo tổng kết năm 2018 - 2019 của trường Cao đẳng Nông lâm Đông Bắc; 1.2.03 - Báo cáo tổng kết năm 2019 - 2020 của trường Cao đẳng Nông lâm Đông Bắc).

Nghiên cứu kết quả phân loại thi đua của nhà giáo giảng dạy nghề TT&BVTV trình độ trung cấp trong 2 năm gần đây được thể hiện dưới đây:

Năm học 2018- 2019: Có 8/8 nhà giáo được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; có 1 nhà giáo đạt Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; 01 nhà giáo được cấp Giấy khen của trường; 8/8 nhà giáo được phân loại A (phân loại theo quy định của TT 08/2017/TT-BLĐTBXH).

Năm học 2019- 2020: Có 9/9 nhà giáo được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; có 1 nhà giáo đạt Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; 1 nhà giáo được cấp Giấy khen của trường; 01 nhà giáo được cấp Bằng khen của UBND Tỉnh; 9/9 nhà giáo được phân loại A (phân loại theo quy định của TT 08/2017/TT-BLĐTBXH).

Trong 2 năm qua, không có nhà giáo nào trong các nhà giáo giảng dạy nghề TT&BVTV trình độ trung cấp vi phạm các quy định về nội quy, kỷ luật của trường, đảm bảo 100% nhà giáo của khoa hoàn thành các nhiệm vụ do Nhà trường giao cho (1.2.02 – Các báo cáo tổng kết năm học 2018 – 2019; 2019 - 2020 của Khoa Nông học).

Đoàn đánh giá: Trường đạt chất lượng tiêu chuẩn này.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 3.2:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (hai) điểm	2 (hai) điểm

Tiêu chuẩn 3.3: *Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.*

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo nghề TT&BVTV trình độ trung cấp có tổng số 27 mô đun, môn học trong đó có 6 môn học chung; 21 môn học và mô đun kỹ thuật cơ sở và chuyên môn (1.1.04 - Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp ngành nghề đào tạo Trồng trọt và bảo vệ thực vật Ban hành kèm theo quyết định số 231/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc).

Tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo nghề TT&BVTV trình độ trung cấp đều có đủ giáo viên đứng lớp, không tính môn học Giáo dục quốc phòng sẽ do Trung tâm Giáo dục quốc phòng thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch 123/2015/TTLT-BQP-BGDĐT-BLĐT BXH ngày 05/11/2015 (3.1.01 - Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên của Nhà trường các năm 2018-2019; 2019-2020: họ và tên; mô-đun, môn học đang giảng dạy; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng thực hành; ngoại ngữ; tin học các năm; (BS 3.3.01 - Danh sách giáo viên giảng dạy chương trình đào tạo nghề TT&BVTV trình độ trung cấp). Số lượng giáo viên, giảng viên cơ hữu của khoa Nông học đảm nhận giảng dạy 100% chương trình của nghề đào tạo.

Kiểm tra các kế hoạch đào tạo của Trường, kế hoạch giáo viên của khoa Nông học, danh sách HSSV từng năm học, danh sách các lớp học, cho thấy Trường đã biên chế thành các lớp theo nhóm nghề và cấp trình độ đào tạo theo đúng qui định, đảm bảo lớp học lý thuyết không quá 35 HSSV, lớp học thực hành không quá 18 HSSV đối với nghề bình thường (2.2.02 - Kế hoạch đào tạo lớp Trung cấp Trồng trọt và Bảo vệ thực vật của Khóa học 2018-2021; 2.2.03 - Kế hoạch giáo viên năm học năm học 2018 - 2019 và năm học 2019-

2020 của khoa Nông học; 3.3.05 - Danh sách các lớp Trung cấp Trồng trọt và BVTV năm học 2018 - 2019; Danh sách các lớp Trung cấp Trồng trọt và BVTV năm học 2019 - 2020). Điều này cũng đã được kiểm chứng thông qua kiểm tra hồ sơ và kết quả dự giờ của Đoàn ĐGN đối với các nhà giáo giảng dạy nghề TT&BVTV trình độ trung cấp trong đợt khảo sát thực tế năm lúc 8h00 - 9h00 ngày 25/11/2020 (Biên bản dự giờ của Đoàn ĐGN ngày 25/11/2020 của 2 giáo viên Lưu thị Lan và Trần thị Bích Hương).

Đoàn kết luận: Khoa Nông học không có lớp học nào vượt quá 35 sinh viên, các lớp thực hành không vượt quá 18 sinh viên.

Công tác giảng dạy của Nhà trường hàng năm đã thực hiện theo các chế độ làm việc của giáo viên trong Quy định về chế độ làm việc của giáo viên hàng năm, trên cơ sở của thông tư số 07/2017/TT-BLĐT BXH ngày 10/3/2017 của Bộ trưởng BLĐT B&XH - Quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp. Cụ thể giáo viên cơ hữu có số giờ giảng dạy không vượt quá 1/2 số giờ tiêu chuẩn; giáo viên kiêm chức có số giờ giảng dạy không vượt quá 1/3 số giờ tiêu chuẩn (3.3.06 - Quyết định số 127/QĐ-CĐNLĐB-TCHC ngày 16 tháng 3 năm 2020 về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, cán bộ quản lý tham gia giảng dạy; 3.3.07 - Bảng thống kê giờ giảng của các giáo viên khoa Nông học năm 2019-2020; BS 3.3.06 - Bảng thanh toán tiền vượt giờ của giáo viên khoa Nông học năm học 2018-2019; 3.3.08 - Bảng thanh toán tiền vượt giờ của giáo viên khoa Nông học năm học 2019-2020).

Kết quả kiểm tra bảng tính số liệu qui đổi số lượng người học, nhà giáo giảng dạy khoa Nông học trong 2 năm gần đây cho thấy Khoa Nông học đảm bảo tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định (BS 3.3.07 - Bảng qui đổi số lượng người học, nhà giáo dạy nghề TT&BVTV trình độ trung cấp trong 2 năm gần đây).

Số lượng người học nghề TT&BVTV trình độ trung cấp trong các năm:

- Năm học 2018 – 2019: Có 226 học sinh trong các khóa (TC57, TC58, TC59).

Qui đổi là: 179 học sinh

- Năm học 2019- 2020: Có 201 học sinh trong các khóa (TC58, TC59, TC60) .Qui đổi là: 121 học sinh.

Số nhà giáo quy đổi của khoa Nông học trong 2 năm học vừa qua là:

Năm học 2018- 2019 có 08 nhà giáo. Qui đổi là 7,56 nhà giáo

Năm học 2019- 2020 có 09 nhà giáo. Qui đổi là 8,56 nhà giáo

Tỷ lệ người học/nhà giáo là

Năm học 2018- 2019: 23,60 học sinh/ nhà giáo

Năm học 2019- 2020: 14,07 học sinh/ nhà giáo

Như vậy tỷ lệ học sinh/nhà giáo giảng dạy chương trình TT&BVTV trình độ trung cấp của khoa Nông học đúng theo qui định của Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 8/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Tỷ lệ học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên tối đa là 25)

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 3.3:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (hai) điểm	2 (hai) điểm

Tiêu chuẩn 3.4: *Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.*

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Số lượng nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên ngành, nghề của khoa Nông học năm học 2018 - 2019 và 2019 - 2020 từ minh chứng (3.4.01- Danh sách đội ngũ nhà giáo giảng dạy từng ngành nghề trường cao đẳng Nông Lâm Đông bắc; BS 3.4.01 – Danh sách giáo viên giảng dạy chương trình đào tạo nghề TT&BVTV trình độ trung cấp) gồm có 08 nhà giáo (năm học 2018 – 2019), 09 nhà giáo (năm học 2019 – 2020).

Các nhà giáo Khoa Nông học rất nhiệt tình tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, hội thi giáo viên dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm để bổ sung kinh nghiệm nghề nghiệp, cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức sản xuất. Cụ thể, đã có nhiều giáo viên tham gia hội thi thiết bị tự làm các cấp, thi tay nghề giỏi, nhà giáo dạy giỏi các cấp đều đạt giải cao, hăng say trong hoạt động NCKH (BS 2.6.07 - Các báo cáo hiệu quả sử dụng của các thiết bị, đề tài nghiên cứu của các khoa nghề các năm; BS 2.6.08 - Đánh giá của Hội đồng Sáng kiến về hiệu quả của các sáng kiến hàng năm; BS 2.6.09 - Các

quyết định công nhận sáng kiến cấp trường năm 2018 - 2019, 2019 -2020; BS 2.6.10 - Các quyết định khen thưởng, giấy khen cá nhân đạt giải hội thi Sáng kiến, giấy khen đạt giải thiết bị dự thi cấp trường, cấp tỉnh, cấp toàn quốc; BS 2.6.11 - Quyết định về việc khen thưởng Khoa tham gia tích cực Hội giảng Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp cấp trường hàng năm). Cụ thể:

Năm học 2018 – 2019 có: 8 nhà giáo. Trong đó có:

5 nhà giáo tham gia NCKH cấp thị xã;

01 nhà giáo tham gia các hội thi nhà giáo dạy giỏi cấp Quốc gia;

02 nhà giáo tham gia hội thi thiết bị tự làm Cấp tỉnh, mô hình Hệ thống tưới thông minh cho cây trồng nông nghiệp đạt giải 3 và hệ thống trồng rau khí canh trụ đứng đạt giải nhì (3.4.02 - Quyết định số 207/QĐ-CDNLĐB-KTKĐCL ngày 11 tháng 4 năm 2019 về việc phân công giáo viên tự làm thiết bị đào tạo tham gia hội thi thiết bị đào tạo tự làm tỉnh Quảng Ninh năm 2019; 3.4.03 - Quyết định số 369/QĐ-CDNLĐB-KTKĐCL ngày 24 tháng 6 năm 2019 về việc cử giáo viên cùng thiết bị tự làm tham gia hội thi thiết bị đào tạo tự làm toàn quốc năm 2019; 3.4.04 - Báo cáo số 334/BC-KTKĐCL ngày 5 tháng 06 năm 2019 về kết quả tham dự hội thi thiết bị đào tạo tự làm tỉnh Quảng Ninh năm 2019, 3.4.05 - Quyết định số 764/QĐ-LĐTBXH ngày 30 tháng 5 năm 2019 về việc tặng giấy khen, Cờ cho các tập thể, nhóm tác giả và cá nhân đạt giải tại Hội thi thiết bị đào tạo tự làm tỉnh Quảng Ninh năm 2019).

Năm học 2019 – 2020 có: có 9 nhà giáo tham gia dạy giỏi. Trong đó có:

01 nhà giáo tham gia sáng kiến cải tiến cấp trường

03 nhà giáo tham gia dự thi giáo viên dạy giỏi cấp khoa và đã chọn được 1 trong 3 giáo viên tham gia thi giỏi cấp trường và đạt giải nhất.

01 nhà giáo tham gia hệ thống trồng rau khí canh trụ đứng đạt giải khuyến khích cấp Quốc gia;

Kết quả nghiên cứu văn bản, tài liệu của Báo cáo tự đánh giá của Trường cho thấy trên 50% nhà giáo giảng dạy nghề TT&BVTV trình độ trung cấp của khoa Nông học tham gia đầy đủ hội giảng cấp cơ sở (BS 3.4.03 - Kế hoạch tổ chức Hội thi nhà giáo giáo dục năm học 2018 – 2019; năm học 2019 -2020; BS 3.4.04 - Các Quyết định khen thưởng của Hội thi nhà giáo giáo dục nghề nghiệp của Trường Cao đẳng NLĐB năm học 2018 –

2019; năm học 2019 - 2020).

Đoàn kết luận: Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 3.4:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (hai) điểm	2 (hai) điểm

Tiêu chuẩn 3.5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường mô tả:

Nhà trường đã có những quy định về các chế độ, chính sách tạo điều kiện về thời gian cũng như hỗ trợ về tài chính cho đội ngũ giảng viên tham gia học tập trong và ngoài nước. Trường đã có quy định rõ ràng cụ thể về quyền lợi và nghĩa vụ của người tham gia hoạt động nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, đồng thời trong các văn bản của Nhà trường có quy định về việc hỗ trợ tài chính cho nhà giáo tham gia học tập nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ (3.5.04 - Quyết định số 130/QĐ-CDNLĐB-TCKT ngày 16 tháng 3 năm 2020 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ).

Hàng năm, nhà trường đều gửi bản kế hoạch tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho các khoa (3.5.01 - Kế hoạch số 28/TB-CDNLĐB-TCHC ngày 09/1/2019 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ năm 2019; Kế hoạch số 84/TB-CDNLĐB-TCHC ngày 17/2/2020 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ năm 2020). Thông qua đó, mỗi giáo viên sẽ đăng ký những nội dung mà bản thân muốn học tập, bồi dưỡng (BS 3.5.02 - Các Bản kế hoạch về việc đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ viên chức năm học 2018 - 2019 và năm học 2019 - 2020). Trên cơ sở kế hoạch đã xây dựng, các khoa, bộ môn căn cứ nhiệm vụ cụ thể của khoa, số lượng giáo viên từng khoa và kế hoạch của khoa để cử từng đối tượng giáo viên tham gia khóa đào tạo hay bồi dưỡng (3.5.02 - Các quyết định cử giáo viên đi học tập, bồi dưỡng năm học 2018 – 2019 và năm học 2019 - 2020). Sau mỗi năm học, công tác đào tạo, bồi dưỡng cho giáo viên thường được tổng kết đánh giá thông qua báo cáo tổng kết năm học (3.5.03 - Báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên của Trường năm học 2018 -2019 và năm học 2019 - 2020).

Kết quả thống kê cho thấy trong 2 năm học từ 2018 đến 2020 số nhà giáo giảng dạy nghề TT&BVTV trình độ trung cấp được cử đi học tập, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy như sau:

Năm học 2018 – 2019: Trong số 08 nhà giáo, có 01 nhà giáo tham gia học tập nâng cao trình độ (học cao học)

Năm học 2019 – 2020: Trong số 09 nhà giáo, có 03 nhà giáo tham gia học tập nâng cao trình độ; 03 học trung cấp chính trị; 04 nhà giáo tham gia khóa tập huấn dành cho cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp; 01 nhà giáo tham gia tập huấn kiểm định chương trình đào tạo.

Tóm lại, trong 2 năm học gần đây, hằng năm đều có nhà giáo giảng dạy nghề TT&BVTV trình độ trung cấp của Nhà trường được cử đi học tập, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.

Kết quả phỏng vấn cán bộ quản lý và giáo viên thể hiện Nhà trường đáp ứng tốt nguyện vọng được đào tạo bồi dưỡng của nhà giáo giảng dạy CTĐT nghề TT&BVTV trình độ trung cấp. Nhà giáo đánh giá được nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp giảng dạy sau mỗi khóa đào tạo hoặc tập huấn (Biên bản phỏng vấn giáo viên khoa Nông học 13h30 -14 h30 ngày 24/11/2020).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 3.5:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (hai) điểm	2 (hai) điểm

Tiêu chuẩn 3.6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ trên Quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp (3.3.06 - Quyết định số 62/QĐ-CDNLĐB-TCHC ngày 02 tháng 02 năm 2018 về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, cán bộ quản lý tham gia giảng dạy; Quyết định số 127/QĐ-CDNLĐB-TCHC ngày 16 tháng 3 năm 2020 về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, cán bộ quản lý tham gia giảng dạy), nhà giáo đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định bắt

buộc và được bố trí 4 tuần/năm. Trường có các chế độ chính sách hỗ trợ nhà giáo thực hiện việc đi thực tập tại các đơn vị (3.5.04 - *Quyết định số 146 /QĐ-CDNLĐB-TCKT ngày 20 tháng 03 năm 2019 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ; Quyết định số 130/QĐ-CDNLĐB-TCKT ngày 16 tháng 3 năm 2020 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ*).

Hằng năm, phòng Đào tạo kết hợp với các Khoa chuyên môn xây dựng kế hoạch tổ chức cho học sinh có thời gian đến các đơn vị sử dụng lao động rèn luyện kỹ năng nghề; giáo viên của Khoa thực tập rèn luyện nâng cao tay nghề có đề cương kèm theo kế hoạch thực tập của HSSV tại các doanh nghiệp, đơn vị sản xuất kinh doanh dịch vụ. Ngoài việc quản lý, hướng dẫn người học tại nơi thực tập, nhà giáo có cơ hội thâm nhập thực tế để bổ sung kinh nghiệm nghề nghiệp, cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức sản xuất (3.6.02 - *Kế hoạch đi thực tế và học tập kinh nghiệm của Khoa Nông học tại công ty cổ phần Đầu tư và xuất nhập khẩu Song Hành, HTX dịch vụ nông nghiệp chất lượng cao Hoa Phong, kèm theo Danh sách nhà giáo cơ hữu của khoa được bồi dưỡng, thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động trên*); 3.6.03 - *Quyết định cử giáo viên đi thực tế và học tập kinh nghiệm của Khoa Nông học tại công ty cổ phần Đầu tư và xuất nhập khẩu Song Hành, HTX dịch vụ nông nghiệp chất lượng cao Hoa Phong trong lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật*).

Sau mỗi đợt thực tập, nhà giáo và người học đều phải có báo cáo kết quả thực tập có ý kiến đánh giá kết quả rèn nghề của cán bộ tại đơn vị mà nhà giáo và người học đến thực tập (3.6.04: *Báo cáo kết quả đi thực tế và học tập kinh nghiệm của Khoa Nông học tại Cty cổ phần đầu tư và xuất nhập khẩu Song Hành và HTX dịch vụ chất lượng cao Hoa Phong (BS 3.6.01 – Các hình ảnh về việc nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại Cty cổ phần đầu tư và xuất nhập khẩu Song Hành và HTX dịch vụ chất lượng cao Hoa Phong hàng năm*).

- Căn cứ vào 3.6.01 - *Danh sách đội ngũ nhà giáo giảng dạy từng ngành nghề trường cao đẳng Nông Lâm Đông bắc và đối chiếu với 3.6.02 - Danh sách nhà giáo cơ hữu của Bộ môn TT&BVTV của khoa Nông học được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động* cho thấy số nhà giáo của Bộ môn TT&BVTV trong năm học 2018 – 2019 là 7 nhà giáo (trừ 1 CBQL là Trưởng khoa); số nhà giáo của Bộ môn TT&BVTV trong năm học 2019 -2020 cũng là 8 nhà giáo (trừ 1 CBQL là Trưởng khoa). Tỷ lệ nhà giáo của khoa đi thực tập trong 2 năm gần đây là 100%.

Kết quả phỏng vấn giáo viên ngày 24 thể hiện tất cả các nhà giáo của khoa Nông học hàng năm trong 2 năm gần đây đều tham gia đi thực tập tại đơn vị sử dụng lao động nâng cao kiến thức, công nghệ và nghiệp vụ (Biên bản phỏng vấn giáo viên khoa Nông học). Điều này được các cơ sở sản xuất khẳng định trong buổi phỏng vấn của đoàn đối với các doanh nghiệp (Biên bản phỏng vấn Doanh nghiệp).

Đoàn đánh giá: 100% nhà giáo cơ hữu của khoa Nông học đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định. Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 3.6:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
<i>2 (hai) điểm</i>	<i>2 (hai) điểm</i>

Tiêu chuẩn 3.7: *100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.*

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Kết quả nghiên cứu hồ sơ, minh chứng của Trường cho thấy: 100% cán bộ quản lý và nhân viên tổ chức thực hiện chương trình đào tạo ngành TT&BVTV đều đạt chuẩn chuyên môn và nghiệp vụ theo quy định trong Điều lệ trường Cao đẳng. Cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn, trình độ về lý luận chính trị, quản lý Nhà nước đúng qui định; có kinh nghiệm trong công tác quản lý, lãnh đạo. Trưởng phòng Tài chính Kế toán trưởng có bằng Đại học Kế toán và Chứng chỉ kế toán trưởng (3.7.01 - *Danh sách trích ngang đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp thực hiện chương trình đào tạo ngành TT&BVTV trình độ trung cấp; 3.7.02 - Hồ sơ của cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp thực hiện chương trình đào tạo ngành TT&BVTV; BS 3.7.01 - Văn bằng và chứng chỉ kế toán trưởng của trường*).

Cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp tham gia tổ chức thực hiện chương trình đào tạo nghề TT&BVTV trình độ trung cấp thuộc Khoa Nông học, khoa Khoa học cơ bản và các Phòng chức năng gồm: Đào tạo, Phòng Tổ chức hành chính; Phòng Công tác sinh viên; Phòng Tài chính Kế toán, Phòng Kiểm định - Khoa học và Hợp tác quốc tế và phòng Quản lý thiết bị và đầu tư. Cụ thể như sau:

Năm học 2018 – 2019: có 14 CBQL, 16 nhân viên đều đáp ứng đủ các điều kiện về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, chứng chỉ ngoại ngữ, tin học.

Cán bộ quản lý (14 người): Đều có trình độ về lý luận chính trị, quản lý Nhà nước đúng qui định.

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ: 08 người; Đại học: 06;
- Chứng chỉ tiếng Anh: 01 cử nhân; 05 B1, 7 B; 01 C;
- Chứng chỉ Tin học: 01 thạc sỹ, 04 THUĐCB; 09 B;
- 13 chứng chỉ NVSP dạy nghề; 01: CC Kế toán trưởng;

Nhân viên (16 người):

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ: 08 người; Đại học: 03; Trung cấp: 05;
- Chứng chỉ tiếng Anh: 03 B1, 7 B; 01 C; 05 A;
- Chứng chỉ Tin học: 01 thạc sỹ, 05 THUĐCB; 06 B; 04 A;
- 04 chứng chỉ NVSP dạy nghề; 12 nhân viên khác làm việc không liên quan đến chuyên môn nghề.

Năm học 2019 – 2020: 14 CBQL, 18 nhân viên đều đáp ứng đủ các điều kiện về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, chứng chỉ ngoại ngữ, tin học. Cụ thể:

Cán bộ quản lý (14 người) đều có trình độ về lý luận chính trị, quản lý Nhà nước đúng qui định.

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ: 08 người; Đại học: 06;
- Chứng chỉ tiếng Anh: 01 cử nhân; 05 B1, 7 B; 01 C;
- Chứng chỉ Tin học: 01 thạc sỹ, 04 THUĐCB; 09 B;
- 13 chứng chỉ NVSP dạy nghề; 01: chứng chỉ Kế toán trưởng;

Nhân viên (18 người):

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ: 08 người; Đại học: 5; Trung cấp: 05;
- Chứng chỉ tiếng Anh: 03 B1, 9 B; 01 C; 05 A;
 - Chứng chỉ Tin học: 01 thạc sỹ, 05 THUĐCB; 08 B; 04 A;
 - 04 chứng chỉ NVSP dạy nghề; 14 nhân viên còn lại không liên quan đến chuyên môn nghề.

Kết quả phân tích trên đây cho thấy 100% CBQL và nhân viên trực tiếp tổ chức thực hiện CTĐT TT&BVTV đạt trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tin học, tiếng Anh theo qui định.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 3.7:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (hai) điểm	2 (hai) điểm

Tiêu chuẩn 3.8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp tham gia tổ chức thực hiện chương trình đào tạo nghề TT&BVTV trình độ trung cấp gồm: Năm học 2018 -2019 có 14 CBQL và 16 nhân viên. Năm học 2019 -2020 có 14 CBQL; 18 nhân viên, tất cả đều được nhà trường đánh giá hoàn thành, hoàn thành tốt nhiệm vụ hàng năm, thông qua công tác thi đua, khen thưởng (3.7.01 - Danh sách trích ngang đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp thực hiện chương trình đào tạo ngành TT&BVTV năm học 2018 – 2019 và năm học 2019 - 2020; BS 3.8.01 – Các Quyết định khen thưởng năm học của Hiệu trưởng CĐNLĐB 2018-2019 và 2019 – 2020).

Kết quả đánh giá công chức, viên chức cán bộ quản lý, nhân viên Nhà trường trong các năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020 cho thấy tất cả CBQL, giáo viên, giảng viên, Nhân viên của toàn trường đều đạt danh hiệu từ LĐTT trở lên (hoàn thành nhiệm vụ trở lên). Đối chiếu với Điều 7. Danh hiệu lao động tiên tiến - Quy định tiêu chuẩn hoàn thành nhiệm vụ và những nội dung khác để xét LĐTT của Quy chế thi đua khen thưởng (BS 3.8.02 - Quy chế Thi đua khen thưởng trường CĐNLĐB ban hành kèm theo QĐ 657/QĐ-CĐNLĐB-TCHC ngày 15/12/2017 của HT trường CĐNLĐB) cho thấy: 100% CBQL và nhân viên của Trường hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Nhiều cán bộ quản lý đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở và được tặng Bằng khen của Bộ trưởng về chỉ đạo các đơn vị, bộ phận thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ của đơn vị, bộ phận. Kết quả kiểm tra hồ sơ đánh giá cán bộ viên chức của trường cho

thấy từ năm 2018 đến thời điểm khảo sát không có bất cứ một vụ vi phạm nào của cán bộ viên do không hoàn thành nhiệm vụ.

Đoàn nhận định Nhà trường đạt chất lượng tiêu chuẩn này.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 3.8:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
<i>2 (hai) điểm</i>	<i>2 (hai) điểm</i>

TIÊU CHÍ 4: *Chương trình giáo trình*

1. Điểm đánh giá:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Điểm Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
Tiêu chí 4	<i>24 (hai bốn) điểm</i>	<i>22 (hai hai) điểm</i>
Tiêu chuẩn 1	<i>2 (hai) điểm</i>	<i>2 (hai) điểm</i>
Tiêu chuẩn 2	<i>2 (hai) điểm</i>	<i>2 (hai) điểm</i>
Tiêu chuẩn 3	<i>2 (hai) điểm</i>	<i>2 (hai) điểm</i>
Tiêu chuẩn 4	<i>2 (hai) điểm</i>	<i>2 (hai) điểm</i>
Tiêu chuẩn 5	<i>2 (hai) điểm</i>	<i>2 (hai) điểm</i>
Tiêu chuẩn 6	<i>2 (hai) điểm</i>	<i>2 (hai) điểm</i>
Tiêu chuẩn 7	<i>2 (hai) điểm</i>	<i>2 (hai) điểm</i>
Tiêu chuẩn 8	<i>2 (hai) điểm</i>	<i>0 (không) điểm</i>
Tiêu chuẩn 9	<i>2 (hai) điểm</i>	<i>2 (hai) điểm</i>
Tiêu chuẩn 10	<i>2 (hai) điểm</i>	<i>2 (hai) điểm</i>
Tiêu chuẩn 11	<i>2 (hai) điểm</i>	<i>2 (hai) điểm</i>
Tiêu chuẩn 12	<i>2 (hai) điểm</i>	<i>2 (hai) điểm</i>

2. Các điểm mạnh:

- Chương trình đào tạo TT&BVTT của trường được xây dựng, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định. Thể hiện được kiến thức, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp, có sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học

- Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên, thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học

- Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học, tất cả giáo trình được biên soạn/lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định

- Giáo trình đã cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học; nội dung giáo trình phù hợp.

3. Các điểm cần cải thiện:

Nhà trường chưa triển khai xây dựng chương trình đào tạo liên thông từ trung cấp TT&BVTT lên cao đẳng TT&BVTT.

4. Đề xuất, kiến nghị đối với Cơ sở GDNN:

Nhà trường cần triển khai xây dựng chương trình đào tạo liên thông từ trung cấp TT&BVTT lên cao đẳng TT&BVTT.

Tiêu chuẩn 4.1: *Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định*

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Nghề trung cấp TT&BVTT của trường là một trong những nghề được phép tổ chức đào tạo ngay từ ngày nâng cấp trường thành trường Cao đẳng Nông lâm Đông bắc vào năm 2007 theo quyết định số 7191/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, trên cơ sở nâng cấp trường Trung học Lâm nghiệp I Trung ương, chịu sự quản lý về chuyên môn và hoạt động theo điều lệ trường Cao đẳng do Bộ GD & ĐT ban hành. Từ ngày 1/1/2017 trường chịu sự quản lý về chuyên môn và hoạt động theo điều lệ trường Cao đẳng theo thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Tại thời điểm đánh giá, Trường đã được Tổng cục giáo dục nghề nghiệp cấp phép hoạt động đào tạo cho nghề TT&BVTT trình độ trung cấp (2.7.01 - Các giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp các năm 2017, 2019, 2020).

Năm 2017, căn cứ vào công văn 106/TCĐN-DNCQ ngày 19/01/2017 của Tổng cục dạy nghề về Hướng dẫn, chuyển đổi chương trình đào tạo theo Luật Giáo dục nghề

nghiệp, Trường lập kế hoạch xây dựng chương trình đào tạo các nghề trình độ cao đẳng, trung cấp, trong đó có nghề TT&BVTT trình độ trung cấp (*BS4.1.01 – Kế hoạch xây dựng chương trình đào tạo các nghề trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2017*). Tháng 3/2017, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 1 tháng 3 năm 2017, Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn và thẩm định giáo trình trình độ trung cấp, cao đẳng. Căn cứ vào đó, năm 2018 Trường xây dựng quy trình xây dựng, lựa chọn, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo (*BS4.1.02 – Quyết định ban hành Quy trình xây dựng, lựa chọn, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo năm 2018; kèm theo Quy trình*).

Quy trình xây dựng, chỉnh sửa chương trình gồm 13 bước: (1) Xác định yêu cầu, (2) Lập kế hoạch (3) Thành lập ban chủ nhiệm, (4) Phê duyệt, (5) Tập huấn triển khai kế hoạch, (6) Thiết kế chương trình, (7) Hội thảo xin ý kiến, (8) Hoàn chỉnh dự thảo chương trình, (9) Thành lập hội đồng thẩm định, (10) Thẩm định chương trình, (11) Điều chỉnh theo yêu cầu của HĐTĐ, (12) Ban hành chương trình, (13) Triển khai sử dụng và lưu hồ sơ.

Năm 2018, để đáp ứng sự thay đổi của công nghệ, nhu cầu lao động, Trường xây dựng Kế hoạch rà soát, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo nghề TT&BVTT trình độ trung cấp (*BS4.1.03 – Kế hoạch rà soát, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Trồng trọt và Bảo vệ thực vật năm 2018*)

Khi xây dựng hoặc điều chỉnh chương trình đào tạo, trường thành lập Ban xây dựng chương trình trung cấp TT&BVTT gồm 9 thành viên. Các thành viên có năng lực chuyên môn đáp ứng được yêu cầu quy định (*BS4.1.04- Quyết định thành lập ban xây dựng CTĐT năm 2017, kèm theo danh sách thành viên; BS4.1.05-Quyết định thành lập ban rà soát, cập nhật, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Trồng trọt và Bảo vệ thực vật năm 2018*). Ban xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo nghề trung cấp TT&BVTT, tổ chức thực hiện xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo, sau đó phối hợp với Phòng Đào tạo tổ chức các buổi hội thảo xây dựng chương trình. Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo nhà trường đã mời Bà Trần Thị Bích Hương – GD HTX sản xuất thương mại dịch vụ Bình Minh, Bà Lê Thu Hà – GD HTX

dịch vụ NN chất lượng cao Hoa Phong, tham gia góp ý vào chương trình đào tạo, sự đóng góp của các chuyên gia trong lĩnh vực chuyên ngành giúp cho trường điều chỉnh chương trình theo sát với thực tế (BS4.1.06 - *Thư mời đại diện doanh nghiệp góp ý dự thảo chương trình đào tạo nghề TT&BVTT trình độ trung cấp*; BS4.1.07 - *Biên bản hội thảo về chương trình đào tạo nghề TT&BVTT trình độ trung cấp năm 2017, 2019*; BS4.1.08 - *Bản góp ý kiến về chương trình đào tạo nghề TT&BVTT trình độ trung cấp năm 2017, 2019*).

Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội Đồng thẩm định chương trình đào tạo gồm 11 thành viên, các thành viên trong Hội đồng thẩm định là các nhà giáo có kinh nghiệm giảng dạy chuyên môn, đại diện doanh nghiệp có sử dụng lao động, Bà Phạm Thị Huệ - GD công ty cổ phần phát triển công nghệ và sản xuất NN Đông Bắc, Bà Hoàng Thị Hương Nhài - Cán bộ kỹ thuật Công ty cổ phần đầu tư và xuất nhập khẩu Song hành (BS4.1.09 - *Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo năm 2017,2019*). Hội đồng thẩm định đã thực hiện đúng chức năng và các nội dung thẩm định đều được lập biên bản (BS4.1.10 - *Các biên bản họp hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề TT&BVTT trình độ trung cấp năm 2017, 2019*; kèm phiếu nhận xét).

Ban xây dựng tiến hành hoàn chỉnh theo biên bản thẩm định, trình Hiệu trưởng phê duyệt và ban hành chương trình đào tạo (BS4.1.11 - *Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề TT&BVTT trình độ trung cấp năm 2017, kèm theo bộ chương trình đào tạo chi tiết*; 4.1.04 - *Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật Ban hành kèm theo quyết định số 231/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc*

Qua nghiên cứu các minh chứng kết hợp khảo sát thực tế, Đoàn nhận thấy việc tổ chức xây dựng, điều chỉnh, bổ sung, thẩm định chương trình đào tạo nghề TT&BVTT của Trường được thực hiện đúng theo quy định đã được ban hành.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 4.1:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (hai) điểm	2 (hai) điểm

Tiêu chuẩn 4.2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động luôn là ưu tiên hàng đầu của trường, vì vậy, trong xây dựng chương trình, giáo trình giảng dạy, Trường luôn quan tâm đến việc mời đại diện các đơn vị sử dụng lao động tham gia.

Khi xây dựng chương trình đào tạo, trường đã mời Bà Trần Thị Bích Hương-GĐ HTX sản xuất thương mại dịch vụ Bình Minh, Bà Lê Thị Thà- GĐ HTX dịch vụ NN chất lượng cao Hoa Phong, tham gia góp ý vào chương trình đào tạo với sự đóng góp của các chuyên gia trong lĩnh vực chuyên ngành giúp điều chỉnh chương trình theo sát với thực tế. Ban xây dựng chương trình trung cấp TT&BVTT gồm 9 thành viên:

TT	Họ tên	Chức vụ	Chức danh
1	Dương Trung Hiếu	Phó hiệu trưởng	Chủ nhiệm ban
2	Nguyễn Hữu Lân	Tr.Phòng Khảo thí ĐBCL	Phó chủ nhiệm ban
3	Nguyễn Văn Dẻo	Trưởng Khoa Nông học	Ủy viên – Thư ký
4	Trịnh Thị Nga	Trưởng bộ môn TT	Ủy viên
5	Trần Thị Thẩm Hồng	Trưởng bộ môn TT	Ủy viên
6	Phạm Thị Thủy	Giáo viên	Ủy viên
7	Bùi Thị Minh Phú	Giáo viên	Ủy viên
8	Nguyễn Thị Mai Lan	Giáo viên	Ủy viên
9	Lương Thị Thu Huệ	Giáo viên	Ủy viên

(BS4.1.04 - Quyết định thành lập ban xây dựng CTĐT năm 2017, kèm theo danh sách thành viên; BS4.1.05 - Quyết định thành lập ban rà soát, cập nhật, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Trồng trọt và Bảo vệ thực vật năm 2018; BS4.1.06 - Thư mời đại diện doanh nghiệp góp ý dự thảo chương trình đào tạo nghề TT&BVTT trình độ trung cấp; BS4.1.07 - Biên bản hội thảo về chương trình đào tạo nghề TT&BVTT trình độ trung cấp năm 2017, 2019; BS4.1.08-Bản góp ý kiến về chương trình đào tạo nghề TT&BVTT trình độ trung cấp năm 2017, 2019).

Khi thẩm định chương trình, trường mời đại diện các doanh nghiệp tham gia hội đồng thẩm định. Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề TT&BVTT gồm 11 thành viên:

TT	Họ tên	Chức vụ	Chức danh
1	Nguyễn Ngọc Thụy	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2	Phanh Thanh Lâm	Phó hiệu trưởng	PCT Hội đồng
3	Vũ An Bình	Tr. Phòng Đào tạo	Thư ký
4	Vũ Thị Hồng Hạnh	Tr. Phòng Quản lý TBĐT	Ủy viên
5	Ngô Thị Minh Uyên	Tr. Phòng TCKT	Ủy viên
6	Bùi Thị Thủy	Tr. Khoa kinh tế	Ủy viên
7	Trần Xuân Thủy	Tr. Khoa KHCB	Ủy viên
8	Nguyễn Thanh Hà	P.Tr Khoa Lâm nghiệp	Ủy viên
9	Nguyễn Quang Chung	Tr. Đào tạo-Trường CĐCN&NL Đông Bắc	Ủy viên
10	Hoàng Thị Hương Nhài	Cán bộ kỹ thuật- Công ty cổ phần đầu tư và xuất nhập khẩu Song hành	Ủy viên
11	Phạm Thị Huệ	Giám đốc- Công ty cổ phần phát triển công nghệ và sản xuất NN Đông Bắc	Ủy viên

(BS4.2.01 - Thư mời đại diện doanh nghiệp tham gia Hội đồng thẩm định chương trình; BS4.1.09 - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo năm 2017;2019). Hội đồng thẩm định tiến hành nhận xét, đánh giá, thống nhất đối với chương trình đào tạo nghề TT&BVTT trình độ TC, đồng thời góp ý bổ sung một số nội dung cho phù hợp thực tiễn nghề nghiệp, Ban xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo tiếp thu, chỉnh sửa hoàn thiện trước khi ban hành (BS4.1.10 - Các biên bản họp hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề TT&BVTT trình độ trung cấp năm 2017, 2019; kèm phiếu nhận xét; BS4.1.11 - Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật năm 2017, Ban hành kèm theo quyết định số 164/QĐ-CĐNLĐB-ĐT ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc; 4.1.04 -

Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật, Ban hành kèm theo quyết định số 231/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc).

Hàng năm, trường đã thực hiện khảo sát Doanh nghiệp, giảng viên về chương trình đào tạo trong đó có nghề TT&BVTT trình độ TC và kết quả cho thấy việc tổ chức xây dựng, điều chỉnh, bổ sung, thẩm định chương trình đào tạo nghề TT&BVTT trình độ trung cấp của Trường được thực hiện đúng theo quy định đã được ban hành.

Kết quả khảo sát:

NỘI DUNG LẤY Ý KIẾN	Đối tượng	Năm	Số lượng	Kết quả	
				Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
Chương trình đào tạo được tổ chức xây dựng, điều chỉnh, bổ sung, thẩm định được thực hiện đúng theo quy định đã được ban hành.	Giảng viên	2018-2019	16	81,3%	18,7%
		2019-2020	16	87,5%	12,5%
	Doanh nghiệp	2018-2019	19	89,47%	10,53%
		2019-2020	14	85,71%	14,29%

Qua nghiên cứu các minh chứng kết hợp khảo sát thực tế, Đoàn nhận thấy việc tổ chức xây dựng, điều chỉnh, bổ sung, thẩm định chương trình đào tạo nghề TT&BVTT trình độ trung cấp của Trường được thực hiện đúng theo quy định đã được ban hành.

Đoàn đánh giá tiêu chuẩn 4.2 đạt.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 4.2:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (hai) điểm	2 (hai) điểm

Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Khi xây dựng chương trình đào tạo, Trường đã xây dựng và có quyết định ban hành chuẩn đầu ra số 713/QĐ/CĐNLĐB-ĐT ngày 01/10/2018, cho tất cả các nghề ở các trình độ đào tạo của trường (*BS4.3.01 – Quyết định ban hành và các chuẩn đầu ra của các nghề năm 2018 của trường*). Chuẩn đầu ra của chương trình trung cấp TT&BVTT đã quy định rõ các chuẩn đầu ra về: Kiến thức; Kỹ năng; Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm; vị trí việc làm của người học sau tốt nghiệp có thể đảm nhận; khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường. Chuẩn đầu ra của nghề TT&BVTT trình độ trung cấp là cơ sở để Trường xây dựng chương trình đào tạo nghề TT&BVTT trình độ trung cấp, đòi hỏi chương trình đào tạo phải đáp ứng được yêu cầu của chuẩn đầu ra (*BS4.3.02 - Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo TT&BVTT trình độ trung cấp*)

Trong Quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình, Trường đã quy định rõ (Bước 6) yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu thông qua thời lượng của chương trình phù hợp với quy định trong Thông tư số 12/2017/BLĐTBXH ngày 20/4/2017 của Bộ LĐTBXH, yêu cầu về năng lực thể hiện qua Mục tiêu đào tạo của chương trình về: Kiến thức, Kỹ năng; Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm,... mà người học đạt được của chương trình đào tạo và của từng mô đun/môn học, quy định tỷ lệ giữa thời gian học lý thuyết và thực hành (*BS4.1.02 - Quyết định ban hành Quy trình xây dựng, lựa chọn, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo năm 2018; kèm theo Quy trình*).

Kiểm tra toàn bộ chương trình đào tạo nghề TT&BVTT trình độ trung cấp năm 2017, 2019, cho thấy mục tiêu của chương trình (mục 1) bao gồm mục tiêu chung (1.1) và mục tiêu cụ thể (1.2). Mục tiêu cụ thể trong chương trình đào tạo bao gồm các mục tiêu về: kiến thức; kỹ năng; năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm; vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp. Trong chương trình các mô đun/môn học của chương trình đào tạo cũng được chỉ rõ mục tiêu của mỗi mô đun/môn học và mục tiêu của từng chương, bài: Về kiến thức; kỹ năng, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người học sau mỗi chương, **mỗi bài** (*BS4.1.11 - Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật năm 2017, Ban hành kèm theo quyết định số 164/QĐ-CĐNLĐB-ĐT ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc; 4.1.04 -Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật, Ban hành kèm theo quyết định*

số 231/QĐ-CDNLDB-ĐT ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc).

Hàng năm, trường đã thực hiện khảo sát HSSV, giảng viên, doanh nghiệp về chương trình đào tạo trong đó có nghề TT&BVTT trình độ TC và kết quả cho thấy chương trình đào tạo nghề TT&BVTT trình độ trung cấp đã đạt được yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt, cụ thể:

NỘI DUNG LẤY Ý KIẾN	Đối tượng	Năm	Số lượng	Kết quả	
				Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
Nội dung giáo trình đáp ứng yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt,	Giảng viên				
		2018-2019	16	87,5%	12,5%
		2019-2020	16	93,8%	6,2%
	HSSV	2018-2019	10	90%	10%
		2019-2020	27	90,25%	9,75%
	Doanh nghiệp	2018-2019	19	84,4%	15,6%
2019-2020		14	85,71%	14,29%	

Phòng vấn Doanh nghiệp sử dụng lao động, cựu SV ngày 26/11/2020, cho thấy: kiến thức trường cung cấp đáp ứng 90% so với kiến thức đòi hỏi thực tế tại các Doanh nghiệp (*Biên bản phỏng vấn*).

Qua nghiên cứu MC, kết hợp phỏng vấn, Đoàn nhận thấy, chương trình đào tạo TT&BVTT trình độ trung cấp của trường thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được cũng như vị trí việc làm mà người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 4.3:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoàiđánh giá
2 (hai) điểm	2 (hai) điểm

Tiêu chuẩn 4.4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong Quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình, Trường đã quy định rõ (Bước 6), yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu thông qua thời lượng của chương trình phù hợp với quy định trong Thông tư số 12/2017/BLĐTBXH ngày 20/4/2017 của Bộ LĐTBXH, yêu cầu về năng lực thể hiện qua Mục tiêu đào tạo của chương trình về Kiến thức, Kỹ năng; Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm,... mà người học phải đạt được của chương trình đào tạo và của từng mô đun/môn học, quy định tỷ lệ giữa thời gian học lý thuyết và thực hành, thời gian kiểm tra (BS4.1.02 - *Quyết định ban hành Quy trình xây dựng, lựa chọn, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo năm 2018; kèm theo Quy trình*).

Kiểm tra toàn bộ chương trình đào tạo TT&BVTT trình độ trung cấp, cho thấy chương trình thường phân bổ các môn học cơ bản, các môn học cơ sở và cơ sở nghề trước (trong học kỳ 1, 2), các môn học/mô đun chuyên môn nghề được sắp xếp ở các học kỳ sau (trong học kỳ 3 và 4), các mô đun thực tập thực tế tại cơ sở thường được bố trí sau khi học các mô đun chuyên môn nghề đã học (học kỳ 3 và học kỳ 4), thực tập tốt nghiệp được bố trí sau khi đã hoàn thành tất cả các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo. Các chương trình môn học trong chương trình đào tạo nghề TT&BVTT trình độ trung cấp đều chỉ rõ vị trí, tính chất của môn học/mô đun, điều kiện tiên quyết hoặc song hành của môn học/mô đun, điều này đảm bảo sự logic, kế thừa các kiến thức, kỹ năng lẫn nhau giữa các môn học/môn học đảm bảo thực hiện mục tiêu chương trình đào tạo và đảm bảo chuẩn đầu ra của nghề TT&BVTT trình độ trung cấp của Trường (BS4.1.11 - *Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật năm 2017, Ban hành kèm theo quyết định số 164/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc; 4.1.04 - Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật, Ban hành kèm theo quyết định số 231/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc; BS4.4.01 - Sơ đồ liên kết và tiến trình đào tạo các MH/MĐ trong chương trình trình độ Trung cấp Trồng trọt và Bảo vệ thực vật*). Trong chương trình đào tạo TT&BVTT trình độ trung cấp nói chung ở mục 3 (Nội dung chương trình) thể hiện rõ thời gian học tập (giờ) của từng MH/MĐ. Nội dung cụ thể của từng MH/MĐ cũng thể hiện rõ thời gian cho

từng bài, từng chương, từng mục, thời gian lý thuyết, thời gian thực hành, thời gian kiểm tra.

Phòng vấn Nhà giáo, Cán bộ quản lý, Doanh nghiệp, Cựu HSSV cho thấy chương trình đào tạo của Nhà trường thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp (*Biên bản phỏng vấn*).

Hàng năm, trường đã thực hiện khảo sát giảng viên, doanh nghiệp về chương trình đào tạo trong đó có nghề TT&BVTT trình độ trung cấp và kết quả cho thấy chương trình đào tạo nghề TT&BVTT trình độ trung cấp đã đạt được yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp (4.3.03 - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên về chương trình đào tạo năm học 2019 - 2020).

NỘI DUNG LẤY Ý KIẾN	Đối tượng	Năm	Số lượng	Kết quả	
				Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
Chương trìnhĐT cân đối giữa kiến thức môn chung và kiến thức chuyên ngành, thời gian hợp lý, đảm bảo tính thực tiễn và sự thay đổi thị trường.	Giảng viên	2018-2019	16	81,3%	18,7%
		2019-2020	16	87,5%	12,5%
	Doanh nghiệp	2018-2019	19	94,73%	5,27%
		2019-2020	14	85,71%	14,29%

Từ phân tích trên, Đoàn nhận thấy Chương trình đào tạo TT&BVTT trình độ trung cấp của Trường Cao đẳng Nông lâm Đông Bắc đã thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.

3. Đánh giá tiêu chuẩn 4.4:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (hai) điểm	2 (hai) điểm

Tiêu chuẩn 4.5: *Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo*

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Để đáp ứng mục tiêu giáo dục nghề nghiệp của nhà trường nói chung và chương trình đào tạo nghề TT&BVTT trình độ trung cấp nói riêng, Nhà trường coi trọng các điều kiện về cơ sở vật chất cũng như đội ngũ giảng viên đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo. Điều này được thể hiện chung cho toàn chương trình đào tạo và trong từng mô đun/môn học.

Đối với yêu cầu về cơ sở vật chất, nhà trường đã xây dựng danh mục thiết bị đào tạo cho nghề TT&BVTT trình độ trung cấp. Trong đó thể hiện rõ chủng loại, số lượng các trang thiết bị trang bị cho việc triển khai thực hiện hoạt động giáo dục nghề nghiệp nghề TT&BVTT trình độ trung cấp (BS2.3.04 - *Danh mục trang thiết bị tối thiểu nghề trung cấp TT&BVTT*). Đối với yêu cầu về đội ngũ giảng viên, trường đã bố trí đầy đủ giảng viên tham gia giảng dạy tất cả các MH/MĐ nghề TT&BVTT trình độ trung cấp (3.1.01 - *Danh sách giảng viên dạy nghề trung cấp TT&BVTT năm học 2018-2019, 2019-2020*; 2.2.02 - *Kế hoạch đào tạo nghề trung cấp TT&BVTT năm học 2018-2019, 2019-2020*; 2.2.03-*Kế hoạch giáo viên năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020*).

Tất cả các chương trình môn học/mô đun thuộc chương trình đào tạo nghề TT&BVTT trình độ trung cấp của trường được xây dựng theo qui định, trong đó mỗi mô đun, môn học đều thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất về phòng học lý thuyết (và các trang thiết bị trong phòng học lý thuyết); phòng thực hành (và các trang thiết bị trong phòng học thực hành); yêu cầu đối với giảng viên về trình độ đào tạo, chuyên môn nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ, kỹ năng nghề,... để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo. Nội dung này cũng được thành viên Hội đồng thẩm định đánh giá và góp ý trong Biên bản họp, phiếu nhận xét đánh giá (BS4.1.10 - *Các biên bản họp hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề TT&BVTT trình độ trung cấp năm 2017, 2019*; kèm phiếu nhận xét; BS4.1.11 - *Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật năm 2017, Ban hành kèm theo quyết định số 164/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Hiệu trưởng trường*

Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc; 4.1.04- Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật, Ban hành kèm theo quyết định số 231/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc).

Phòng vấn HSSV, GV, Doanh nghiệp sử dụng lao động cho thấy chương trình đào tạo nghề TT&BVTT thể hiện được yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo (*Biên bản phỏng vấn*).

Kết quả khảo sát lấy ý kiến của HSSV, GV, Doanh nghiệp sử dụng lao động về các điều kiện thực hiện chương trình đào tạo trong đó có chương trình đào tạo nghề TT&BVTT trình độ trung cấp cho thấy chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo (4.5.02 - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của học sinh, sinh viên về chương trình đào tạo năm học 2018-2019, 2019-2020; 4.5.03 - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên Doanh nghiệp về chương trình đào tạo năm học 2018-2019, 2019-2020).

NỘI DUNG LẤY Ý KIẾN	Đối tượng	Năm	Số lượng	Kết quả	
				Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo	Giảng viên	2018-2019	16	81,3%	18,7%
		2019-2020	16	87,5%	12,5%
	Doanh nghiệp/đơn vị sử dụng lao động	2018-2019	19	89,47%	10,53%
2019-2020		14	85,71%	14,29%	
HSSV	2018-2019	10	90%	10%	
	2019-2020	27	81,48%	18,52%	

Qua nghiên cứu MC kết hợp khảo sát thực tế, Đoàn nhận thấy Chương trình đào tạo TT&BVTT trình độ trung cấp của Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc đã thể hiện

được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 4.5:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (hai) điểm	2 (hai) điểm

Tiêu chuẩn 4.6: *Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo*

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo được Nhà trường quy định trong Quy chế tổ chức đào tạo (Căn cứ vào Thông tư 09/2017 của Bộ Lao động Thương Binh Xã hội về Ban hành quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp) (2.5.01 – *Quyết định ban hành Quy chế tổ chức đào tạo Trường Cao đẳng Nông lâm Đông Bắc số 509/QĐ-CDNLDB-ĐT ngày 09/8/2019, kèm theo Quy chế*). Trong quy chế tổ chức đào tạo, tại Chương III (Tổ chức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc MH/MĐ), nêu rất rõ về hình thức kiểm tra, thời gian kiểm tra, số điểm kiểm tra , ...

Kiểm tra toàn bộ chương trình đào tạo nghề TT&BVTT trình độ TC của trường cho thấy phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học được thể hiện ở Mục V (Nội dung và Phương pháp đánh giá) bao gồm: (1) Nội dung đánh giá: Kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm; (2) Phương pháp đánh giá: Kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra kết thúc môn học/mô-đun với các hình thức trắc nghiệm, tự luận, thực hành, bài tập lớn; Điều kiện dự thi kết thúc môn học; Cách tính điểm; Thang điểm: tính theo thang điểm 10 (BS4.1.11 - *Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật năm 2017, Ban hành kèm theo quyết định số 164/QĐ-CDNLDB-ĐT ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc; 4.1.04 -*

Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật, Ban hành kèm theo quyết định số 231/QĐ-CDNLĐB-DT ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc).

Phòng vấn HSSV, Nhà giáo, Cán bộ quản lý, Doanh nghiệp, Cựu HSSV cho thấy phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo là phù hợp (Biên bản phỏng vấn).

Hàng năm, Trường đã thực hiện lấy ý kiến của học sinh, sinh viên và giáo viên giảng dạy về phương pháp tổ chức đánh giá và mức độ đánh giá kết quả người học với kết quả đạt được là phù hợp. Kết quả cụ thể:

NỘI DUNG LẤY Ý KIẾN	ĐỐI TƯỢNG	NĂM	SỐ LƯỢNG	KẾT QUẢ	
				Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo	HSSV	2018-2019	10	80%	20%
		2019-2020	27	74,1%	25.9%
	Giảng viên	2018-2019	16	93.75%	6,25%
		2019-2020	16	75%	25%

Qua nghiên cứu các minh chứng, đoàn nhận thấy Chương trình đào tạo TT&BVTT trình độ trung cấp của Trường đã thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo

2. Đánh giá tiêu chuẩn 4.6:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (hai) điểm	2 (hai) điểm

Tiêu chuẩn 4.7: *Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ*

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Để đáp ứng thị trường lao động trên địa bàn Quảng Ninh và cả nước, Trường xác định Chương trình đào tạo phải phù hợp với yêu cầu phát triển về Nông, Lâm nghiệp của địa phương và đất nước. Vì vậy, khi xây dựng chương trình đào tạo nghề trung cấp TT&BVTT, Trường đã mời các chuyên gia có kinh nghiệm trong ngành Nông lâm và khu vực lân cận, các nhà giáo có thâm niên giảng dạy trong ngành Nông lâm tham gia góp ý, xây dựng, biên soạn và thẩm định chương trình nghề TT&BVTT trình độ trung cấp (BS4.1.11 - *Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật năm 2017, Ban hành kèm theo quyết định số 164/QĐ-CĐNLĐB-ĐT ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc; 4.1.04 - Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật, Ban hành kèm theo quyết định số 231/QĐ-CĐNLĐB-ĐT ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc; BS4.1.09 - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo năm 2017,2019; BS4.1.10 - Các biên bản họp hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề TT&BVTT trình độ trung cấp năm 2017, 2019; kèm phiếu nhận xét*)

Kiểm tra toàn bộ chương trình đào tạo nghề TT&BVTT trình độ trung cấp, cho thấy trong phần mục tiêu chung, mục tiêu và nội dung chi tiết của từng mô đun, môn học thể hiện được sự phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ theo thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/4. Cụ thể: MĐ 15 (Trồng cây dược liệu) đã đưa vào chương trình trồng các loại cây dược liệu có giá trị kinh tế cao tại Quảng Ninh và vùng Đông Bắc như Ba kích, đinh lăng, sa nhân....với các phương thức trồng như trồng xen dưới tán rừng, trồng thuần loại hoặc trong vườn nhà góp phần nâng cao thu nhập cho người dân địa phương; giới thiệu các phương pháp thu hoạch, sơ chế ứng dụng kỹ thuật công nghệ hiện đại phù hợp phù hợp với các cơ sở SX kinh doanh của địa phương. MĐ 19 (Sản xuất rau an toàn) đã đưa vào giáo trình giảng dạy các trang thiết bị hệ thống giàn che ứng dụng công nghệ cao, hệ thống tưới phun mưa tầm cao, nhỏ giọt cảm tiêu (on line), nhỏ giọt in line, máy trộn giá thể với các thiết bị này đang được sử dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Hàng năm, trường đã thực hiện lấy ý kiến của các đơn vị sử dụng lao động và các sinh viên sau tốt nghiệp, cán bộ, giáo viên giảng dạy nghề TT&BVTT trình độ trung cấp về chương trình phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ (4.3.02 - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của học sinh, sinh viên về chương trình đào tạo và hoạt động giảng dạy của giáo viên năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020; 4.3.04 - Báo cáo kết quả khảo sát của giáo viên, doanh nghiệp về chương trình đào tạo của trường cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc năm 2020)

NỘI DUNG LẤY Ý KIẾN	ĐỐI TƯỢNG	NĂM	SỐ LƯỢNG	KẾT QUẢ	
				Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
Sự phù hợp của chương trình đào tạo	Doanh nghiệp/đơn vị sử dụng lao động	2018-2019	19	89,47%	10,53%
		2019-2020	14	78,5%	21,5%
	HSSV	2018-2019	10	80%	20%
		2019-2020	27	74,1%	25,9%
	Giảng viên	2018-2019	16	93,75%	6,25%
		2019-2020	16	75%	25%

Phòng vấn Cựu SV, Doanh nghiệp sử dụng lao động trên địa bàn Quảng Ninh ngày 25/6/2020, cho thấy chương trình phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ tại các Doanh nghiệp trên địa bàn Quảng Ninh (*Biên bản phỏng vấn*).

Đoàn nhận thấy chương trình đào tạo nghề trung cấp TT&BVTT của Trường đã đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ

2. Đánh giá tiêu chuẩn 4.7:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (hai) điểm	2 (hai) điểm

Tiêu chuẩn 4.8: *Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân*

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo TT&BVTT trình độ trung cấp của trường có cấu trúc theo các nhóm kiến thức: Kiến thức cơ bản, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức cơ sở nghề và kiến thức nghiệp vụ chuyên môn. Vì thế, việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ khác trong hệ thống giáo dục quốc dân là khá thuận lợi và khả thi: Liên thông ngang và liên thông dọc.

Đối với liên thông ngang: Chương trình đào tạo của trường được phân định rõ: (1) Những môn học cơ bản (6 môn học) áp dụng cho tất cả các ngành, nghề đào tạo trình độ trung cấp; (2) Những môn học cơ sở ngành và cơ sở chuyên ngành áp dụng cho những nhóm nghề về nông lâm nghiệp; (3) Những môn học chuyên môn nghiệp vụ. Như vậy, người học có thể sử dụng kết quả học tập đối với những môn học/mô đun, tín chỉ đã được học trong chương trình đào tạo nghề trung cấp TT&BVTT để được miễn học và chỉ tiếp tục học thêm những những môn học/mô đun, tín chỉ còn lại của chương trình đào tạo các nghề khác trong ngành hoặc ngoài ngành (*BS4.1.11 - Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật năm 2017, Ban hành kèm theo quyết định số 164/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc; 4.1.04 - Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật, Ban hành kèm theo quyết định số 231/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc*).

Phòng vấn nhà giáo, cán bộ quản lý cho thấy Nhà trường chưa xây dựng chương trình liên thông (*Biên bản phỏng vấn*).

Đối với liên thông dọc từ trình độ Trung cấp lên trình độ Cao đẳng chuyên ngành hoặc chuyên ngành gần, tại thời điểm đánh giá ngoài Trường chưa xây dựng chương trình liên thông trình độ trung cấp nghề TT&BVTT lên cao đẳng nghề TT&BVTT. Vì vậy trường chưa đạt tiêu chuẩn này.

4. Đánh giá tiêu chuẩn 4.8:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (hai) điểm	0 (không) điểm

Tiêu chuẩn 4.9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Tháng 3/2017, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 1 tháng 3 năm 2017, Qui định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn và thẩm định giáo trình trình độ trung cấp, cao đẳng. Căn cứ vào đó, năm 2018 Trường xây dựng quy trình xây dựng, lựa chọn, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo (BS4.1.02 - Quyết định ban hành Quy trình xây dựng, lựa chọn, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo năm 2018; kèm theo Quy trình). Theo đó, Trường đã cho xây dựng Chương trình đào tạo TT&BVTT trình độ trung cấp theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp. Năm 2017 với 25 mô đun/môn học (Không kể thực tập tại cơ sở, thực tập TT). Năm 2019 Trường thực hiện điều chỉnh chương trình đào tạo có 25 mô đun/môn học (Không kể thực tập tại cơ sở, thực tập TT) (BS4.1.11 - Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật năm 2017, Ban hành kèm theo quyết định số 164/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc; 4.1.04 - Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật, Ban hành kèm theo quyết định số 231/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc).

Đối chiếu với chương trình đào tạo qua các năm, Đoàn tiến hành kiểm tra toàn bộ giáo trình cho thấy: Số lượng giáo trình của nghề TT&BVTT năm 2019 và 2020 đều là 25 giáo trình, như vậy số lượng giáo trình đúng, đủ với từng MH/MĐ của chương trình (BS4.9.01 - Các Quyết định ban hành danh mục giáo trình sử dụng cho các MH/MĐ nghề TT&BVTT năm 2019, 2020; 4.9.02 – Danh sách thống kê giáo trình nghề TT&BVTT cho từng môn học, mô đun năm 2017, 2019; 4.9.03 - Bản in các giáo trình các mô-đun, môn học của nghề TT&BVTT năm 2017, 2019).

Phòng vấn giảng viên, SV, cán bộ quản lý ngày 24/11/2020, cho thấy Trường có đủ giáo trình cho các MH/MĐ (*Biên bản phỏng vấn*).

Qua kiểm tra các minh chứng, kết hợp phỏng vấn, Đoàn nhận thấy Trường có đủ 100 % giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào Trung cấp TT&BVTT.

Đoàn đánh giá tiêu chuẩn 4.9 đạt.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 4.9:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
<i>2 (hai) điểm</i>	<i>2 (hai) điểm</i>

Tiêu chuẩn 4.10: *100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định*

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Năm 2018, trường đã xây dựng ban hành quy trình biên soạn, lựa chọn, bổ sung, điều chỉnh giáo trình. Quy trình này phù hợp với Thông tư 03/2017/TT-BLĐT&BXH ngày 1/3/2017 của Bộ Lao động Thương Binh và Xã hội (*BS4.10.01-Quyết định ban hành quy trình biên soạn giáo trình; kèm theo Quy trình xây dựng, lựa chọn, bổ sung, điều chỉnh giáo trình năm 2018*). Quy trình xây dựng, chỉnh sửa giáo trình gồm 12 bước: 1. Xác định yêu cầu, 2. Xây dựng kế hoạch, 3. Phê duyệt kế hoạch, 4. Tập huấn triển khai kế hoạch, 5. Thiết kế cấu trúc giáo trình, 6. Xin ý kiến góp ý về cấu trúc giáo trình, 7. Biên soạn giáo trình, 8. Hội thảo xin ý kiến, 9. Chỉnh sửa hoàn chỉnh dự thảo GT, 10. Thẩm định GT, 11. Ban hành GT, 12. Triển khai sử dụng và lưu hồ sơ.

Hệ thống Giáo trình trong Chương trình đào tạo nghề TT&BVTT trình độ trung cấp của trường được sử dụng từ 2 nguồn:

(1) Trường sử dụng các giáo trình do TCGDNN ban hành (gồm có 6 giáo trình cho các môn học chung). Trường lựa chọn các giáo trình của Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên, Học viện Nông nghiệp Việt Nam. Năm 2017, Nghề TT&BVTT lựa 19 giáo trình và năm 2019 là 11 giáo trình. Đối với loại này, việc lựa chọn giáo trình được thực hiện theo quy trình: (1) Khoa nghiên cứu đề xuất danh mục giáo trình lựa chọn, (2) Trường tổ chức thẩm định giáo trình, (3) Trường ban hành Quyết định sử dụng giáo trình lựa chọn.

Những giáo trình được lựa chọn này nếu chưa khớp hoàn toàn với Chương trình MH/MĐ đã xây dựng thì Trường yêu cầu giảng viên biên soạn Bài giảng trên cơ sở Giáo trình đã lựa chọn và phù hợp với Chương trình MH/MĐ của chương trình đào tạo TT&BVTT đã ban hành.

(2) Trường tổ chức biên soạn, thẩm định và ban hành giáo trình được thực hiện theo quy trình: (1) Khoa đề xuất danh mục giáo trình cần biên soạn và ban biên soạn giáo trình, (2) Trường thành lập ban biên soạn giáo trình, (3) Tổ chức biên soạn giáo trình, (4) Trường tổ chức thẩm định giáo trình, (5) Trường ban hành Quyết định sử dụng giáo trình đã biên soạn.

Năm 2017, căn cứ thông tư 03/2017/TT- BLĐTBXH ngày 01/3/2017 và thông tư 12/2017/TT- BLĐTBXH ngày 20/4/2017, trường đã tổ chức, xây dựng, lựa chọn, thẩm định và ban hành chương trình trong đó có chương trình TT&BVTT trình độ trung cấp. Năm 2019 chương trình đào tạo nghề trung cấp TT&BVTT được chỉnh sửa cho phù hợp với yêu cầu thực tế (*BS4.1.11 - Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật năm 2017, Ban hành kèm theo quyết định số 164/QĐ-CĐNLĐB-ĐT ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc; 4.1.04 - Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật, Ban hành kèm theo quyết định số 231/QĐ-CĐNLĐB-ĐT ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc*).

Trên cơ sở chương trình được xây dựng, chỉnh sửa, trường đã tổ chức biên soạn, lựa chọn giáo trình từ nguồn trường đã biên soạn. Năm 2017, trường lựa chọn 19 giáo trình sử dụng cho nghề TT&BVTT trình độ trung cấp gồm: Sinh lý thực vật, Đất và phân bón, bệnh cây nông nghiệp, côn trùng nông nghiệp, cơ khí nông nghiệp, sinh thái nông nghiệp và phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, nhân giống cây trồng, trồng cây lương thực, trồng cây công nghiệp, trồng cây ăn quả, sản xuất rau an toàn, trồng hoa cây cảnh, bảo vệ thực vật và phòng trừ dịch hại, công nghệ sau thu hoạch, trồng cây dược liệu, marketing nông nghiệp, trồng nấm. Năm 2019, một số giáo trình lựa chọn của năm 2017 có sự thay đổi về công nghệ mới vì vậy trường lựa chọn 11 giáo trình sử dụng cho nghề TT&BVTT trình độ trung cấp cho phù hợp gồm: Đất và phân bón, bệnh cây nông nghiệp, côn trùng nông nghiệp, cơ khí nông nghiệp, sinh thái nông nghiệp và phát triển bền vững, bảo vệ

môi trường, trồng cây công nghiệp, trồng cây ăn quả, trồng hoa cây cảnh, công nghệ sau thu hoạch, marketing nông nghiệp (BS4.10.02 - Kế hoạch lựa chọn danh mục giáo trình, tài liệu năm 2017, 2019; BS4.10.03 - Biên bản họp đề xuất lựa chọn danh mục giáo trình, tài liệu nghề trung cấp TT&BVTT năm 2017, 2019; BS4.10.04 - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình năm 2017, 2019; BS4.10.05 - Biên bản họp Hội đồng thẩm định lựa chọn giáo trình năm 2017, 2019, kèm phiếu đánh giá; BS4.9.01 - Các Quyết định ban hành danh mục giáo trình sử dụng năm 2017, 2019, kèm theo danh sách).

Năm 2019, Trường biên soạn 08 giáo trình gồm: Sinh lý thực vật, trồng cây lương thực, sử dụng trang thiết bị trong nhà lưới, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, trồng cây dược liệu, trồng nấm, nhân giống cây trồng, sản xuất rau an toàn (BS4.10.06 - Kế hoạch biên soạn giáo trình nghề TT&BVTT trình độ TC 2019; BS4.10.07 - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình năm 2017, 2019; BS4.10.08 - Biên bản họp Hội đồng thẩm định giáo trình năm 2019, kèm phiếu đánh giá; BS4.9.01 - Các Quyết định ban hành danh mục giáo trình sử dụng năm 2017, 2019, kèm theo danh sách).

Qua kiểm tra các minh chứng, Đoàn nhận thấy 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 4.10:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (hai) điểm	2 (hai) điểm

Tiêu chuẩn 4.11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Khi biên soạn, lựa chọn giáo trình, tài liệu giảng dạy, Trường căn cứ vào chương trình đào tạo của nghề TT&BVTT trình độ trung cấp. Nội dung của giáo trình đảm bảo theo đúng chương trình mô đun, môn học đã được ban hành trong chương trình đào tạo (BS4.1.11 - Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật năm 2017, Ban hành kèm theo quyết định số 164/QĐ-CĐNLĐB-ĐT ngày 03 tháng 4 năm

2017 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc; 4.1.04 - Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật, Ban hành kèm theo quyết định số 231/QĐ-CDNLDB-ĐT ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc).

Qua kiểm tra tất cả các giáo trình của nghề TT&BVTT trình độ trung cấp cho thấy giáo trình đã thể hiện rõ mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của bài, từng chương (về Kiến thức, Kỹ năng và Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm) phù hợp với mục tiêu trong chương trình mô đun, môn học đã xác định trong chương trình đào tạo để đạt được chuẩn đầu ra của toàn bộ chương trình đào tạo (BS4.10.04 - Biên bản họp Hội đồng thẩm định lựa chọn giáo trình năm 2017, 2019, kèm phiếu đánh giá; BS4.10.07 – Biên bản họp Hội đồng thẩm định giáo trình năm 2019, kèm phiếu đánh giá;; BS4.9.01 - Các Quyết định ban hành danh mục giáo trình sử dụng cho các môn học, mô đun năm 2017, 2019; 4.9.02 - Danh sách thống kê giáo trình nghề TT&BVTT cho từng môn học, mô đun năm 2017, 2019; 4.9.03 - Bản in các giáo trình các mô-đun, môn học của nghề TT&BVTT năm 1017, 2019).

Kiểm tra 100% Giáo trình nghề TT&BVTT trình độ trung cấp của trường được biên soạn căn cứ vào chương trình mô đun, môn học đã được công bố trong chương trình đào tạo, cho thấy giáo trình cụ thể hóa các yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo của nghề. Các quy trình của các MĐ chuyên môn nghề của chương trình đào tạo TT&BVTT trình độ trung cấp, có thể được mô phỏng thành các sơ đồ trong giáo trình giúp cho giảng viên và sinh viên có thể tương tác, kết nối trong dạy và học. Giáo trình được thực hiện triển khai theo phương pháp tích hợp, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành giúp cho sinh viên dễ nắm bắt, thực hiện đúng quy trình và nhớ được quy trình thực hiện các thao tác chuyên môn nghiệp vụ. Ví dụ: MH 25 (Trồng nấm) phần nội dung có quy trình và trình tự các bước thực hiện nhân giống, trồng và chăm sóc các loại nấm. MĐ20 (Trồng hoa cây cảnh) phần nội dung giới thiệu về dụng cụ, trang thiết bị trồng hoa cây cảnh, quy trình các bước trồng hoa ..., như vậy giảng viên rất dễ áp dụng phương pháp dạy tích hợp, phương pháp dạy học tích cực.

Phòng vấn HS, nhà giáo, cán bộ quản lý cho thấy nội dung giáo trình đã cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học (Biên bản phỏng vấn).

Hàng năm, trường đã lấy ý kiến của nhà giáo, sinh viên về nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực, kết quả thu được là các giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo, nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực (4.11.01 - Kết quả khảo sát ý kiến của nhà giáo, sinh viên về giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực)

Nội dung lấy ý kiến	Đối tượng	Năm	Số lượng	Kết quả	
				Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
Nội dung giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực	Giảng viên	2018-2019	16	93.75%	6,25%
		2019-2020	16	87,5%	12,5%
	HSSV	2018-2019	10	90%	10%
		2019-2020	27	78,4%	21.6%

Đoàn đã phỏng vấn giảng viên và đại diện HS ngày 24/11/2020, về việc giáo trình phù hợp để thực hiện các phương pháp dạy học tích cực, hầu hết giảng viên và sinh viên đều khẳng định là phù hợp và đã sử dụng phương pháp dạy học tích cực trong dạy học (Biên bản phỏng vấn).

Qua nghiên cứu các minh chứng, phỏng vấn giảng viên và sinh viên, Đoàn nhận thấy các giáo trình đào tạo trong chương trình đào tạo TT&BVTT trình độ trung cấp đã cụ thể hóa được yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo và nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực

2. Đánh giá tiêu chuẩn 4.11:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
<i>2 (hai) điểm</i>	<i>2 (hai) điểm</i>

Tiêu chuẩn 4.12: *Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ*

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Để đáp ứng thị trường lao động trên địa bàn Quảng Ninh và cả nước, Trường xác định Chương trình đào tạo phải phù hợp với yêu cầu phát triển về Nông lâm nghiệp của địa phương và đất nước. Vì vậy, khi xây dựng chương trình đào tạo nghề trung cấp TT&BVTT, Trường đã mời các chuyên gia có kinh nghiệm trong Nông lâm trên địa bàn Quảng Ninh và khu vực lân cận, các nhà giáo có thâm niên giảng dạy trong ngành Nông lâm tham gia góp ý, xây dựng, biên soạn và thẩm định chương trình nghề TT&BVTT (*BS4.1.10 - Các biên bản họp hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề TT&BVTT trình độ trung cấp năm 2017, 2019; kèm phiếu nhận xét; BS4.1.11 - Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật năm 2017, Ban hành kèm theo quyết định số 164/QĐ-CDNLDB-ĐT ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc; 4.1.04 - Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật, Ban hành kèm theo quyết định số 231/QĐ-CDNLDB-ĐT ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc*).

Kiểm tra 100% giáo trình của nghề TT&BVTT trình độ trung cấp cho thấy nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, cập nhật được công nghệ mới vào giáo trình thể hiện rõ ở mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của bài, từng chương phù hợp với mục tiêu trong chương trình mô đun, môn học đã xác định trong chương trình đào tạo, đảm bảo chuẩn đầu ra của toàn bộ chương trình đào tạo (*BS4.10.04 - Biên bản họp Hội đồng thẩm định lựa chọn giáo trình năm 2017, 2019, kèm phiếu đánh giá; BS4.10.07 - Biên bản họp Hội đồng thẩm định giáo trình năm 2019, kèm phiếu đánh giá; BS4.9.01 - Các Quyết định ban hành danh mục giáo trình sử dụng cho các môn học, mô đun năm 2017, 2019; 4.9.02 – Danh sách thống kê giáo trình nghề TT&BVTT cho từng môn học, mô đun năm 2017, 2018, 2019, 2020; 4.9.03 - Bản in các giáo trình các*

mô-đun, môn học của nghề TT&BVTT năm 1017, 2019). Ví dụ: MĐ 14 (Nhân giống cây trồng) đã đưa vào giáo trình giảng dạy các dụng cụ dao chiết ghép, kéo cắt cành, thước panmer; trang thiết bị phòng nuôi cấy mô có máy cất nước 2 lần, nồi hấp, tủ hấp, tủ cấy, tủ lạnh, giàn nuôi cấy với các thiết bị này đang được sử dụng phổ biến trong các cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh và toàn quốc; MĐ 19 (Sản xuất rau an toàn) đã đưa vào giáo trình giảng dạy các trang thiết bị hệ thống giàn che ứng dụng công nghệ cao, hệ thống tưới phun mưa tầm cao, nhỏ giọt cắm tiêu (on line), nhỏ giọt in line, máy trộn giá thể với các thiết bị này đang được sử dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; MĐ 18 (Sử dụng thiết bị trong nhà lưới) đã đưa vào giáo trình giảng dạy các loại nhà che đơn giản, hiện đại có trang thiết bị như hệ thống tưới, đệm làm mát, quạt đảo gió, hệ thống lưới cắt nắng, máy trộn giá thể hiện đang được sử dụng rộng rãi trong các cơ sở sản xuất trên địa bàn Quảng Ninh và khu vực. Tất cả các trang thiết bị và dụng cụ này đều đang được sử dụng tại các cơ sở sản xuất như: Công ty cổ phần đầu tư và xuất nhập khẩu Song Hành, HTX dịch vụ nông nghiệp chất lượng cao Hoa Phong, Công ty cổ phần VQC, Công ty TNHH một thành viên thương mại dịch vụ khoa học Thái Dương.

Hàng năm, trường đã lấy ý kiến của nhà giáo, về nội dung giáo trình phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (4.12.01 - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của giáo viên về giáo trình đào tạo năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020).

Nội dung lấy ý kiến	Đối tượng	Năm	Số lượng	Kết quả	
				Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
Nội dung giáo trình phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ	Giảng viên	2018-2019	16	93.75%	6,25%
		2019-2020	16	87,5%	12,5%

Phòng vấn Cựu SV, Doanh nghiệp sử dụng lao động trên địa bàn Quảng Ninh ngày 20/9/2020, cho thấy giáo trình phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ tại các Doanh nghiệp trên địa bàn Quảng Ninh (Biên bản phỏng vấn).

Qua nghiên cứu các minh chứng, phỏng vấn Cựu SV, Doanh nghiệp sử dụng lao động trên địa bàn Quảng Ninh ngày 25/11/2020, Đoàn nhận thấy các giáo trình đào tạo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 4.12:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
<i>2 (hai) điểm</i>	<i>2 (hai) điểm</i>

TIÊU CHÍ 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

1. Điểm đánh giá:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm Cơ sở GDNN/Cơ sở hoạt động GDNN tự đánh giá	Điểm Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
Tiêu chí 5	<i>16 (mười sáu) điểm</i>	<i>14 (mười bốn) điểm</i>
Tiêu chuẩn 5.1	<i>2 (hai) điểm</i>	<i>2 (hai) điểm</i>
Tiêu chuẩn 5.2	<i>2 (hai) điểm</i>	<i>2 (hai) điểm</i>
Tiêu chuẩn 5.3	<i>2 (hai) điểm</i>	<i>2 (hai) điểm</i>
Tiêu chuẩn 5.4	<i>2 (hai) điểm</i>	<i>2 (hai) điểm</i>
Tiêu chuẩn 5.5	<i>2 (hai) điểm</i>	<i>2 (hai) điểm</i>
Tiêu chuẩn 5.6	<i>2 (hai) điểm</i>	<i>0 (không) điểm</i>
Tiêu chuẩn 5.7	<i>2 (hai) điểm</i>	<i>2 (hai) điểm</i>
Tiêu chuẩn 5.8	<i>0 (không) điểm</i>	<i>2 (hai) điểm</i>

2. Các điểm mạnh:

Trường có đủ phòng học, phòng chuyên môn hóa, nhà thực hành được trang bị hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo của nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật.

Trường có đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật hiện tại của trường.

Trường bố trí sắp xếp nguyên, nhiên, vật liệu, thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; quản lý, cấp phát, sử dụng theo đúng quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.

Thư viện của trường có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học

Thư viện của trường được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.

3. Các điểm cần cải thiện:

Chương trình, giáo trình được cần được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử để phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

4. Đề xuất, kiến nghị đối với Cơ sở GDNN/Cơ sở hoạt động GDNN:

Nhà trường cần số hóa Chương trình, giáo trình và tích hợp với thư viện điện tử để phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo của nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật

Tiêu chuẩn 5.1: *Phòng học, phòng thí nghiệm, nhà thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.*

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Thông qua việc khảo sát cơ sở vật chất đào tạo của khoa; phỏng vấn sinh viên, giáo viên kết hợp xem xét minh chứng, Đoàn nhận thấy:

Trường được thành lập từ năm 1962, qua quá trình hoạt động nhà trường đã được nâng cấp về cơ sở vật chất và thiết bị cho phù hợp với quy mô phát triển. hiện nay trường có quy mô khang trang đảm bảo điều kiện cho các hoạt động đào tạo các nghề của nhà trường (BS5.1.01 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của trường; 5.1.01- Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; 5.1.03 - Hồ sơ thiết kế, xây dựng các khối công trình phục vụ nhu cầu đào tạo và các hoạt động khác; 5.1.04 - Hồ sơ hoàn công các khối công trình).

Khoa Nông học của nhà trường là một trong những khoa được đầu tư các cơ sở vật chất tương đối hiện đại, trong các nghề đào tạo của khoa có nghề trồng trọt và bảo vệ thực vật cũng được đầu tư với các cơ sở vật chất, thiết bị phù hợp với công nghệ hiện nay (BS5.1.02 - Bảng thống kê các phòng học, nhà thực hành, phòng học chuyên môn hóa khoa Nông học; BS5.1.03- Phiếu khảo sát ý kiến giáo viên; BS5.1.04- Phiếu khảo sát sinh viên). Cụ thể nghề được trang bị cơ sở vật chất như sau:

- Phòng học lý thuyết có 04 phòng có diện tích 208 m²

- Nhà màng thực hành có 02 nhà có diện tích 1500 m²

- Khu vườn ươm có diện tích 1000 m²

Mỗi nhà thực hành đều được bố trí riêng để thực hiện đào tạo cho các mô đun riêng biệt (*BS5.1.05 - Hồ sơ thiết kế lắp đặt nhà màng*)

Năm học 2018- 2019: Có 131 sinh viên trong 2 khóa (TC58; TC59) với tổng số 04 lớp TT58; 58B; TC58Q; TC50

Năm học 2019- 2020: Có 209 sinh viên trong 3 khóa (TC58; TC59; TC60) với tổng số 06 lớp TC58;TC58B; TC58Q; TC50; TC60; TC60Q. Năm học có số học sinh đông nhất là năm 2019- 2020 có 209 học sinh sinh viên.

Vậy với diện tích $1000 + 1500 + 208 = 2708/209 = 12,9\text{m}^2$ /học sinh đáp ứng theo nghị định số 140/2018/NĐ- CP ngày 8/10/2018.

Các phòng học, phòng thí nghiệm, nhà thực hành được trang bị hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo (*BS5.1.06 - Sơ đồ hệ thống điện toàn trường, và các nhà thực hành; 5.1.08 - Sơ đồ hệ thống cấp thoát nước toàn trường và các xưởng*). Các phòng học, phòng chuyên môn có khu vệ sinh chung, các nhà thực hành có khu vệ sinh khép kín; Điện cung cấp đến các nhà thực hành có điện áp 3 pha và 1 pha, có các ổ cắm cố định và di động thuận tiện cho việc giảng dạy của GV trong từng nhà; các phòng học, nhà thực hành đáp ứng đủ cho nhu cầu của người học (*5.1.10 - Báo cáo đánh giá hoạt động của các phòng học, giảng đường, nhà thực hành hàng năm; 5.1.11 - Hồ sơ khảo sát: kế hoạch, phiếu khảo sát, kết quả khảo sát giảng viên, người học, doanh nghiệp về cơ sở vật chất của trường*)

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 5.1:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
<i>2 (hai) điểm</i>	<i>2 (hai) điểm</i>

Tiêu chuẩn 5.2: *Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.*

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Do nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật chưa có danh mục thiết bị tối thiểu vì vậy trường đã xây dựng danh mục thiết bị cho nghề (BS5.2.01 - Bảng danh mục thiết bị nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật của Trường; BS 5.2.02 - Hồ sơ thiết bị nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật; BS5.2.03 - Biên bản kiểm kê tài sản cố định của khoa Nông học).

Nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật có tổng số lượng dụng cụ thiết bị là 2.292

Đoàn chọn mẫu kiểm tra danh mục của 4 đơn vị :

- Phòng đất trồng và phân bón có 29 thiết bị, dụng cụ 210
- Phòng sinh lý hóa sinh có 22 thiết bị; dụng cụ 190
- Phòng bảo vệ thực vật có 58 thiết bị; dụng cụ 490
- Trại thực nghiệm 53 thiết bị; dụng cụ 395

Các thiết bị, dụng cụ dùng để giảng dạy nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật theo Danh mục thiết bị của trường đã được Đoàn kiểm tra theo mẫu chọn. Đoàn nhận thấy trường có đủ thiết bị để giảng dạy theo danh mục (Biên bản chọn mẫu).

Đoàn đã phỏng vấn người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về nội dung tiêu chuẩn 2 đánh giá đáp ứng yêu cầu đào tạo “Có đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo”. Kết quả: Các đối tượng được phỏng vấn đều xác định các thiết bị đào tạo có đủ chủng loại, đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 5.2:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (hai) điểm	2 (hai) điểm

Tiêu chuẩn 5.3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Nhà trường đều tiến hành kiểm kê tài sản, trang thiết bị ở các phòng chuyên môn hóa, nhà thực hành của khoa Nông học, có đánh giá phần trăm còn sử dụng được hoặc hỏng, hết khấu hao để có kế hoạch thanh lý, mua sắm vật tư, sửa chữa thiết bị kịp thời phục vụ giảng dạy (5.2.01 - Danh mục thiết bị dạy nghề; BS 5.2.02 - Hồ sơ thiết bị ; BS 5.3.01- Biên bản kiểm kê tài sản năm 2018; 2019)

Các thiết bị, dụng cụ dùng để giảng dạy nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật theo danh mục thiết bị của trường đã được Đoàn kiểm tra theo mẫu chọn kết hợp phỏng vấn học sinh sinh viên và giáo viên. Đoàn kết luận: Trường có đủ thiết bị để giảng dạy theo danh mục (Biên bản chọn mẫu).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 5.3:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (hai) điểm	2 (hai) điểm

Tiêu chuẩn 5.4: *Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.*

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Đoàn đánh giá ngoài đã đi khảo sát thực tế tại các nhà thực hành của khoa Nông học. Đoàn nhận thấy các thiết bị bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành. Các Mô hình được bố trí tại nơi có nguồn điện áp 3 pha, 1 pha để có thể có thể kết nối, vận hành mô hình dễ dàng. Mô hình được ghi chú rõ ràng (tên mô hình, tên nguồn vốn đầu tư, năm đưa vào sử dụng) thuận tiện cho các giáo viên và sinh viên thao tác kết nối, vận hành;

Các thiết bị giảng dạy được các GV đặt ở các vị trí đảm bảo các yêu cầu sư phạm dễ dàng thao tác mẫu và quan sát người học thực hành.

Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí an toàn, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; Tất cả các thiết bị, dụng cụ đều được đặt trên kệ, có đủ ánh sáng để học tập; Các mô hình được thiết kế rời theo từng mô đun, di chuyển, tháo lắp dễ dàng nên thuận tiện cho việc thực hiện vệ sinh các thiết bị và nhà thực hành. Các dụng cụ học tập đều được sắp xếp gọn gàng trên các giá đỡ giúp người học dễ dàng lấy ra thực tập và cất giữ khi không thực tập (BS 5.4.01 - Sơ đồ/ hình ảnh bố trí các thiết bị, dụng cụ đào tạo trong các nhà thực hành; BS 5.4.02 - Ảnh chụp Đoàn đi khảo sát thực tế, phiếu khảo sát học sinh sinh viên)

Các thiết bị đào tạo được sử dụng đúng công năng, có hồ sơ quản lý rõ ràng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định. Cụ thể: Trường có ban hành Quy trình sửa chữa thường xuyên, trong đó, nêu rõ quy trình bảo trì, bảo dưỡng các trang thiết bị, máy móc phục vụ đào tạo của các phòng chuyên môn hóa và nhà thực hành (5.4.03 - Hồ sơ quản lý, bảo dưỡng các trang thiết bị (lý lịch máy, hợp đồng bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị) của nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật; 5.4.04 - Đánh giá về sự an toàn, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường trong việc sử dụng các thiết bị, dụng cụ; 5.2.03 - Hồ sơ khảo sát: kế hoạch, phiếu khảo sát, kết quả khảo sát giảng viên, người học, doanh nghiệp về trang thiết bị đào tạo của khoa Nông học).

Đoàn đã xem xét các khảo sát lấy ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về việc bố trí các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo. Kết quả khảo sát cho thấy các GV, cán bộ quản lý, đều đánh giá cao về việc bố trí các dụng cụ, thiết bị trong nhà thực hành.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 5.4:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
<i>2 (hai) điểm</i>	<i>2 (hai) điểm</i>

Tiêu chuẩn 5.5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong thời gian khảo sát thực tế Đoàn đã đến các nhà thực hành của khoa Nông học dùng để giảng dạy nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật, xem xét việc thực tế bố trí nguyên, nhiên, vật liệu, Đoàn nhận thấy nguyên, nhiên, vật liệu của khoa Nông học dùng để giảng dạy nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện: các vật tư thực tập, thực hành được bố trí theo chủng loại; Các hộp được xếp trong ngăn tủ gọn gàng. Khi bắt đầu ca thực tập, các GV cung cấp vật tư theo mô đun/môn học. Hết ca thực tập SV thu dọn vật tư để lại trong hộp, giá (BS 5.4.01-Ảnh chụp Đoàn đi khảo sát thực tế)

Về việc quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư đào tạo của trường: Trường đã xây dựng được định mức kinh tế kỹ thuật cho nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật để làm cơ sở căn

cứ mua các trang thiết bị, vật tư đào tạo, bên cạnh đó Trường đã có QĐ ban hành ban hành quy trình mua sắm vật tư, công cụ, dụng cụ mã số QT.04/QLTB-ĐT. Trong quy định có quy trình mua sắm và quy trình cấp phát, quản lý vật tư tại khoa (5.5.01 - Quy trình cấp phát vật tư, nguyên liệu thực hành; 5.5.02 - Giấy đề xuất mua vật tư, nguyên liệu; 5.5.03 - Sổ theo dõi nhập xuất vật tư; BS 5.5.01 - Định mức kinh tế kỹ thuật cho nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật)

Qua xem xét minh chứng, Đoàn nhận thấy: Trước mỗi học kỳ, Khoa Nông học xây dựng kế hoạch dự trù mua sắm vật tư theo từng học kỳ dựa trên Định mức kinh tế kỹ thuật cho nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật (5.5.06 - Dự trù kinh phí vật tư hàng năm). Dựa trên kế hoạch dự trù vật tư của khoa, Nhà trường sẽ cân đối và quyết định cấp kinh phí vật tư theo từng học kỳ, đảm bảo việc cung cấp kịp thời và sử dụng vật tư hiệu quả, tiết kiệm. (5.5.07 - Quyết định cấp kinh phí vật tư thực tập hàng năm). Phòng QLTVBVT&SX sẽ triển khai công tác mua sắm vật tư đúng chủng loại, quy cách và giao nhận vật tư cho các khoa đúng tiến độ học tập (5.5.08 - Hợp đồng mua sắm vật tư thực tập).

Sau khi mua sắm vật tư, thiết bị xong, phòng QLTVBVT&SX phối hợp với phòng Kế toán - Tài chính bàn giao cho khoa Nông học. Tại Khoa Nông học, vật tư thực tập được quản lý tại các kho của các nhà thực hành và có phân công quản lý. Việc cấp phát vật tư cho giảng viên được thực hiện trước khi bắt đầu giảng dạy mô đun theo thời khóa biểu từng học kỳ và theo kế hoạch giảng dạy của khoa.

Vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc giảng dạy cũng như bảo quản và sử dụng (BS 5.5.01 - Định mức kinh tế kỹ thuật cho nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật); 5.5.10 - Sổ theo dõi cấp phát vật tư của khoa; 5.2.03 - Hồ sơ khảo sát: kế hoạch, phiếu khảo sát, kết quả khảo sát giảng viên, người học, doanh nghiệp về trang thiết bị đào tạo của khoa Nông học).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

3. Đánh giá tiêu chuẩn 5.5:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (hai) điểm	2 (hai) điểm

Tiêu chuẩn 5.6: *Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.*

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua khảo sát thực tế tại thư viện của nhà trường và xem xét hồ sơ minh chứng, Đoàn nhận thấy: Thư viện nhà trường có 16.315 cuốn

Trong đó sách phục vụ giảng dạy chuyên môn

- Sách về kinh tế: 417 cuốn

- Nông lâm nghiệp: 1496 cuốn

+ Giáo trình

- Kinh tế: 875 cuốn

- Nông lâm nghiệp: 5391 cuốn

- Giáo trình trồng trọt: 928 cuốn

- Các loại sách tham khảo khác: 7208 cuốn

10 cuốn chương trình đào tạo nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật dành cho trình độ trung cấp; 928 cuốn giáo trình cho 13 môn học, 14 mô đun chuyên môn. Đoàn đánh giá Thư viện của trường có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt; mỗi loại giáo trình có đủ số lượng bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học (4.1.04 - *Quyết định số 231/QĐ-NLĐB-ĐT ngày 22/4/2019 về việc ban hành chương trình đào tạo nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật trình độ trung cấp*; 2.2.02 - *Chương trình đào tạo Trồng trọt và bảo vệ thực vật trình độ trung cấp*;

Về tài liệu tham khảo: Trường có Danh mục sách, tạp chí, tài liệu tham khảo có 7208 (bản cứng) đầu sách. Nếu tính tài liệu tham khảo/số SV Trồng trọt và bảo vệ thực vật (tính năm học 2019 - 2020 có số SV lớn nhất là 210) (BS 5.6.01- *Bản tổng hợp sách và đồ dùng thiết bị trong thư viện*). Đoàn đánh giá: trường đảm bảo đầu sách/người học.

Tuy nhiên qua khảo sát thực tế thư viện và phỏng vấn sinh viên và giáo viên đoàn nhận thấy số chương trình, giáo trình chưa được số hóa vào thư viện điện tử của trường tại website của trường <http://www.cdnldb.edu.vn/>

Đoàn đánh giá: Nhà trường chưa đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 5.6:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (hai) điểm	0 (không) điểm

Tiêu chuẩn 5.7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Đoàn đã đến thư viện của trường ở tầng 1 nhà 4 tầng học lý thuyết, có kho sách với diện tích 150 m²; phòng đọc với diện tích 120 m²; 02 phòng máy tính với 20 máy tính/phòng (5.7.01 - Bảng kiểm kê thiết bị máy tính phục vụ cho thư viện). 100% các máy tính được kết nối internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu và các thông tin khác thể hiện ở website <http://www.cdnldb.edu.vn/> (5.7.03 - Hồ sơ quản lý ứng dụng CNTT của thư viện: Danh mục thiết bị, máy tính hiện có tại thư viện, Phần mềm quản lý và tra cứu tài liệu, hợp đồng lắp đặt). Thư viện sử dụng phần mềm điện tử iLibMe 5.0 quản lý và tra cứu tài liệu (5.7.02 - Cơ sở dữ liệu điện tử của thư viện) giúp cán bộ, nhà giáo và học sinh, sinh viên dễ dàng trong việc tìm kiếm thông tin

Đoàn đã xem xét khảo sát ý kiến người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về nội dung “Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng được nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu”; trên 90% số lượng người được hỏi đều cho rằng thư viện có kết nối internet và đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu (5.6.02 - Hồ sơ khảo sát: kế hoạch, phiếu khảo sát, kết quả khảo sát người học, giảng viên về hoạt động thư viện).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 5.7:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (hai) điểm	2 (hai) điểm

Tiêu chuẩn 5.8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua nghiên cứu hồ sơ minh chứng, phỏng vấn nhà giáo và người học, dự giờ. Đoàn nhận thấy: Hiện nay các nhà giáo giảng dạy nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật hệ trung cấp đã và đang sử dụng các mềm mô phỏng trong giảng dạy như: PowerPoint, proteus, Cadesimu, orcad,... (BS-5.8.01 –*Mô hình mô phỏng quá trình côn trùng truyền bệnh vi rút từ cây có múi bị bệnh sang cây khỏe gây bệnh*) trong mô đun bệnh cây nông nghiệp do thầy Phan Tuấn Minh giảng dạy và mô đun Bảo vệ thực vật và phòng trừ dịch hại trồng cây ăn quả do cô Trịnh Thị Nga giảng dạy;

(BS 5.8.02 - *Mô hình mô phỏng quá trình hạt nảy mầm ở cây 2 lá mầm*) của môn học Sinh lý thực vật do thầy Nguyễn Văn Đèo giảng dạy và môn Cây công nghiệp mô đun chuyên ngành do cô Lưu Thị Lan giảng dạy

(BS5.8.03 - *Mô hình mô phỏng quá trình sinh trưởng, phát triển của cây hoa*) của môn Sinh lý thực vật do thầy Nguyễn Văn Đèo giảng dạy; Mô đun Trồng hoa cây cảnh do cô Bùi thị hương phú giảng dạy;

(BS5.8.04 - *Mô hình mô phỏng quá trình gây hại của ruồi đục quả*) của mô đun Bảo vệ thực vật và phòng trừ dịch hại; trồng cây ăn quả do cô Trịnh Thị Nga giảng dạy; Môn học Côn trùng nông nghiệp do thầy Phan Tuấn Minh giảng dạy;

(BS5.8.05 - *Mô hình mô phỏng ghép nêm cây có múi*) của mô đun Nhân giống cây trồng do cô Bùi Hương Phú giảng dạy

Các phần mềm này mô phỏng quá trình hoạt động đúng theo yêu cầu công nghệ đặt ra.

Như vậy Đoàn đánh giá khoa có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 5.8:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (hai) điểm	2 (hai) điểm

TIÊU CHÍ 6: Dịch vụ cho người học

1. Điểm đánh giá:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm Cơ sở GDNN/Cơ sở hoạt động GDNN tự đánh giá	Điểm Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
Tiêu chí 6	8 (tám) điểm	8 (tám) điểm
<i>Tiêu chuẩn 6.1</i>	<i>2 (hai) điểm</i>	<i>2 (hai) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 6.2</i>	<i>2 (hai) điểm</i>	<i>2 (hai) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 6.3</i>	<i>2 (hai) điểm</i>	<i>2 (hai) điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 6.4</i>	<i>2 (hai) điểm</i>	<i>2 (hai) điểm</i>

2. Các điểm mạnh:

Trường cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; các chế độ, chính sách cho người học, thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm cho người học

Người học được nhà trường cho hưởng các chế độ, chính sách đúng theo quy định của cơ quan chủ quản;

3. Các điểm cần cải thiện: Không có

4. Đề xuất, kiến nghị đối với Cơ sở GDNN/Cơ sở hoạt động GDNN: Không có

Tiêu chuẩn 6.1: *Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.*

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua xem xét hồ sơ minh chứng, Đoàn đánh giá: HSSV được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường và các chế độ, chính sách đối với HSSV. Các thông tin được nhà trường phổ biến và lồng ghép qua các hoạt động như sau:

+ Các buổi sinh hoạt chính trị đầu khóa Nhà trường đã cung cấp các thông tin:

Kế hoạch học tập của các khóa học

Các quy định tổ chức đào tạo theo phương pháp tích lũy mô đun

Cơ cấu, tổ chức và truyền thông của trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc

Mục tiêu, nhiệm vụ năm học

Quy chế thi, kiểm tra

Các vấn đề liên quan đến công tác đào tạo trong nhà trường

Quy chế công tác HSSV và Quy chế rèn luyện HSSV trong nhà trường

Các dịch vụ đối với người học: Thực hiện chế độ chính sách, hướng dẫn thủ tục vay vốn tín dụng, ưu đãi, các thủ tục xác nhận HSSV, tình hình ký túc xá, căng tin, y tế trong nhà trường...

+ Các buổi sinh hoạt lớp các giáo viên chủ nhiệm cung cấp các thông tin:

Quy chế công tác HSSV

Quy chế thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp

Nội quy, quy chế của trường;

Các chế độ chính sách đối với người học

Hướng dẫn các chế độ, chính sách, vay vốn tín dụng, ưu đãi, xác nhận HSSV...

+ Website của trường cung cấp các thông tin:

Thông tin tuyển sinh

Ngành nghề đào tạo của nhà trường

+ Sổ tay HSSV, sổ GVCN cung cấp các thông tin:

Quy chế công tác HSSV

Quy chế thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp

Nội quy, quy chế của trường;

Các chế độ chính sách đối với người học

(BS 6.1.01 - Sổ tay học sinh sinh viên; BS 6.1.02 - Trang thông tin tuyển sinh của Trường <http://tuyensinh.cdnlđb.edu.vn>; 6.1.01 - Thông báo số 568/TB-CDNLĐB-ĐT ngày 24 tháng 8 năm 2020 về việc tổ chức Tuần sinh hoạt công dân - HSSV đầu khóa năm học 2020-2021; 6.1.03: Quyết định số 509/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 09 tháng 8 năm 2019 về việc ban hành “Quy chế đào tạo trình độ Cao đẳng, trung cấp theo niên chế của trường Cao đẳng Nông lâm Đông Bắc; 6.1.04: Quyết định số 137/QĐ-CDNLĐB-CTSV ngày 03 tháng 04 năm 2018 về việc ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên hệ chính quy)

Qua xem xét hồ sơ khảo sát của nhà trường, Đoàn đánh giá: các đối tượng được khảo sát là HSSV, giảng viên của nhà trường đều hài lòng về cách thức, nội dung cung

cấp các thông tin đến người học (*BS 6.1.03 - Hồ sơ khảo sát: kế hoạch, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát của người học, giảng viên về hoạt động đào tạo của trường*)

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 6.1:

Cơ sở hoạt động GDNN tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
<i>2 (hai) điểm</i>	<i>2 (hai) điểm</i>

Tiêu chuẩn 6.2: *Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.*

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua kiểm tra minh chứng, phỏng vấn HSSV, Đoàn nhận thấy người học được hưởng các chế độ, chính sách đúng theo quy định; việc thực hiện khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời cho người học đạt kết quả cao trong học tập và có tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập, cụ thể:

Chính sách đối với học sinh sinh viên là người dân tộc thiểu số mỗi năm được 10 tháng và được hưởng trong 2 năm mỗi tháng được 1490.000 đồng.

- Khóa 58: Có 62 HSSV được hưởng 100%; 31 HSSV được hưởng 80%;

- Khoa 59: Có 158 HSSV được hưởng 100%; 24 HSSV được hưởng 80%; 03 HSSV được hưởng 60%

- Khóa 60: Có 180 HSSV được hưởng 100%; 19 HSSV được hưởng 80%; 04 HSSV được hưởng 60%

(6.2.01 - Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 10 năm 2015 về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên cao đẳng, trung cấp; 6.2.02 - Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2001 của thủ tướng chính phủ về điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập quy định tại quyết định số 111/1997/QĐ-TTG ngày 23 tháng 12 năm 1997 của thủ tướng chính phủ; 6.2.03 - Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối

với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020-2021; 6.2.04 - Quyết định số 137/QĐ-CĐNLĐB-CTSV ngày 03 tháng 04 năm 2018 về việc ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên hệ chính quy; 6.2.05 - Quyết định số 130/QĐ-CĐNLĐB-TCKT ngày 16/3/2020 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020)

Nhà trường còn xét trợ cấp xã hội, miễn giảm học phí cho các HSSV chuyên ngành TT&BVTV thuộc các đối tượng chính sách theo đúng quy định của Nhà nước (6.2.06 - Quyết định số 714/QĐ-CĐNLĐB-TCKT ngày 24 tháng 10 năm 2019 về việc phê duyệt chi trợ cấp xã hội cho học sinh-sinh viên từ tháng 7 đến tháng 12 năm 2019; 6.2.07 - Quyết định số 320/QĐ-CĐNLĐB-TCKT ngày 10 tháng 6 năm 2020 về việc phê duyệt chi trợ cấp xã hội cho học sinh-sinh viên từ tháng 1, tháng 2; tháng 5; tháng 6 và tháng 7 năm 2020; 6.2.08 - Quyết định số 723/QĐ-CĐNLĐB-TCKT ngày 25 tháng 10 năm 2019 về việc phê duyệt chi chính sách hỗ trợ học tập cho học sinh-sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người từ ngày 15 tháng 8 đến tháng 12 năm 2019; 6.2.09 - Quyết định số 319/QĐ-CĐNLĐB-TCKT ngày 10 tháng 6 năm 2020 về việc chi học bổng chính sách cho học sinh-sinh viên Tháng 1, tháng 5 và tháng 6 năm 2020; 6.2.10 - Quyết định số 771/QĐ-CĐNLĐB-TCKT ngày 26 tháng 11 năm 2019 về việc phê duyệt chi chính sách nội trú cho học sinh-sinh viên từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2019; 6.2.11 - Quyết định số 451/QĐ-CĐNLĐB-CTSV ngày 17 tháng 7 năm 2020 về việc Tặng giấy khen và tiền thưởng đột xuất cho học sinh, sinh viên đạt giải nhì tay nghề cấp bộ năm 2020; 6.2.12 - Báo cáo số 663/BC-CĐNLĐB-ĐT ngày 08 tháng 10 năm 2019 về kết quả công tác đào tạo nghề nghiệp; 6.2.13 - Quyết định số 770/QĐ-CĐNLĐB-TCKT ngày 26/11/2019 về việc phê duyệt chính sách miễn giảm học phí cho học sinh khóa 58 và 59 từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2019; 6.2.14 - Quyết định số 174/QĐ-CĐNLĐB-TCKT ngày 10/4/2020 về việc phê duyệt chính sách miễn giảm học phí cho học sinh - sinh viên học kỳ 2 năm học 2019-2020 từ tháng 3 đến tháng 7 năm 2020; 6.2.15 - Báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết Hội nghị cán bộ, viên chức cơ quan năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ năm 2020)

Số lượng HSSV được hưởng trợ cấp Xã hội theo các khóa:

- Hưởng 140.000đ/tháng: K58 có 18 HSSV; K59 có 35 HSSV; K60 có 49 HSSV;

- Hưởng 100.000đ/tháng: K58 có 04 HSSV; K59 có 08 HSSV; K60 có 11 HSSV.
Cuối năm khi HSSV nghỉ tết về với gia đình trường còn có quà cho các em học sinh nghèo vượt khó và bố trí xe trở các em về địa phương

- Năm 2018 có 400 suất quà

- Năm 2019 có 500 suất quà

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 6.2:

Cơ sở hoạt động GDNN tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (hai) điểm	2 (hai) điểm

Tiêu chuẩn 6.3: *Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.*

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Để hỗ trợ người học sau khi tốt nghiệp tìm việc làm, nhà trường thành lập trung tâm Tuyển sinh và tư vấn việc làm (6.3.01 - *Quyết định số 653/QĐ-CDNLĐB-TCHC ngày 15/12/2017 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc trường*) đóng vai trò là cầu nối giữa nhà trường với các cơ quan doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nhằm tư vấn, hỗ trợ người học tìm kiếm việc làm, thực tập rèn luyện nghề nghiệp. Nhà trường thực hiện tư vấn cho người học sau khi tốt nghiệp bằng nhiều hình thức khác nhau như phân công cán bộ tư vấn trực tiếp, ngày tư vấn việc làm, thu thập thông tin, cầu nối giữa doanh nghiệp và người học sau khi tốt nghiệp, cung cấp, cập nhật thông tin việc làm, thị trường lao động, giới thiệu việc làm cho người học, tổ chức các buổi tư vấn trực tiếp, hội thảo, tọa đàm từ phía doanh nghiệp cho HSSV chuẩn bị tốt nghiệp nhằm trợ giúp giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp,...để từ đó, người học dễ dàng tiếp cận tìm việc làm được thuận lợi và phù hợp với sở trường năng lực chuyên môn (6.3.02 - *Kế hoạch số 163/KH-CDNLĐB-TSTVVL ngày 27 tháng 3 năm 2020 về việc tư vấn giới thiệu việc làm cho học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp*; 6.3.03 - *Kế hoạch số 421/KH-CDNLĐB-TSTVVL ngày 09 tháng 7 năm 2020 về việc triển*

khai tổ chức ngày hội tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp và giới thiệu việc làm tỉnh Quảng Ninh)

Năm học 2018-2019 có 10 doanh nghiệp đến tuyển dụng HSSV

Năm học 2019-2020 có 14 doanh nghiệp đến tuyển dụng HSSV

Thông qua website nhà trường <http://tuyensinh.cdnlđb.edu.vn> và các thầy cô chủ nhiệm thì các em HSSV được cung cấp thông tin tuyển dụng được kịp thời.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 6.3:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
<i>2 (hai) điểm</i>	<i>2 (hai) điểm</i>

Tiêu chuẩn 6.4: *Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.*

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua khảo sát cơ sở vật chất của nhà trường và xem xét hồ sơ minh chứng, Đoàn nhận thấy: Nhà trường có 01 khu thể thao liên hợp gồm: 02 sân bóng đá có đường chạy điền kinh xung quanh sân, 04 sân cầu lông và 01 nhà thi đấu đa năng; 01 Hội trường để tổ chức và thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học, điển hình như:

Năm học 2018-2019: ĐTN tổ chức đợt hiến máu nhân đạo và nhận được 50 đơn vị máu.

Năm học 2019-2020: ĐTN tổ chức đợt hiến máu nhân đạo và nhận được 80 đơn vị máu

Vào các dịp trung thu và chào mừng ngày 26/03; 20/11 hàng năm

ĐTN Tổ chức “Đêm hội trăng rằm”.

ĐTN Tổ chức giải bóng đá HSSV.

ĐTN Tổ chức Chương trình Gala “Chào tân học sinh, sinh viên” khóa mới.

ĐTN Tổ chức Hội thi “Văn nghệ và HSSV thanh lịch” .

Trong những năm qua, nhà trường nói chung và Khoa Nông học nói riêng luôn chú trọng đến đời sống văn hóa tinh thần của HSSV thông qua việc phát triển các phong trào hoạt động văn hóa, văn nghệ thể dục thể thao và bố trí thời gian hợp lý để HSSV tham gia. Hoạt động văn nghệ thể dục thể thao được nhà trường tổ chức đều đặn từng đợt, từng kỳ. Với sự quan tâm chỉ đạo và đầu tư về mặt kinh phí của nhà trường, các hoạt động văn nghệ thể dục thể thao đã thu hút được đông đảo HSSV tham gia đã tạo được không khí vui tươi lành mạnh trong nhà trường (6.4.01 - Kế hoạch số 08/KH-ĐTN ngày 15 tháng 6 năm 2018 về việc tổ chức hoạt động Sinh viên tình nguyện hè 2018; 6.4.02 - Kế hoạch số 20/KH-ĐTN ngày 27 tháng 8 năm 2018 về việc chuẩn bị chương trình văn nghệ cho lễ khai giảng năm học 2018-2019; 6.4.03 - Hình ảnh HSSV tham gia hoạt động văn nghệ thể dục thể thao; 6.4.04 - Báo cáo công tác Đoàn thanh niên - 6.4.05: Bản vẽ thi công nhà giáo dục thể chất).

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 6.4:

Cơ sở hoạt động GDNN tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (hai) điểm	2 (hai) điểm

TIÊU CHÍ 7: Giám sát, đánh giá chất lượng

1. Điểm đánh giá:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm Cơ sở GDNN tự đánh giá	Điểm Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
Tiêu chí 7	14 (mười bốn) điểm	14 (mười bốn) điểm
<i>Tiêu chuẩn 7.1</i>	2 (hai) điểm	2 (hai) điểm
<i>Tiêu chuẩn 7.2</i>	2 (hai) điểm	2 (hai) điểm
<i>Tiêu chuẩn 7.3</i>	2 (hai) điểm	2 (hai) điểm
<i>Tiêu chuẩn 7.4</i>	2 (hai) điểm	2 (hai) điểm
<i>Tiêu chuẩn 7.5</i>	2 (hai) điểm	2 (hai) điểm
<i>Tiêu chuẩn 7.6</i>	2 (hai) điểm	2 (hai) điểm
<i>Tiêu chuẩn 7.7</i>	0 (không) điểm	0 (không) điểm
<i>Tiêu chuẩn 7.8</i>	2 (hai) điểm	2 (hai) điểm

2. Các điểm mạnh:

- Trường thực hiện việc khảo sát hiệu quả công tác điều tra thu thập thông tin đối với cán bộ quản lý, doanh nghiệp, người học tốt nghiệp, sinh viên và nhà giáo về chất lượng đào tạo để điều chỉnh hoạt động đào tạo của Nhà trường.

- Trường thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề TT&BVTV trình độ trung cấp theo quy định.

3. Các điểm cần cải thiện: Không

4. Đề xuất, kiến nghị đối với Cơ sở GDNN: Không

Tiêu chuẩn 7.1: *Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Công tác khảo sát ý kiến phản hồi các đơn vị sử dụng lao động, của HSSV tốt nghiệp ra trường được Trung tâm Tuyển sinh và Tư vấn việc làm đảm nhiệm, theo qui định tại chương IV của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc (1.2.01- Chức năng nhiệm vụ của các trung tâm kèm theo Quyết định số 653/QĐ-CDNLDB-TCHC ngày 15/12/2017 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc).

Trung tâm Tuyển sinh và Tư vấn việc làm hàng năm đã tiến hành xây dựng và thực hiện kế hoạch, thiết kế phiếu khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các doanh nghiệp, các đơn vị sản xuất về mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp đang làm tại doanh nghiệp, đơn vị sản xuất và sự phù hợp của chương trình đào tạo Nhà trường đối với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Công tác khảo sát ý kiến các đơn vị sử dụng lao động được thực hiện qua các bước: Lập kế hoạch khảo sát với các nội dung cụ thể về mục đích, yêu cầu, thời gian thực hiện, nội dung khảo sát, phân công nhiệm vụ cụ thể (7.1.01 - Kế hoạch khảo sát các doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại doanh nghiệp và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất các năm học 2018 – 2019 và 2019 - 2020)

Phương pháp khảo sát được sử dụng phiếu hỏi để doanh nghiệp trả lời theo các nội dung đề nghị (7.1.02 - *Phiếu khảo sát nhu cầu tuyển dụng và sự hài lòng của doanh nghiệp đối với HSSV trường cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc năm học 2018 – 2019 và 2019 - 2020*). Kết quả khảo sát được xử lý dữ liệu, tổng hợp, báo cáo kết quả và đề xuất các khuyến nghị với lãnh đạo trường (7.1.03 - *Báo cáo kết quả khảo sát nhu cầu và sự hài lòng của doanh nghiệp đối với sinh viên trường cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc năm học 2018 – 2019 và 2019 - 2020*).

Nghiên cứu nội dung, kết quả khảo sát của Trường trong 2 năm học 2018 - 2019 và 2019 - 2020 cho thấy: Số đơn vị sử dụng lao động được khảo sát ý kiến trong 2 năm gần đây có danh sách kèm theo (BS 7.1.01 - *Danh sách các đơn vị sử dụng lao động được khảo sát các năm học 2018 – 2019; 2019 - 2020 về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ*). Cụ thể:

Năm học 2018 - 2019: khảo sát 19 doanh nghiệp.

Năm học 2019 - 2020: khảo sát 12 doanh nghiệp

Kết quả khảo sát :

Năm học 2018 – 2019:

* *Mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động:*

- Khả năng đảm nhiệm công việc của HSSV tốt nghiệp đang làm việc tại doanh nghiệp:

Số liệu khảo sát tại 19 doanh nghiệp: Cụm HSSV đang làm việc trong và ngoài tỉnh Quảng Ninh cho thấy có 63,2% doanh nghiệp đánh giá đã “**đáp ứng**” được phần lớn các công việc được giao, 36,8% doanh nghiệp đánh giá cựu HSSV nhà trường “**cơ bản đáp ứng**” nhu cầu của công việc.

- Đánh giá về kỹ năng và thái độ làm việc của cựu HSSV đang làm việc tại doanh nghiệp:

Kết quả khảo sát 11 tiêu chí kỹ năng nghề nghiệp tại 19 doanh nghiệp đều ở mức độ “**khá**” (nằm trong khoảng từ 57,9% đến 84,2%). Riêng khả năng thích nghi hội nhập và phát triển và khả năng tự học, tự rèn được các doanh nghiệp đánh giá rất cao chiếm

100%. Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin vào trong công việc của cựu HSSV nhà trường đánh giá ở mức độ “trung bình” (100% doanh nghiệp) và không có tiêu chí nào bị các doanh nghiệp đánh giá yếu.

- Thái độ làm việc của cựu HSSV nhà trường làm việc tại doanh nghiệp được 100% các doanh nghiệp đánh giá ở mức “**tốt**”. Đó là: Ý thức tổ chức kỷ luật, tính trung thực trong công việc, biết lắng nghe, tiếp thu, khắc phục nhược điểm cá nhân. 100% các doanh nghiệp đánh giá thái độ về đóng góp ý kiến, xây dựng, phát triển đơn vị của cựu HSSV ở mức “**khá**”.

- Kết quả khảo sát còn cho thấy **94,7%** doanh nghiệp “**hài lòng**” đối với cựu HSSV tốt nghiệp của Trường đang làm việc tại doanh nghiệp và chỉ có 5,3% số lượng doanh nghiệp “không hài lòng” với chất lượng của đội ngũ HSSV tốt nghiệp nhà trường.

** Sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:*

- Kết quả khảo sát cho thấy: **100%** các doanh nghiệp trên địa bàn trong và ngoài tỉnh Quảng Ninh đều đánh giá cựu HSSV nhà trường “**đáp ứng tốt**” về mặt kiến thức chuyên ngành. Khả năng ứng dụng kiến thức chuyên ngành đó vào thực tiễn công việc được **78,9%** doanh nghiệp đánh giá ở mức “**khá**”. Chỉ có 31,6% doanh nghiệp đánh giá ở mức “trung bình” về các kiến thức liên quan khác.

- Ý kiến của doanh nghiệp về các kỹ năng cần bổ sung để CTĐT phù hợp với thực tiễn sản xuất kinh doanh, dịch vụ.

Khảo sát cho thấy: 78,9%-84,2% số doanh nghiệp cho rằng sau khi tuyển dụng người lao động cần phải bổ sung thêm các kỹ năng về công nghệ thông tin và ngoại ngữ. Chỉ có 10,5% doanh nghiệp cho rằng cần bổ trợ kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn và các kỹ năng mềm cho cựu HSSV của nhà trường.

Kết quả khảo sát cho thấy 100% doanh nghiệp đề xuất tăng thời gian thực tập cho HSSV trong quá trình học tập tại Trường. Hơn nữa có 26,3% doanh nghiệp quan tâm tới việc phối hợp với nhà trường tham gia xây dựng chương trình đào tạo trong việc xác định chuẩn đầu ra của nghề, giúp doanh nghiệp sau khi tiếp nhận HSSV tốt nghiệp không phải mất thời gian đào tạo thêm một số kỹ năng bổ trợ khác.

Năm học 2019 – 2020: Trường khảo sát 12 doanh nghiệp

* *Mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động:*

- Khả năng đảm nhiệm công việc của HSSV tốt nghiệp đang làm việc tại doanh nghiệp:

Số liệu khảo sát tại 12 doanh nghiệp cho thấy: **66,7%** doanh nghiệp đánh giá cựu HSSV Nhà trường đang làm việc trong và ngoài tỉnh Quảng Ninh đã “**đáp ứng**” được phần lớn các công việc được giao, **25 %** doanh nghiệp đánh giá “**cơ bản đáp ứng**” nhu cầu của công việc và rất ít (8,3%) doanh nghiệp cho rằng cựu HSSV nhà trường cần phải được đào tạo bổ sung để có thể đảm nhiệm được công việc phù hợp với vị trí việc làm tại doanh nghiệp.

- Đánh giá về kỹ năng và thái độ làm việc của cựu HSSV đang làm việc tại doanh nghiệp:

Kết quả khảo sát 11 tiêu chí kỹ năng nghề nghiệp tại 12 doanh nghiệp đều ở mức độ “khá” (nằm trong khoảng từ 58,3% đến 83,3%. Nhóm các kỹ năng như; kỹ năng thực hiện công việc được giao, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phân tích đánh giá và giải quyết vấn đề được (8,3%-33,3%) các doanh nghiệp đánh giá ở mức độ “tốt”. 100% doanh nghiệp đánh giá kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin vào trong công việc chỉ ở mức “trung bình”. Không có tiêu chí nào bị các doanh nghiệp đánh giá yếu.

- Thái độ làm việc của cựu HSSV nhà trường tại các doanh nghiệp được 100% doanh nghiệp đánh giá “tốt”, như: ý thức tổ chức kỷ luật, tính trung thực trong công việc, biết lắng nghe, tiếp thu, khắc phục nhược điểm cá nhân. Thái độ về tiêu chí đóng góp ý kiến, xây dựng, phát triển đơn vị được 100% các doanh nghiệp đánh giá ở mức “khá”.

- **91,7%** doanh nghiệp “**hài lòng**” đối với cựu HSSV tốt nghiệp của Trường đang làm việc tại doanh nghiệp, chỉ có 8,3% số doanh nghiệp “không hài lòng” với chất lượng của đội ngũ HSSV tốt nghiệp nhà trường.

* *Sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:*

- Kết quả khảo sát cho thấy **91,7%** các doanh nghiệp trên địa bàn trong và ngoài tỉnh Quảng Ninh đều đánh giá cựu HSSV nhà trường “**đáp ứng tốt**” về mặt kiến thức chuyên ngành. **83,3%** doanh nghiệp đánh giá **Khả năng ứng dụng kiến thức chuyên**

ngành vào thực tiễn công việc ở mức “**khá**”. Chỉ có 66,7% doanh nghiệp đánh giá ở mức “trung bình” về các kiến thức liên quan khác.

- Ý kiến của doanh nghiệp về các kỹ năng cần bổ sung để CTĐT phù hợp với thực tiễn sản xuất kinh doanh, dịch vụ.

Khảo sát cho thấy, 75%-92% số doanh nghiệp cho rằng sau khi tuyển dụng người lao động cần phải bổ sung thêm các kỹ năng về công nghệ thông tin và ngoại ngữ. Chỉ có 16,7% doanh nghiệp cho rằng cựu HSSV của Nhà trường sau khi vào làm việc tại các doanh nghiệp cần phải bổ trợ thêm kiến thức chuyên môn nghiệp vụ.

Kết quả khảo sát cho thấy (75% -100%) doanh nghiệp đề xuất tăng thời gian thực tập cho HSSV trong quá trình học tập tại Trường. Hơn nữa, có từ 41,7% đến 66,7% doanh nghiệp quan tâm tới việc phối hợp với nhà trường tham gia xây dựng chương trình đào tạo trong việc xác định chuẩn đầu ra của nghề và ký kết các hợp đồng cung ứng nguồn nhân lực có tay nghề và chất lượng cao, giúp doanh nghiệp sau khi tiếp nhận HSSV tốt nghiệp không phải mất thời gian đào tạo thêm một số kỹ năng bổ trợ khác.

Đoàn nhận định: Nhà trường thực hiện công tác khảo sát nghiêm túc, nội dung và phương pháp khảo sát thực sự khoa học, phân tích tổng hợp số liệu khảo sát hiệu quả. Nhà trường đạt chất lượng tiêu chuẩn này.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 7.1:

Cơ sở GDNN tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
<i>2 (hai) điểm</i>	<i>2 (hai) điểm</i>

Tiêu chuẩn 7.2: *Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.*

Kết quả nghiên cứu các minh chứng, báo cáo kết quả công tác điều tra khảo sát của Nhà trường Đoàn nhận xét: Trường thực hiện hàng năm điều tra lần vết 100% người tốt nghiệp để đánh giá chất lượng đào tạo của Trường và sự phù hợp của CTĐT với vị trí việc làm của người tốt nghiệp. Việc điều tra này do Trung tâm Tuyển sinh và Tư vấn việc làm thực hiện nghiêm túc, triển khai theo kế hoạch. Các phiếu khảo sát được thiết kế với đầy đủ nội dung theo mục tiêu khảo sát đề ra (7.2.01 - Kế hoạch số 396/KH-CĐNLDB-

TTTSTVVVVL ngày 12/7/2019 về việc khảo sát tình hình việc làm, chất lượng và sự phù hợp của CTĐT với vị trí việc làm của cựu HSSV nhà trường tốt nghiệp 2018-2019, Kế hoạch số 571/KH-CĐNLĐB-TTTSTVVVVL ngày 06/8/2020 về việc khảo sát tình hình việc làm, chất lượng và sự phù hợp của CTĐT với vị trí việc làm của cựu HSSV nhà trường tốt nghiệp 2019 - 2020; 7.2.02 - Phiếu khảo sát HSSV tốt nghiệp ra trường năm học 2018 - 2019 và 2019 - 2020; 7.2.03 - Báo cáo số 751/BC- CĐNLĐB-TSTVVVVL ngày 15/11/2019 về kết quả khảo sát việc làm của cựu HSSV Nhà trường đang làm việc tại các doanh nghiệp, chất lượng, sự phù hợp của CTĐT với vị trí việc làm và thực tiễn sản xuất, kinh doanh dịch vụ đối với HSSV tốt nghiệp 2018 – 2019; Báo cáo số 714/BC- CĐNLĐB-TSTVVVVL ngày 16/11/2020 về kết quả khảo sát việc làm của cựu HSSV Nhà trường đang làm việc tại các doanh nghiệp, chất lượng, sự phù hợp của CTĐT với vị trí việc làm và thực tiễn sản xuất, kinh doanh dịch vụ đối với HSSV tốt nghiệp 2019 – 2020).

Báo cáo kết quả điều tra trong 2 năm gần đây:

Năm học 2018-2019:

Trường khảo sát 100% HSSV tốt nghiệp hệ Cao đẳng và Trung cấp (BS 7.2.01 – Quyết định số 105/QĐ-CĐNLĐB-ĐT 01/03/2019 Vv công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy khóa 56, niên khóa 2016-2019 của HT trường CĐNLĐB) số lượng HSSV tốt nghiệp 254 người trong đó nghề TT&BVTV (lớp TC56E-TT1: 41 HS; TC56E-TT2:37 HS) (có danh sách kèm theo); sinh viên tốt nghiệp cao đẳng là 60 SV (có danh sách kèm theo)

Số phiếu phát ra là 335 (TC:275; CĐ:60) số phiếu thu về: 168 (TC:131; CĐ:37) đạt tỷ lệ 168/335 (50,15%).

* Phương thức khảo sát:

- Qua mạng internet, gửi đường link qua mạng xã hội,
- Qua tin nhắn, email, thư gửi trực tiếp đến cơ quan (doanh nghiệp người tốt nghiệp đang làm việc do HSSV cung cấp trước khi tốt nghiệp).
- Tiếp nhận phiếu và nhập thông tin vào phần mềm excel.
- Khảo sát trực tiếp qua phỏng vấn.
- Qua gọi điện thoại.

* Kết quả khảo sát:

Khảo sát tình hình việc làm, chất lượng và sự phù hợp của CTĐT với vị trí việc làm (trang 2,3 của BC)

- Kết quả của năm 2018-2019: Có việc làm phù hợp với ngành đào tạo là (tr. 7-8 của Báo cáo): có tỷ lệ 78,6%; không phù hợp là 21,4%;

HSSV tốt nghiệp của hệ CĐ và hệ TC chưa có việc làm so với tổng số HSSV trả lời phiếu điều tra: 25/168 (14,82%), tiếp tục học nâng cao: 12/168 (7,14%). Trong đó: Tỷ lệ HSSV có việc làm của ngành TT&BVTV trên tổng số HSSV phản hồi là 84,2%.

Mức độ phù hợp của ngành/ngành đã học với tính chất công việc hiện nay của cựu HSSV được khảo sát trong năm học 2018 – 2019 (trang 7-8 của BC)

Kết quả đánh giá mức độ hữu ích của ngành/ngành ĐT đối với công việc hiện nay của người học đã tốt nghiệp cho thấy:

“Rất hữu ích” chiếm tỷ lệ 29%; “Hữu ích” chiếm tỷ lệ 64,1%; “Không hữu ích” chiếm tỷ lệ 6,9% (do trái ngành nghề hoặc không xin được việc làm).

Chất lượng đào tạo của Nhà trường, mức độ đáp ứng của CTĐT đối với yêu cầu của Doanh nghiệp và xã hội (trang 9-10 của Báo cáo). CTĐT nhà trường được đánh giá “đáp ứng tốt” đối với yêu cầu của doanh nghiệp và xã hội chiếm tỉ lệ cao (78,3%), trong khi đó đáp ứng một phần chỉ chiếm 19,6%, còn đáp ứng chưa tốt chỉ chiếm (2,1%).

Nghiên cứu số liệu phân tích về chất lượng đào tạo thông qua biểu đồ cho thấy kết quả đánh giá chất lượng đào tạo ở mức tốt chiếm 77,4%; mức Khá chiếm 13,7%; mức TB chiếm 8,9%.

Năm học 2019-2020:

Tổng số lượng HSSV tốt nghiệp năm 2019 – 2020: 459 (TC57). Trong đó, ngành TT&BVTV (lớp TC57E-TT có 44 HS; TC57Q-TT có 44 HS) và hệ CĐ khóa 25 SV (BS 7.2.02 – Quyết định số 64/QĐ-CĐNLĐB-ĐT 30/01/2020 V/v công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy khóa 57, niên khóa 2017-2020 của HT trường CĐNLĐB; BS 7.2.02 – Quyết định số 664/QĐ-CĐNLĐB-ĐT 14/10/2020 V/v công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng khóa 10, niên khóa 2017-2020 của HT trường CĐNLĐB).

* Kết quả khảo sát:

- Khảo sát tình hình việc làm, chất lượng và sự phù hợp của CTĐT với vị trí việc làm năm 2019-2020 ((tr. 7 của BC)

- Kết quả của năm 2019-2020: Có việc làm “phù hợp” với ngành đào tạo có tỷ lệ 80,3%; “không phù hợp” là 19,7%;

- HSSV tốt nghiệp của CĐ và TC chưa có việc làm so với tổng số HSSV trả lời phiếu điều tra: 17/153 (11,1%), HSSV học tiếp tục học nâng cao: 14/153 (9,15%).

- Tỷ lệ HSSV tốt nghiệp có việc làm của ngành TT&BVTV trên tổng số HSSV phản hồi là 83,3%.

Mức độ “phù hợp” của ngành đã học với tính chất công việc hiện nay của cựu HSSV (trang 7-8 của BC)

Nội dung bảng hỏi tập trung đánh giá mức độ hữu ích của kiến thức, kỹ năng được đào tạo đối với công việc hiện nay của HSSV tốt nghiệp. Kết quả cho thấy: “Rất hữu ích” (29%); “Hữu ích” (66%); “Không hữu ích” (5%) (do trái ngành nghề hoặc không xin được việc).

Chất lượng đào tạo của Nhà trường, mức độ “đáp ứng” của CTĐT đối với yêu cầu của Doanh nghiệp và xã hội (trang 9-10 của Báo cáo). Nội dung câu hỏi khảo sát tập trung vào mức độ đáp ứng tốt, đáp ứng một phần và đáp ứng chưa tốt. Kết quả khảo sát cho thấy, CTĐT nhà trường được đánh giá đáp ứng tốt đối với yêu cầu của doanh nghiệp và xã hội chiếm tỉ lệ cao (77%), trong khi đó đáp ứng một phần chỉ chiếm 21,3%, còn đáp ứng chưa tốt chỉ chiếm (1,7%) Nghiên cứu số liệu phân tích về chất lượng đào tạo thông qua biểu đồ cho thấy kết quả đánh giá chất lượng đào tạo ở mức tốt chiếm 69,9%; mức Khá chiếm 20,3%; mức TB chiếm 9,8%.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 7.2:

Cơ sở GDNN tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
<i>2 (hai) điểm</i>	<i>2 (hai) điểm</i>

Tiêu chuẩn 7.3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo.

Trong 2 năm gần đây, phòng KĐ&KHHTQT đã tiến hành xây dựng, thực hiện kế hoạch thu thập ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý, nhân viên và giáo viên viên chức về các hoạt động liên quan đến dạy và học, bổ nhiệm, bồi dưỡng phân loại nhà giáo. Công tác khảo sát tuân theo các bước: Lập kế hoạch thu thập ý kiến với các nội dung cụ thể về mục đích, yêu cầu, thời gian thực hiện, nội dung khảo sát, phân công nhiệm vụ cụ thể, tiến hành khảo sát và phân tích số liệu khảo sát, viết báo cáo khảo sát (7.3.01 - Các Kế hoạch Khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên và nhân viên về các hoạt động phục vụ đào tạo năm học 2018 - 2019 và 2019 – 2020; 7.3.02 - Phiếu khảo sát ý kiến của giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên).

Đối tượng khảo sát: Cán bộ quản lý và nhà giáo trực tiếp tham gia tổ chức và quản lý CTĐT nghề TT&BVTV trình độ trung cấp.

Số lượng nhà giáo, cán bộ quản lý được chọn mẫu khảo sát ý kiến về các nội dung đã nêu, căn cứ trên số lượng nhà giáo, CBQL và nhân viên có trong từng năm học (BS 7.3.01 - Danh sách trích ngang đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trực tiếp tổ chức đào tạo nghề TT Nhà giáo, CBQL và nhân viên trực tiếp tổ chức thực hiện CTĐT TT&BVTV năm học 2018 – 2019 và 2019 - 2020).

Theo Danh sách trích ngang trên đây, năm học 2018 - 2019 có 16 nhà giáo tham gia giảng dạy; 12 CBQL; năm học 2019-2020 có 17 nhà giáo tham gia giảng dạy; 12 CBQL.

Phòng KĐ&KHHTQT đã lấy mẫu khảo sát thực hiện đối với 11 nhà giáo tham gia giảng dạy, 06 CBQL (năm học 2018 – 2019) và 11 nhà giáo tham gia giảng dạy, 06 CBQL (năm học 2019 – 2020) có danh sách kèm theo.

Kết quả khảo sát được phân tích trong Báo cáo (7.3.03 - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên và nhân viên về các hoạt động nội dung liên quan đến dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo các năm học 2018 – 2019 và 2019 – 2020). Cụ thể:

Năm học 2018 – 2019:

*** Phương pháp khảo sát**

Việc khảo sát ý kiến cán bộ quản lý, giáo viên được thực hiện bằng hình thức khảo sát trực tiếp thông qua phiếu đánh giá do Phòng Khảo thí & Kiểm định chất

lượng gửi phiếu đến các Khoa, Phòng ban nhà trường.

*** Thang điểm đánh giá và tiêu chuẩn xếp loại**

Phiếu khảo sát sử dụng thang đo gồm 3 mức độ:

1	2	3
Không hài lòng	Hài lòng	Rất hài lòng

*** Kết quả khảo sát:**

- *Phản hồi của cán bộ quản lý, giáo viên về các hoạt động nội dung liên quan đến dạy và học*

Nội dung khảo sát	Kết quả					
	Không hài lòng		Hài lòng		Rất hài lòng	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Chương trình đào tạo	0	0%	7	41,2%	10	58,8%
Tiến độ đào tạo	0	0%	5	29,4%	12	70,6%
Trang thiết bị dạy học	0	0%	9	52,9%	8	47,1%
Kế hoạch đào tạo	0	0%	6	35,3%	11	64,7%
Giáo trình	0	0%	8	47,1%	9	52,9%

Kết quả khảo sát cho thấy 100% phản hồi của cán bộ quản lý, giáo viên đánh giá ở mức độ hài lòng và rất hài lòng với hoạt động dạy và học. Trong đó mức độ rất hài lòng về Chương trình đào tạo, tiến độ đào tạo và kế hoạch đào tạo là cao nhất (58,5-70,6%); giáo trình và trang thiết bị dạy học nằm trong khoảng 47,1%-52,9%. Điều đó thể hiện công tác giáo trình, trang thiết bị dạy cần được chấn chỉnh và tăng cường đầu tư cho biên soạn hoặc mua sắm giáo trình theo danh mục giáo trình được Hội đồng thẩm định thông qua. Đồng thời tăng cường mua sắm trang thiết bị đáp ứng yêu cầu về công nghệ hiện đại.

- *Phản hồi của cán bộ quản lý, giáo viên về công tác tuyển dụng*

Nội dung khảo sát	Kết quả		
	Không hài lòng	Hài lòng	Rất hài lòng

	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Tuyển dụng đúng quy định	0	0%	8	47,1%	9	52,9%
Số lượng, chất lượng	0	0%	5	29,4%	12	70,6%
Phù hợp với chuyên môn	0	0%	2	11,8%	15	88,2%

Qua dữ liệu tổng hợp cho thấy công tác tuyển dụng cũng đáp ứng được sự hài lòng của Cán bộ quản lý và giáo viên của trường. Đặc biệt công tác tuyển dụng phù hợp với chuyên môn cần tuyển dụng ở mức rất hài lòng đạt tới 76,5% - Tỷ lệ rất cao.

- Phản hồi của cán bộ quản lý, giáo viên về công tác bồi dưỡng cán bộ, giáo viên

Nội dung khảo sát	Kết quả					
	Không hài lòng		Hài lòng		Rất hài lòng	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Nội dung bồi dưỡng đúng với chuyên môn	0	0%	5	17,60%	12	70,6%
Tạo điều kiện về thời gian	0	0%	2	17,60%	15	88,2%
Hỗ trợ tài chính đi bồi dưỡng	0	0%	9	52,90%	8	47,1%

Kết quả khảo sát cho thấy Công tác bồi dưỡng cũng đáp ứng được sự hài lòng của Cán bộ quản lý và giáo viên của trường ở mức hài lòng trở lên (100%). Tuy nhiên mức độ rất hài lòng về việc hỗ trợ tài chính của nhà trường cho người được đi bồi dưỡng và học tập thấp hơn những câu hỏi khác trong tiêu chí (47,1%).

- Phản hồi của cán bộ quản lý, giáo viên về công tác bổ nhiệm

Nội dung khảo sát	Kết quả					
	Không hài lòng		Hài lòng		Rất hài lòng	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %

Bổ nhiệm đúng quy định	0	0%	11	64,7%	6	35,3%
Bổ nhiệm khách quan	0	0%	14	82,4%	3	17,6%

Qua kết quả tổng hợp cho thấy tỷ lệ hài lòng và rất hài lòng đạt 100%. Điều đó thể hiện công tác bổ nhiệm phải luôn được chú trọng. Nhất là sự lựa chọn nhân sự để đào tạo, bồi dưỡng quy hoạch phải đúng người, đúng năng lực của từng cá nhân.

- Phản hồi của cán bộ quản lý, giáo viên về công tác phân loại, đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý

Nội dung khảo sát	Kết quả					
	Không hài lòng		Hài lòng		Rất hài lòng	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Phân loại, đánh giá đúng quy định	0	0%	5	29,4%	12	70,6%
Phân loại, đánh giá khách quan	0	0%	6	35,3%	11	64,7%

Với số liệu ở trên cho thấy Cán bộ, giáo viên rất hài lòng với công tác đánh giá cán bộ, giáo viên hàng năm của trường. Công tác này có tính khích lệ mọi người phấn đấu hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao. Tỷ lệ rất hài lòng về phân loại, đánh giá đúng quy định đạt tới 70,6%.

Năm học 2019 – 2020:

*** Kết quả khảo sát:**

- Phản hồi của cán bộ quản lý, giáo viên về các hoạt động liên quan đến dạy và học

Nội dung khảo sát	Kết quả					
	Không hài lòng		Hài lòng		Rất hài lòng	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Chương trình đào tạo	0	0 %	5	29,4 %	12	70,6 %

Tiến độ đào tạo	0	0 %	10	58,8 %	7	41,2 %
Trang thiết bị dạy học	0	0 %	8	47,1 %	9	52,9 %
Kế hoạch đào tạo	0	0 %	12	70,6 %	5	29,4 %
Giáo trình	0	0 %	13	76,5 %	4	23,5 %

Kết quả khảo sát cho thấy 100% phản hồi của cán bộ quản lý, giáo viên đánh giá ở mức độ hài lòng và rất hài lòng với hoạt động dạy và học. Trong đó mức độ rất hài lòng về Chương trình đào tạo và trang thiết bị đào tạo là cao nhất (52,9-70,6%); giáo trình và tiến độ đào tạo nằm trong khoảng 23,5%-41,2%. Điều đó thể hiện chương trình đào tạo và trang thiết bị dạy học đã được đầu tư nâng cấp cải thiện.

- Phản hồi của cán bộ quản lý, giáo viên về công tác tuyển dụng

Nội dung khảo sát	Kết quả					
	Không hài lòng		Hài lòng		Rất hài lòng	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Tuyển dụng đúng quy định	0	0 %	7	41,2%	10	58,8%
Số lượng, chất lượng	0	0 %	5	29,4%	12	70,6%
Phù hợp với chuyên môn	0	0 %	8	47,1%	9	52,9%

Qua dữ liệu tổng hợp cho thấy Công tác tuyển dụng cũng đáp ứng được sự hài lòng của Cán bộ quản lý và giáo viên của trường. Đặc biệt về chất lượng giáo viên được tuyển dụng đạt chất lượng ở mức rất hài lòng đạt tới 70,6%.

- Phản hồi của cán bộ quản lý, giáo viên về công tác bồi dưỡng cán bộ, giáo viên

Nội dung khảo sát	Kết quả					
	Không hài lòng		Hài lòng		Rất hài lòng	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Nội dung bồi dưỡng đúng với chuyên môn	0	0%	3	17,6%	14	82,4%
Tạo điều kiện về thời gian	0	0%	3	17,6%	14	82,4%
Hỗ trợ tài chính đi bồi dưỡng	0	0%	9	52,9%	8	47,1%

Kết quả khảo sát cho thấy Công tác bồi dưỡng cũng đáp ứng được sự hài lòng của Cán bộ quản lý và giáo viên của trường ở mức hài lòng trở lên (100%). Tuy nhiên mức độ rất hài lòng về việc hỗ trợ tài chính của nhà trường cho người được đi bồi dưỡng và học tập thấp hơn những câu hỏi khác trong tiêu chí (47,1%).

- Phản hồi của cán bộ quản lý, giáo viên về công tác bổ nhiệm

Nội dung khảo sát	Kết quả					
	Không hài lòng		Hài lòng		Rất hài lòng	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Bổ nhiệm đúng quy định	0	0%	10	58,8%	7	41,2%
Bổ nhiệm khách quan	0	0%	12	70,6%	5	29,4%

Qua kết quả tổng hợp cho thấy tỷ lệ hài lòng và rất hài lòng đạt 100%. Điều đó thể hiện công tác bổ nhiệm phải luôn được chú trọng. Nhất là sự lựa chọn nhân sự để đào tạo, bồi dưỡng quy hoạch phải đúng người, đúng năng lực của từng cá nhân.

- Phản hồi của cán bộ quản lý, giáo viên về công tác phân loại, đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý

Nội dung khảo sát	Kết quả					
	Không hài lòng		Hài lòng		Rất hài lòng	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Phân loại, đánh giá đúng quy định	0	0%	5	29,4%	12	70,6%
Phân loại, đánh giá khách quan	0	0%	7	41,2%	10	58,8%

Với số liệu ở trên cho thấy: Cán bộ, giáo viên rất hài lòng với công tác đánh giá cán bộ, giáo viên hàng năm của trường. Công tác này có tính khích lệ mọi người phấn đấu hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao. Tỷ lệ rất hài lòng về phân loại, đánh giá đúng quy định đạt tới 70,6%.

Đoàn đánh giá tiêu chuẩn này đạt chất lượng.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 7.3:

Cơ sở GDNN tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (hai) điểm	2 (hai) điểm

Tiêu chuẩn 7.4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.

Kiểm tra các minh chứng cho thấy: Phòng Kiểm định - Khoa học và Hợp tác quốc tế đã tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học trong các năm học 2018 – 2019 và 2019 – 2020 về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng dịch vụ và các chính sách liên quan đối với người học (7.4.01 – Các Kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của học sinh, sinh viên về về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng dịch vụ và các chính sách liên quan đối với người học, năm học 2018 – 2019 và 2019 - 2020; 7.4.03 - Danh sách học sinh, sinh viên các lớp được thu thập ý kiến; 7.4.04 - Phiếu khảo sát ý kiến phản hồi của HSSV về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học).

Số lượng người học được khảo sát căn cứ trên danh sách người học trúng tuyển chương trình TT&BVTV năm học 2018 – 2019 và năm 2019 – 2020 (BS 7.4.01 - Quyết định công nhận danh sách trúng tuyển của hệ trung cấp khóa 58, niên khóa 2018 – 2021 số 536/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 22/8/2018; Quyết định công nhận danh sách trúng tuyển của hệ trung cấp khóa 58, niên khóa 2018 – 2021 số 72/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 18/2/2019; Quyết định công nhận danh sách trúng tuyển của hệ trung cấp khóa 59, niên khóa 2019 – 2022 số 575/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 29/8/2019; Quyết định công nhận danh sách trúng tuyển của hệ trung cấp khóa 60, niên khóa 2020 – 2023 số 575/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 11/8/2020).

Tổng số HSSV khóa K58: 22 HSSV

Tổng số HSSV khóa K 59: 43 HSSV

Tổng số HSSV khóa K60: 36 HSSV

Năm học 2018-2019.

* **Đối tượng khảo sát:** Học sinh lớp TC58-TT chuyên ngành Trồng trọt và Bảo vệ thực vật năm học (2018-2019). Số lượng phiếu khảo sát phát ra cho HSSV là 10 phiếu, tổng số HSSV tham gia phản hồi phiếu đạt 10/10 (100%).

***Phương pháp khảo sát:**

Việc khảo sát ý kiến HSSV lớp TC58-TT được thực hiện bằng hình thức khảo sát trực tuyến thông qua phiếu đánh giá do phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng xây dựng theo văn bản hướng dẫn số 453 và 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Cục Kiểm định chất lượng.

*** Kết quả khảo sát:**

- Về chất lượng, hiệu quả phương thức đào tạo

STT	Nội dung	Trung Bình		Khá		Tốt	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Hình thức đào tạo theo mô đun/tín chỉ phù hợp với mục tiêu của chương trình đào tạo	2	20,0%	2	20,0%	6	60,0%
2	Số lượng mô đun/tín chỉ đảm bảo được khối lượng kiến thức, kỹ năng, thái độ đáp ứng theo nhu cầu của xã hội	1	10,0%	1	10,0%	8	80,0%
3	Nội dung kiến thức (lý thuyết, thực hành, tích hợp) phù hợp với mục tiêu đào tạo và hình thành kỹ năng nghề cho người học	1	10,0%	1	10,0%	8	80,0%

Kết quả khảo sát cho thấy việc sử dụng phương thức đào tạo tích lũy môđun/tín chỉ được đánh giá ở mức “tốt” (60%-80%), mức “trung bình” chỉ chiếm (10%-20%). Điều thể hiện sự đồng thuận, hài lòng của người học về phương thức đào tạo trên.

- Về chất lượng giảng dạy của giáo viên

STT	Nội dung	Không hài lòng	Hài Lòng	Rất hài lòng
-----	----------	----------------	----------	--------------

		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Nội dung, phương pháp kiểm tra, đánh giá bám sát với chương trình đào tạo, đảm bảo tính khách quan và theo đặc thù của môn/đơn/môn học	2	20,0%	6	60,0%	2	20,0%
2	Giáo viên (GV) đảm bảo giờ lên lớp và kế hoạch giảng dạy	1	10,0%	6	60,0%	3	30,0%
3	GV có kiến thức chuyên môn tốt, cập nhật liên tục về nội dung giảng dạy, liên hệ giữa lý thuyết và thực tiễn.	1	10,0%	5	50,0%	4	40,0%
4	GV có phương pháp truyền đạt rõ ràng, dễ hiểu, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy và học tập đầy đủ, hiện đại	2	20,0%	7	70,0%	1	10,0%
5	Hoạt động giảng dạy của giáo viên luôn gắn với định hướng nghề nghiệp	0	0,0%	5	50,0%	5	50,0%

Kết quả khảo sát về chất lượng giảng dạy giảng dạy cho thấy tỷ lệ mức độ hài lòng và rất hài lòng đạt từ 80% trở lên. Điều đó khẳng định người học đã hài lòng với chất lượng giảng dạy của các nhà giáo giáo dục nghề nghiệp trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc.

- Về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ HSSV

STT	Nội dung	Không hài lòng		Hài Lòng		Rất hài lòng	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Nhà ăn đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm, thuận tiện và phù hợp với nhu cầu HSSV	0	0,0%	6	60,0%	4	40,0%

2	Ký túc xá đảm bảo vệ sinh, đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt, thuận tiện.	2	20,0%	6	60,0%	2	20,0%
3	Phòng y tế đầy đủ trang thiết bị dụng cụ, thuốc men phục vụ cho HSSV toàn trường.	0	00,0%	7	70,0%	3	30,0%
4	Các cán bộ, nhân viên phòng CTSV có thái độ nhiệt tình, thân thiện và quan tâm với HSSV	0	0,0%	8	80,0%	2	20,0%
5	Hoạt động tư vấn học tập, nghề nghiệp cung cấp đầy đủ thông tin, đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, chọn lựa và học tập của SV	0	0,0%	7	70,0%	3	30,0%
6	Nhà trường có hệ thống khu liên hợp thể thao, sân bóng đá, bóng rổ, sân cầu lông tạo điều kiện cho HSSV vui chơi và rèn luyện thể lực	0	0,0%	3	30,0%	7	70,0%

Kết quả tổng hợp ý kiến khảo sát về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ HSSV cho thấy tỷ lệ mức độ hài lòng và rất hài lòng đạt từ 80% -100%, chỉ có 2 phiếu không hài lòng (chiếm tỷ lệ 20%) liên quan đến vấn đề vệ sinh của ký túc xá.

- Về công tác thực hiện chế độ chính sách xã hội

STT	Nội dung	Không hài lòng		Hài lòng		Rất hài lòng	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Cán bộ Phòng, Khoa, Trung tâm tư vấn, hướng dẫn và giúp đỡ HSSV giải quyết các công việc học tập, chế độ chính sách nhiệt tình và trách nhiệm	0	0,0%	7	70,0%	3	30,0%

2	Nhà trường có chính sách khen thưởng như học bổng, thưởng đột xuất cho những HSSV có thành tích xuất sắc trong học tập	0	0,0%	9	90,0%	1	10,0%
3	HSSV kịp thời nhận được thông báo về chế độ chính sách xã hội thông qua giáo viên chủ nhiệm và phòng CTSV	1	10,0%	8	80,0%	1	10,0%
4	Nhà trường đảm bảo chế độ chính sách xã hội cho người học, công khai giải quyết chế độ chính sách theo đúng quy định	0	0,0%	6	60,0%	4	40,0%

Với tập hợp dữ liệu trên cho thấy công tác thực hiện chế độ chính sách cho người học của trường được phần lớn số lượng HSSV cảm thấy hài lòng. Tỷ lệ HSSV phản hồi chủ yếu ở mức độ hài lòng 60%-90%, tỷ lệ HSSV “rất hài lòng” chiếm 10%-40%.

Năm học 2019-2020.

*** Đối tượng khảo sát:**

Học sinh-sinh viên lớp TC59, 60-TT chuyên ngành Trồng trọt và Bảo vệ thực vật năm học (2019-2020). Số lượng phiếu khảo sát phát ra cho HSSV là 27 phiếu, tổng số HSSV tham gia phản hồi phiếu đạt 27/27 (100%).

*** Phương pháp khảo sát:**

Việc khảo sát ý kiến HSSV lớp TC58-TT được thực hiện bằng hình thức khảo sát trực tuyến thông qua phiếu đánh giá do phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng xây dựng theo văn bản hướng dẫn số 453 và 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Cục Kiểm định chất lượng.

*** Kết quả khảo sát:**

- Về chất lượng, hiệu quả phương thức đào tạo

STT	Nội dung	Trung Bình		Khá		Tốt	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %

1	Hình thức đào tạo theo niên chế phù hợp với mục tiêu của chương trình đào tạo	1	3,7%	6	22,2%	20	74,1%
2	Số lượng các học phần, môn học theo hình thức đào tạo niên chế đảm bảo được khối lượng kiến thức, kỹ năng, thái độ đáp ứng theo nhu cầu của xã hội	2	7,4%	4	14,8%	21	77,8%
3	Nội dung kiến thức (lý thuyết, thực hành) phù hợp với mục tiêu đào tạo và hình thành kỹ năng nghề cho người học	0	0,0%	7	25,9%	20	74,1%

Kết quả khảo sát được tổng hợp ở trên cho thấy hình thức đào tạo theo niên chế được áp dụng cho đào tạo hệ trung cấp là hợp lý. Tỷ lệ mức tốt được tổng hợp qua phiếu khảo sát đạt 74,1%-77,8%, mức “trung bình” chỉ chiếm (3,7%-7,4%). Điều thể hiện sự đồng thuận, hài lòng của người học về phương thức đào tạo trên.

- Về chất lượng giảng dạy của giáo viên

STT	Nội dung	Không hài lòng		Hài Lòng		Rất hài lòng	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Nội dung, phương pháp kiểm tra, đánh giá bám sát với chương trình đào tạo, đảm bảo tính khách quan và theo đặc thù của môn/đơn/môn học	0	0,0%	4	14,8%	23	85,2%
2	Giáo viên (GV) đảm bảo giờ lên lớp và kế hoạch giảng dạy	0	0,0%	8	29,6%	19	70,4%
3	GV có kiến thức chuyên môn tốt, cập nhật liên tục về nội dung giảng dạy, liên hệ giữa lý thuyết và thực tiễn.	1	3,7%	9	33,3%	17	63,0%
4	GV có phương pháp truyền đạt rõ ràng, dễ hiểu, trang thiết bị hỗ trợ	2	7,4%	11	40,7%	14	51,9%

	giảng dạy và học tập đầy đủ, hiện đại						
5	Hoạt động giảng dạy của giáo viên luôn gắn với định hướng nghề nghiệp	0	0,0%	6	22,2%	21	77,8%

Kết quả tổng hợp ý kiến khảo sát về chất lượng giảng dạy giảng dạy cho thấy tỷ lệ mức độ “hài lòng” và “rất hài lòng” đạt từ 80% trở lên. Điều đó khẳng định người học đã hài lòng với chất lượng giảng dạy của các nhà giáo giáo dục nghề nghiệp trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc. Tuy nhiên còn có từ 1-2 phiếu đánh giá mức độ “Chưa hài lòng” đối với nội dung về khả năng truyền đạt của giáo viên, thiết bị hỗ trợ giảng dạy và học tập.

- Về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ HSSV

STT	Nội dung	Không hài lòng		Hài Lòng		Rất hài lòng	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Nhà ăn đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm, thuận tiện và phù hợp với nhu cầu HSSV	0	0,0%	13	48,1%	14	51,9%
2	Ký túc xá đảm bảo vệ sinh, đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt, thuận tiện.	1	3,7%	9	33,3%	17	63,0%
3	Phòng y tế đầy đủ trang thiết bị dụng cụ, thuốc men phục vụ cho HSSV toàn trường.	1	3,7%	16	59,3%	10	37,0%
4	Các cán bộ, nhân viên phòng CTSV có thái độ nhiệt tình, thân thiện và quan tâm với HSSV	0	0,0%	7	25,9%	20	74,1%
5	Hoạt động tư vấn học tập, nghề nghiệp cung cấp đầy đủ thông tin, đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, chọn lựa và học tập của SV	0	0,0%	14	51,9%	13	48,1%

6	Nhà trường có hệ thống khu liên hợp thể thao, sân bóng đá, bóng rổ, sân cầu lông tạo điều kiện cho HSSV vui chơi và rèn luyện thể lực	0	0,0%	2	7,4%	25	92,6%
---	---	---	------	---	------	----	-------

Kết quả tổng hợp ý kiến khảo sát về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ HSSV cho thấy tỷ lệ mức độ hài lòng và rất hài lòng đạt từ 80% -100%, chỉ có 1 phiếu không hài lòng (chiếm tỷ lệ 3,7%) liên quan đến vấn đề vệ sinh của ký túc xá và thiết bị y tế. Điều này được khẳng định qua kết quả phỏng vấn HSSV và cán bộ phòng công tác SV quản lý ký túc xá của Đoàn đánh giá ngoài buổi chiều ngày 24/11/2020.

- Về công tác thực hiện chế độ chính sách xã hội

STT	Nội dung	Không hài lòng		Hài lòng		Rất hài lòng	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Cán bộ Phòng, Khoa, Trung tâm tư vấn, hướng dẫn và giúp đỡ HSSV giải quyết các công việc học tập, chế độ chính sách nhiệt tình và trách nhiệm	0	0,0%	6	22,2%	21	77,8%
2	Nhà trường có chính sách khen thưởng như học bổng, thưởng đột xuất cho những HSSV có thành tích xuất sắc trong học tập	0	0,0%	11	40,7%	16	59,3%
3	HSSV kịp thời nhận được thông báo về chế độ chính sách xã hội thông qua giáo viên chủ nhiệm và phòng CTSV	0	0,0%	9	33,3%	18	66,7%
4	Nhà trường đảm bảo chế độ chính sách xã hội cho người học, công khai giải quyết chế độ chính sách theo đúng quy định	0	0,0%	11	40,7%	16	59,3%

Kết quả khảo sát cho thấy công tác thực hiện chế độ chính sách cho người học của trường được phần lớn số lượng HSSV cảm thấy hài lòng. Tỷ lệ HSSV phản hồi chủ yếu ở mức độ “rất hài lòng” 59,3%-77,8%, tỷ lệ HSSV “hài lòng” chiếm 22,2%-40,7%. Kết quả này đồng thuận với phản hồi của HSSV trong buổi phỏng vấn theo kế hoạch buổi sáng ngày 25/11/2020 (Biên bản phỏng vấn HSSV của trường).

2. Đánh giá tiêu chuẩn 7.4:

Cơ sở GDNN tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
<i>2 (hai) điểm</i>	<i>2 (hai) điểm</i>

Tiêu chuẩn 7.5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.

Căn cứ vào mô tả của Báo cáo tự đánh giá và kiểm tra văn bản, minh chứng của tiêu chuẩn cho thấy Trường đã tiến hành tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 06 năm 2017 của Bộ lao động - thương binh và Xã hội về việc quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp sau khi Trường chuyển sang Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (năm 2017). Nhà trường định hướng sẽ tự đánh giá 5 nghề trường điểm, trong đó nghề TT&BVTV trình độ trung cấp ưu tiên đánh giá trước tiên. Do đó Nhà trường đã thành lập Hội đồng TĐG đã lập kế hoạch TĐG CTĐT TT&BVTV trình độ trung cấp, bầu Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách. Hội đồng TĐG đã tiến hành các bước xây dựng kế hoạch TĐG *nghề TT&BVTV trình độ trung cấp (7.5.01 - Quyết định số 221/QĐ-CĐNLĐB-KTKĐCL ngày 12 tháng 02 năm 2018 về việc thành lập Hội đồng Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề TT&BVTV trình độ trung cấp); 7.5.02 - Kế hoạch tự đánh giá CTĐT nghề TT&BVTV trình độ trung cấp, năm học 2018 – 2019 và 2019 – 2020, số 271/QĐ - CĐNLĐB-HĐTĐG ngày 09 tháng 3 năm 2018)*

Phòng Kiểm định và HTQT của Trường trong 2 năm gần đây đảm nhiệm công tác tổ chức thực hiện Tự đánh giá CTĐT TT&BVTV trình độ trung cấp trong các năm học 2018 – 2019 và 2019 – 2020; hướng dẫn các đơn vị trong trường triển khai việc tự đánh giá. Căn cứ kế hoạch TĐG, các nhóm tiến hành công tác tự đánh giá theo tiêu chí được

phân công theo qui trình TĐG như sau: thu thập các minh chứng, phân tích minh chứng, các nhóm viết báo cáo tự đánh theo phân công, họp nhóm phân tích đánh giá những điểm mạnh, những điểm tồn tại về chất lượng các hoạt động của trường và đề xuất kế hoạch khắc phục tồn tại để nâng cao chất lượng. Kết thúc thời gian quy định, nhóm gửi báo cáo chi tiết tiêu chí kèm theo các minh chứng cho thư ký hội đồng TĐG tổng hợp. Thư ký hội đồng TĐG xem xét và yêu cầu các nhóm chỉnh sửa, bổ sung thêm các nội dung, các minh chứng sát với nội hàm của từng tiêu chuẩn, tiêu chí. Thư ký hội đồng tiếp tục tổng hợp và viết báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề TT&BVTV trình độ trung cấp của Trường năm 2019 và 2020. Báo cáo TĐG được trình Hội đồng phê duyệt trước khi công bố cho các đơn vị trong trường lấy ý kiến đóng góp. Những đóng góp của các đơn vị trưng trường được xem xét và bổ sung, điều chỉnh trong Báo cáo TĐG lần cuối (7.5.04 - Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo Trồng trọt và bảo vệ thực vật trình độ trung cấp các năm năm học 2018 – 2019 và 2019 – 2020) trước khi nộp cho cơ quan cấp trên (Sở LĐTĐ&XH tỉnh Quảng Ninh và Tổng cục GDNN).

Đoàn đánh giá Nhà trường đạt chất lượng tiêu chuẩn này.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 7.5:

Cơ sở GDNN tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (hai) điểm	2 (hai) điểm

Tiêu chuẩn 7.6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có)

Kết quả kiểm tra các báo cáo tự đánh giá 2 năm gần đây (BS 7.6.01 – Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng CTĐT trung cấp nghề TT&BVTV năm 2019; 7.5.03 – Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng CTĐT trung cấp nghề TT&BVTV năm 2020), kết hợp các báo cáo tổng kết hàng năm của Trường (1.2.03 – Báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết hội nghị cán bộ, viên chức cơ quan năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019 ngày 08/03/2019; Báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết hội nghị cán bộ, viên chức cơ quan

năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ năm 2020 ngày 08/02/2020), cho thấy Nhà trường có kế hoạch cụ thể nhằm cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo hàng năm.

Cụ thể: Trong báo cáo Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng CTĐT trung cấp nghề TT&BVTV năm 2019 nêu ra các tồn tại:

- Hoạt động điều chỉnh, bổ sung CTĐT có thực hiện nhưng việc lưu giữ văn bản minh chứng chưa khoa học;
- Tương tác giữa nhà trường và nhà tuyển dụng còn hạn chế;
- Còn một số nhà giáo giảng dạy chuyên môn của nghề chưa đáp ứng qui định về kỹ năng nghề theo qui định;
- Trước năm 2018 công tác lựa chọn giáo trình chưa chú trọng đến cập nhật kiến thức mới.
- Một số phòng thực hành thí nghiệm cơ sở vật, máy móc chưa đồng bộ.

Trong Báo cáo kết quả tự đánh giá CTĐT TT&BVTV trình độ trung cấp hàng năm đã đề xuất các giải pháp nhằm khắc phục các tồn tại đã nêu. Kết quả khắc phục đã được thể hiện trong các báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết hội nghị cán bộ, viên chức cơ quan năm 2019, 2020. Các kết quả khắc phục nhằm nâng cao CTĐT được thể hiện rõ trong biên bản phỏng vấn CBQL và giáo viên của Đoàn vào 15h45 – 16h45 ngày 26/11/2020. Đó là:

- Hồ sơ lưu trữ các thông tin về các hoạt động của Trường đã được hệ thống theo yêu cầu của công tác tự đánh giá chất lượng CTĐT của nhà trường
- Trường đã triển khai khảo sát ý kiến của doanh nghiệp để nâng cao chất lượng đào tạo (*7.1.02 - Phiếu khảo sát nhu cầu tuyển dụng và sự hài lòng của doanh nghiệp đối với HSSV trường cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc năm học 2018 - 2019 và 2019 - 2020; 7.1.03 - Báo cáo kết quả khảo sát nhu cầu và sự hài lòng của doanh nghiệp đối với sinh viên trường cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc năm học 2018 - 2019 và 2019 - 2020*).
- Trường đã phối hợp với nhiều doanh nghiệp đơn vị sử dụng lao động tham gia góp ý kiến (xây dựng để nâng cao chất lượng đào tạo thông qua cung cấp kỹ năng mà HSSV cần được bổ sung để phù hợp với yêu cầu của cơ sở sản xuất);
- Từ 2017 đến cuối năm 2018 căn cứ vào điều kiện thực tế và hướng dẫn của tổng cục dạy nghề Nhà trường đã có kế hoạch điều chỉnh lại chương trình đào tạo nghề trồng trọt và

bảo vệ thực vật trình độ trung cấp. Cuối năm 2018 Nhà trường đã xây dựng kế hoạch rà soát chỉnh sửa và điều chỉnh lại chương trình đào tạo và lựa chọn giáo trình cho phù hợp với điều kiện thực tế.

- Từ năm 2019 trở đi Trường đã xây dựng quy trình, nội dung để biên soạn và lựa chọn giáo trình, và trên cơ sở đi học tập kinh nghiệm thực tế của giáo viên tại cơ sở sản xuất của doanh nghiệp để cập nhật tiến bộ kỹ thuật công nghệ mới để điều chỉnh chương trình khung và đề cương chi tiết cho phù hợp với yêu cầu của doanh nghiệp.

- Giáo trình được cập nhật các trang thiết bị hiện đại, cụ thể hóa yêu cầu về nội dung, kiến thức và kỹ năng của từng môn học/mô đun. Giáo trình thể hiện các nội dung phù hợp với PPDH tích cực (BS 4.10.07 - Biên bản họp HĐ thẩm định giáo trình, kèm theo phiếu đánh giá, năm 2019).

- Trường chú trọng đầu tư CSVC với trang thiết bị hiện đại, ứng dụng công nghệ trong sản xuất nông nghiệp như hệ thống giàn che (hệ thống tưới phun mưa tầm cao, hệ thống tưới nhỏ giọt cảm tiêu để trồng rau trên giá thể hữu cơ và tạo cây giống rau hoa. Trang bị kính hiển vi quang học, dụng cụ phục vụ chuẩn đoán bệnh cây.

Đoàn đánh giá: Nhà trường đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 7.6:

Cơ sở GDNN tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (hai) điểm	2 (hai) điểm

Tiêu chuẩn 7.7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua nghiên cứu, phân tích hồ sơ, minh chứng của Trường cho thấy Nhà trường đã thực hiện khảo sát điều tra tình hình việc làm của người học, trong đó có tiêu chí về việc “người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo”. Trong 2 năm gần đây, Trường đã khảo sát tìm vết 100% HSSV tốt nghiệp để xác định tỷ lệ HSSV có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo trong vòng 6 tháng, trong vòng 6 – 12 tháng. Mẫu khảo sát căn

cứ vào số lượng HSSV tốt nghiệp (7.2.01 - KH số 396/KH-CDNLDB-TTTSTVVL về việc khảo sát tình hình việc làm, chất lượng và sự phù hợp của CTĐT với vị trí việc làm của cựu HSSV Nhà trường tốt nghiệp năm 2018 – 2019; Phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát năm 2018 – 2019; 7.7.01 - Quyết định số 105/QĐ-CDNDB-ĐT ngày 01 tháng 3 năm 2019 về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy khóa 56, niên khóa 2016-2019; BS 7.7.01 - Quyết định số 664/QĐ-CDNLDB-ĐT ngày 14/10/2020 về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp CĐ khóa 10 niên khóa 2017-2020).

Năm 2018 – 2019:

Số lượng phiếu phát ra: 60 CD, 275 TC, trong đó nghề TT&BVTV trình độ trung cấp là 30 phiếu. Số phiếu thu về của tất cả là 168 phiếu (50,15%).

Kết quả khảo sát cho thấy: trong vòng 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp, Trường chỉ đạt 56,5% người học có việc làm phù hợp với ngành/ngành đào tạo, chưa đạt được 80%, Tuy nhiên trong vòng (6-12 tháng) số người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo đạt 80,3%.

Năm học 2019 - 2020: Trường thực hiện khảo sát theo kế hoạch đề ra (7.2.03 - Kế hoạch số 517/KH-CDNLDB-TTTSTVVL về việc về việc khảo sát tình hình việc làm, chất lượng và sự phù hợp của CTĐT với vị trí việc làm của cựu HSSV Nhà trường tốt nghiệp năm 2019 – 2020; Phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát năm 2019 – 2020).

Tỷ lệ người tốt nghiệp trong vòng 6 tháng có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo chỉ đạt 35,29%. Tuy nhiên trong vòng 6 – 12 tháng tỷ lệ đó đạt 95,78%.

Đoàn kết luận: Trong vòng 6 tháng trở lại, kể từ khi tốt nghiệp, Trường chưa đạt tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo theo kết quả khảo sát trên đây. Nhà trường không đạt tiêu chuẩn này.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 7.7:

Cơ sở GDNN tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
2 (hai) Điểm	0 (không) điểm

Tiêu chuẩn 7.8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Kiểm tra các phiếu khảo sát, nội dung, kết quả khảo sát của Trường trong 2 năm 2018 - 2019 và 2019 - 2020 cho thấy: Số đơn vị sử dụng lao động được khảo sát ý kiến trong 2 năm gần đây có danh sách kèm theo (*BS 7.1.01 – Danh sách các đơn vị sử dụng lao động được khảo sát các năm 2018 - 2019; 2019 - 2020 về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ*). Cụ thể:

Năm học 2018 - 2019: khảo sát 19 doanh nghiệp được khảo sát

Năm học 2019 - 2020: khảo sát 12 doanh nghiệp được khảo sát

Kết quả khảo sát:

Năm học 2018 – 2019:

** Mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động:*

- Khả năng đảm nhiệm công việc của HSSV tốt nghiệp đang làm việc tại doanh nghiệp:

Số liệu khảo sát tại 19 doanh nghiệp: Cựu HSSV Nhà trường tốt nghiệp đang làm việc trong và ngoài tỉnh Quảng Ninh cho thấy có 63,2% doanh nghiệp đánh giá đã “đáp ứng” được phần lớn các công việc được giao, 36,8% doanh nghiệp đánh giá cựu HSSV nhà trường “cơ bản đáp ứng” nhu cầu của công việc.

- Đánh giá về kỹ năng và thái độ làm việc của cựu HSSV đang làm việc tại doanh nghiệp:

Kết quả khảo sát 11 tiêu chí kỹ năng nghề nghiệp tại 19 doanh nghiệp đều ở mức độ “khá” (nằm trong khoảng từ 57,9% đến 84,2%). Riêng khả năng thích nghi hội nhập và phát triển và khả năng tự học, tự rèn được các doanh nghiệp đánh giá rất cao chiếm 100%.

- Đánh giá thái độ làm việc của cựu HSSV nhà trường khi làm việc tại doanh nghiệp được các doanh nghiệp đánh giá “tốt” như: ý thức tổ chức kỷ luật, tính trung thực

trong công việc, biết lắng nghe, tiếp thu, khắc phục nhược điểm cá nhân (tỷ lệ đánh giá đạt 100%). Thái độ về tiêu chí đóng góp ý kiến, xây dựng, phát triển đơn vị được 100% các doanh nghiệp đánh giá ở mức “khá”.

- Kết quả khảo sát còn cho thấy 94,7% doanh nghiệp “hài lòng” đối với cựu HSSV tốt nghiệp của Trường đang làm việc tại doanh nghiệp và chỉ có 5,3% số lượng doanh nghiệp “không hài lòng” với chất lượng của đội ngũ HSSV tốt nghiệp nhà trường.

- Kết quả khảo sát cho thấy 100% các doanh nghiệp trên địa bàn trong và ngoài tỉnh Quảng Ninh đều đánh giá cựu HSSV nhà trường “đáp ứng tốt” về mặt kiến thức chuyên ngành. Khả năng ứng dụng kiến thức chuyên ngành đó vào thực tiễn công việc được 78,9% doanh nghiệp đánh giá chỉ ở mức khá. Chỉ có 31,6% doanh nghiệp đánh giá ở mức trung bình về các kiến thức liên quan khác.

Năm học 2019 – 2020: Trường khảo sát 12 doanh nghiệp

** Mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động:*

- Khả năng đảm nhiệm công việc của HSSV tốt nghiệp đang làm việc tại doanh nghiệp:

Số liệu khảo sát tại 12 doanh nghiệp: Cựu HSSV Nhà trường tốt nghiệp đang làm việc trong và ngoài tỉnh Quảng Ninh cho thấy có 66,7% doanh nghiệp đánh giá đã “đáp ứng” được phần lớn các công việc được giao, 25 % doanh nghiệp đánh giá cựu HSSV nhà trường “cơ bản đáp ứng” nhu cầu của công việc và rất ít doanh nghiệp cho rằng cựu HSSV nhà trường cần phải được đào tạo bổ sung để có thể đảm nhiệm được công việc phù hợp với vị trí việc làm tại doanh nghiệp (8,3%).

- Đánh giá về kỹ năng và thái độ làm việc của cựu HSSV đang làm việc tại doanh nghiệp:

Kết quả khảo sát 11 tiêu chí kỹ năng nghề nghiệp tại 12 doanh nghiệp đều ở mức độ “khá” (nằm trong khoảng từ 58,3% đến 83,3%. Nhóm các kỹ năng như; kỹ năng thực hiện công việc được giao, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phân tích đánh giá và giải quyết vấn đề được (8,3%-33,3%) các doanh nghiệp đánh giá ở mức độ tốt.

- Thái độ làm việc của cựu HSSV nhà trường tại các doanh nghiệp được đánh giá “tốt” như: ý thức tổ chức kỷ luật, tính trung thực trong công việc, biết lắng nghe, tiếp thu,

khắc phục nhược điểm cá nhân (tỷ lệ đánh giá đạt 100%). Thái độ về tiêu chí đóng góp ý kiến, xây dựng, phát triển đơn vị được 100% các doanh nghiệp đánh giá ở mức “khá”.

- 91,7% doanh nghiệp “hài lòng” đối với cựu HSSV tốt nghiệp của Trường đang làm việc tại doanh nghiệp và chỉ có 8,3% số lượng doanh nghiệp “không hài lòng” với chất lượng của đội ngũ HSSV tốt nghiệp nhà trường.

Đoàn kết luận: Nhà trường thực hiện công tác khảo sát nghiêm túc, Kết quả khảo sát được phân tích một cách hệ thống, có khoa học. Do đó Đoàn ĐGN kết luận: Trường đạt tiêu chuẩn chất lượng tiêu chuẩn này.

2. Đánh giá tiêu chuẩn 7.8:

Cơ sở GDNN tự đánh giá	Đoàn đánh giá ngoài đánh giá
<i>2 (hai) điểm</i>	<i>2 (hai) điểm</i>

PHẦN III. TỔNG KẾT NHỮNG ĐIỂM MẠNH, ĐIỂM CẦN CẢI THIỆN VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Điểm mạnh của chương trình đào tạo được đánh giá ngoài

- Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của trường và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.
- Nhà trường thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch.
- Khoa có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định
- 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.
- Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.
- Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.
- Tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.
- Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp. Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.
- 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.
- 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.
- Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao
- Chương trình đào tạo TT&BVTT trình độ trung cấp của Trường được xây dựng, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định. Thể hiện được kiến thức, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp, có sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học
- Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ

giảng viên, thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học;

- Có đủ giáo trình của nghề TT&BVTV cho các mô-đun, môn học, tất cả giáo trình được biên soạn/lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định;

- Giáo trình của nghề TT&BVTV trình độ trung cấp đã cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học; nội dung giáo trình phù hợp;

- Trường có đủ phòng học, phòng chuyên môn hóa, nhà thực hành được trang bị hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo của nghề TT&BVTV trình độ trung cấp;

- Trường có đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật hiện tại của trường;

- Nguyên, nhiên, vật liệu, thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo nghề TT&BVTV trình độ trung cấp được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; quản lý, cấp phát, sử dụng theo đúng quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo;

- Thư viện của trường có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học nghề TT&BVTV trình độ trung cấp;

- Thư viện của trường được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu;

- Trường cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; các chế độ, chính sách cho người học, thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm cho người học;

- Người học nghề TT&BVTV được nhà trường cho hưởng các chế độ, chính sách đúng theo quy định của cơ quan chủ quản;

- Trường thực hiện tốt việc khảo sát, điều tra thu thập thông tin đối với cán bộ quản lý, doanh nghiệp, người học tốt nghiệp, sinh viên và nhà giáo về chất lượng đào tạo nghề TT&BVTV trình độ trung cấp để điều chỉnh hoạt động đào tạo;

- Trường thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo TT&BVTV trình độ trung cấp theo quy định trong 2 năm gần đây.

2. Điểm cần cải thiện của chương trình đào tạo được đánh giá ngoài

- Nhà trường chưa có phần mềm quản lý đào tạo;
- Trường còn có các nhà giáo giảng dạy CTĐT TT&BVTV trình độ trung cấp chưa đạt chuẩn về kỹ năng nghề;
- Nhà trường chưa triển khai xây dựng chương trình đào tạo liên thông từ trung cấp TT&BVTT lên cao đẳng TT&BVTT;
- Chương trình, giáo trình chưa được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử để phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo;

3. Đề xuất, kiến nghị:

- Trường cần xây dựng phần mềm quản lý đào tạo phục vụ hoạt động dạy và học
- Trường cần tạo điều kiện để giáo viên đạt kỹ năng nghề sớm.
- Trường cần triển khai xây dựng chương trình đào tạo liên thông từ trung cấp TT&BVTT lên cao đẳng TT&BVTT.
- Trường cần số hóa Chương trình, giáo trình và tích hợp với thư viện điện tử để phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo của nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật

PHỤ LỤC

Phụ lục 1

KẾT QUẢ KIỂM TRA MINH CHỨNG SỬ DỤNG TRONG BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CTĐT VÀ MINH CHỨNG BỔ SUNG

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã Minh chứng	Minh chứng dùng chung	Tên Minh chứng	Đánh giá của Đoàn đánh giá ngoài		Ghi chú (lý do đánh giá không hợp lệ)
						Hợp lệ	Không hợp lệ	
1.	1	1	1.1.0 1		Quyết định số 231/QĐ-CĐNLĐB-ĐT ngày 22 tháng 4 năm 2019 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, cao đẳng của trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc	✓		
2.			1.1.0 2		Quyết định số 654/QĐ-CĐNLĐB-TCHC ngày 15 tháng 12 năm 2017 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc	✓		
3.			1.1.0		Quyết định số 2704/QĐ-UBND ngày	✓		

			3		17/11/2014 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030			
4.			1.1.0 4		Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp ngành nghề đào tạo: Trồng trọt và bảo vệ thực vật (Ban hành kèm theo quyết định số 231/QĐ-CĐNLĐB-ĐT ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc	✓		
5.			1.1.0 5		Thông báo số 568/TB-CĐNLĐB-ĐT ngày 24 tháng 8 năm 2020 về việc tổ chức Tuần sinh hoạt công dân-HSSV đầu khóa năm học 2020-2021	✓		
6.	1	2	1.2.0 1		Quyết định số 653/QĐ-CĐNLĐB-TCHC ngày 15 tháng 12 năm 2017 về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc	✓		
7.			1.2.0 2		Báo cáo tổng kết năm học 2019-2020 của Khoa Nông học	✓		

8.			1.2.0 3	Báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết Hội nghị cán bộ, viên chức cơ quan năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ năm 2020	✓		
9.			1.2.0 4	Các giấy khen của khoa Nông học	✓		
10.	1	3	1.3.0 1	Báo cáo số 69/BC-CĐNLĐB ngày 04 tháng 5 năm 2019 về việc công tác hoạt động giáo dục nghề nghiệp của trường cao đẳng nông lâm đông bắc	✓		
11.			2.1.0 1	Quyết định số 10/QĐ-CĐLĐB-TSTVVL ngày 10 tháng 01 năm 2020 về việc ban hành Quy chế tuyển sinh hệ trung cấp và cao đẳng	✓		
12.	2	1	2.1.0 2	Thông báo số 3223/TB-BNN-TCCB ngày 14 tháng 5 năm 2020 về nhiệm vụ chỉ tiêu tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp năm 2020 của trường Cao đẳng Nông lâm Đông Bắc	✓		
13.			2.1.0 3	Quyết định số 08/QĐ-CĐNLĐB-TSTVVL ngày 09 tháng 01 năm 2020 về	✓		

				việc thành lập Hội đồng tuyển sinh Trung cấp, Cao đẳng năm 2020			
14.		2.1.0 4		Thông báo tuyển sinh Cao đẳng, Trung cấp năm học 2020-2021	✓		
15.		2.1.0 5		Kế hoạch số 11/KH-CĐNLĐB-TSTVVL ngày 10 tháng 01 năm 2020 về việc tuyển sinh trung cấp và cao đẳng năm 2020	✓		
16.		2.1.0 6		Quyết định số 575/QĐ-CĐNLĐB-ĐT ngày 29 tháng 8 năm 2019 về việc công nhận danh sách trúng tuyển hệ Trung cấp khoa 59, niên khóa 2019-2022	✓		
17.		2.1.0 7		Báo cáo công tác tuyển sinh năm 2020	✓		
18.		2.1.0 8		Thông báo số 336/TB-CĐNĐB-CTSV về việc hướng dẫn làm hồ sơ nhập học hệ Trung cấp và cao đẳng tại trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc năm 2020	✓		
19.		2.1.0 9	1.3.01	Báo cáo số 69/BC-CĐNLĐB ngày 04 tháng 5 năm 2019 về việc công tác hoạt động giáo dục nghề nghiệp của trường	✓		

					cao đẳng nông lâm đông bắc			
20.	2	2	2.2.0 1		Tiến độ đào tạo của khóa học theo năm học 2019-2020	✓		
21.			2.2.0 2		Kế hoạch đào tạo lớp Trung cấp Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Khóa học 2018-2021)	✓		
22.			2.2.0 3		Kế hoạch giáo viên năm học 2019-2020 của khoa Nông học	✓		
23.			2.2.0 4		Thời khóa biểu năm học 2019-2020	✓		
24.			2.2.0 5		Giáo án giảng dạy, sổ tay, sổ lên lớp của giáo viên	✓		
25.			2.2.0 6	1.3.01	Báo cáo số 69/BC-CDNDB ngày 04 tháng 5 năm 2019 về công tác hoạt động giáo dục nghề nghiệp của trường Cao đẳng Nông Lâm Đông bắc	✓		
26.			2.2.0 7		Kế hoạch thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động đào tạo kỳ I,II năm học 2019-2020	✓		
27.			2.2.0		Báo cáo về hoạt động thanh tra, kiểm tra,	✓		

			8		giám sát các hoạt động đào tạo kỳ I,II năm học 2019-2020			
28.			2.2.0 9		Báo cáo số 663/BC-CĐNLĐB-ĐT ngày 08 tháng 10 năm 2019 về kết quả công tác đào tạo nghề nghiệp	✓		
29.			2.3.0 1	2.2.01	Tiến độ đào tạo của khóa học theo năm học 2019-2020	✓		
30.	2	3	2.3.0 2	2.2.02	Kế hoạch đào tạo lớp Trung cấp Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Khóa học 2018-2021	✓		
31.			2.3.0 3	2.2.03	Kế hoạch giáo viên năm học 2019-2020 của khoa Nông học	✓		
32.			2.3.0 4	2.2.04	Thời khóa biểu năm học 2019-2020	✓		
33.			2.3.0 5	2.2.05	Giáo án giảng dạy, sổ tay, sổ lên lớp của giáo viên	✓		
34.			2.3.0 6	1.3.01	Báo cáo số 69/BC-CĐNĐB ngày 04 tháng 5 năm 2019 về công tác hoạt động giáo dục nghề nghiệp của trường Cao đẳng Nông Lâm Đông bắc	✓		

35.			2.3.0 7	2.2.07	Kế hoạch thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động đào tạo kỳ I, II năm học 2019-2020	✓		
36.			2.3.0 8	2.2.08	Báo cáo về hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động đào tạo kỳ I,II năm học 2019-2020	✓		
37.			2.3.0 9		Hóa đơn phí duy trì tên miền afcdongbac.edu.vn	✓		
38.			2.3.1 0		www.afcdongbac.edu.vn	✓		
39.	2	4	2.4.0 1		Biên bản ghi nhớ số 128/BBGN-CDNLĐB ngày 23 tháng 3 năm 2017 về việc hợp tác tuyển sinh, đào tạo và tuyển dụng HSSV các ngành Chăn nuôi, thú y và Lâm nghiệp giữa trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc và Công ty CP khai thác khoáng sản Thiên Thuận Trường-Q.Ninh	✓		
40.			2.4.0 2	2.1.01	Tiến độ đào tạo của khóa học theo năm học 2019-2020	✓		

41.			2.4.0 3	2.2.02	Kế hoạch đào tạo lớp Trung cấp Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Khóa học 2018-2021)	✓		
42.			2.4.0 4	2.2.03	Kế hoạch giáo viên năm học 2019-2020 của khoa Nông học	✓		
43.			2.4.0 5	2.2.04	Thời khóa biểu năm học 2019-2020	✓		
44.			2.4.0 6		Đề cương thực tập tốt nghiệp chuyên ngành TT & BVTV hệ Trung cấp	✓		
45.			2.4.0 7		Quyết định số 64 /QĐ-CDNĐB-ĐT ngày 30 tháng 1 năm 2020 về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy khóa 57, niên khóa 2017-2020	✓		
46.			2.4.0 8		Báo cáo kết quả kiểm tra, báo cáo thực tập tốt nghiệp, thực tập nghề nghiệp của trung cấp khóa 57	✓		
47.	2	5	2.5.0 1		Quyết định số 509/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 09 tháng 8 năm 2019 ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp	✓		

				theo niên chế của trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc			
48.		2.5.0 2		Quyết định số 670/QĐ-CĐNLĐB-ĐT ngày 28 tháng 9 năm 2018 về việc ban hành Quy chế quy định về sử dụng phôi bằng tốt nghiệp Trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng của trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc	✓		
49.		2.5.0 3		Quyết định số 137 ngày 03 tháng 4 năm 2018 về việc Ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên hệ chính quy	✓		
50.		2.5.0 4	1.3.01	Báo cáo số 69/BC-CĐNLĐB ngày 04 tháng 5 năm 2019 về việc công tác hoạt động giáo dục nghề nghiệp của trường cao đẳng nông lâm đông bắc	✓		
51.		2.5.0 5		Biên bản họp hội đồng xét tốt nghiệp cho Học sinh các lớp trung cấp khóa 57, niên khóa 2017-2020	✓		
52.		2.5.0		Quyết định số 64 /QĐ-CĐNLĐB-ĐT ngày	✓		

			6		30 tháng 1 năm 2020 về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy khóa 57, niên khóa 2017-2020			
53.			2.5.0 7		Bảng điểm toàn khóa (2017-2020) của học sinh ngành trung cấp TT&BVTV	✓		
54.			2.5.0 8	2.2.09	Báo cáo số 663/BC-CĐNLĐB-ĐT ngày 08 tháng 10 năm 2019 về kết quả công tác đào tạo nghề nghiệp	✓		
55.			2.6.0 1	2.2.07	Kế hoạch số 660-CĐNLĐB-KTKĐCL ngày 05 tháng 2 năm 2020 về thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động đào tạo kỳ II năm học 2019-2020	✓		
56.	2	6	2.6.0 2	2.2.07	Kế hoạch số 67-CĐNLĐB-KĐKHHTQT ngày 2 tháng 10 năm 2019 về thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động đào tạo kỳ II năm học 2019-2020	✓		
57.			2.6.0 3		Kế hoạch số 74/KH-CĐNLĐB-KĐKHHTQT ngày 11 tháng 2 năm 2020 về việc Dự giờ đánh giá chất lượng giáo	✓		

				viên năm học 2019-2020			
58.			2.6.0 4	Kế hoạch số 559/KH-CĐNLĐB-KĐ-KH&HTQT ngày 20 tháng 8 năm 2020 về việc Khảo sát ý kiến phản hồi của học sinh, sinh viên về chương trình đào tạo và hoạt động giảng dạy của giáo viên	✓		
59.			2.6.0 5	2.2.08 Báo cáo về hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động đào tạo kỳ I,II năm học 2019-2020	✓		
60.			2.6.0 6	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của học sinh, sinh viên về chương trình đào tạo và hoạt động giảng dạy của giáo viên	✓		
61.			2.7.0 1	Giấy chứng nhận số 18/2020/GCNĐKHĐ-TCDN ngày 04/02/2020 về việc đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp	✓		
62.	2	7	2.7.0 2	Giấy chứng nhận số 18b/2020/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 29 tháng 6 năm 2020 về việc đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp	✓		

63.	3	1	3.1.0 1		Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên của Nhà trường đến năm 2020	✓		
64.			3.1.0 2		Hồ sơ quản lý nhà giáo	✓		
65.			3.1.0 3	1.2.02	Báo cáo tổng kết của Khoa Nông học năm học 2019-2020	✓		
66.			3.1.0 4		Báo cáo số 125/CĐNLĐB-KĐKHHTQT ngày 28 tháng 7 năm 2020 về kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo giáo dục nghề nghiệp về chuyên môn, nghiệp vụ năm học 2019-2020	✓		
67.	3	2	3.2.0 1		Danh sách đội ngũ nhà giáo giảng dạy từng ngành nghề trường cao đẳng Nông Lâm Đông bắc	✓		
68.			3.2.0 2		Hồ sơ quản lý nhà giáo	✓		
69.			3.2.0 3	3.1.04	Báo cáo số 125/CĐNLĐB-KĐKHHTQT ngày 28 tháng 7 về kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo giáo dục nghề nghiệp về chuyên môn, ng.vụ năm học 2019-2020	✓		

70.			3.2.0 4		Bản tự kiểm điểm, đánh giá cuối năm của giáo viên khoa Nông học	✓		
71.			3.2.0 5	1.2.03	Báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết Hội nghị cán bộ, viên chức cơ quan năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ năm 2020	✓		
72.	3	3	3.3.0 1	3.1.01	Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên của Nhà trường đến năm 2020	✓		
73.			3.3.0 2	2.2.04	Thời khóa biểu năm học 2019-2020	✓		
74.			3.3.0 3		Kế hoạch đào tạo lớp Trung cấp Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Khóa học 2018-2021)	✓		
75.			3.3.0 4		Kế hoạch giáo viên năm học 2019-2020 của khoa Nông học	✓		
76.			3.3.0 5		Danh sách các lớp Trung cấp Trồng trọt và BVTV năm học 2019-2020	✓		
77.			3.3.0 6		Quyết định số 127/QĐ-CĐNLĐB-TCHC ngày 16 tháng 3 năm 2020 về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, cán bộ quản lý	✓		

					tham gia giảng dạy			
78.			3.3.0 7		Bảng thống kê giờ giảng của các giáo viên khoa Nông học năm 2019-2020	✓		
79.			3.3.0 8		Bảng thanh toán tiền vượt giờ của giáo viên khoa Nông học năm học 2019-2020	✓		
80.			3.3.0 9		Báo cáo số 125/CĐNLĐB-KĐKHHTQT ngày 28 tháng 7 về kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo giáo dục nghề nghiệp về chuyên môn, nghiệp vụ năm học 2019-2020	✓		
81.	3	4	3.4.0 1	3.2.01	Danh sách đội ngũ nhà giáo giảng dạy từng ngành nghề trường cao đẳng Nông Lâm Đông bắc	✓		
82.			3.4.0 2		Quyết định số 207/QĐ-CĐNLĐB-KTKĐCL ngày 11 tháng 4 năm 2019 về việc phân công giáo viên tự làm thiết bị đào tạo tham gia hội thi thiết bị đào tạo tự làm tỉnh Quảng Ninh năm 2019	✓		
83.			3.4.0 3		Quyết định số 369/QĐ-CĐNLĐB-KTKĐCL ngày 24 tháng 6 năm 2019 về	✓		

				việc cử giáo viên cùng thiết bị tự làm tham gia hội thi thiết bị đào tạo tự làm toàn quốc năm 2019			
84.		3.4.0 4		Báo cáo số 334/BC-KTKĐCL ngày 5 tháng 06 năm 2019 về kết quả tham dự hội thi thiết bị đào tạo tự làm tỉnh Quảng Ninh năm 2019	✓		
85.		3.4.0 5		Quyết định số 764/QĐ-LDTBXH ngày 30 tháng 5 năm 2019 về việc tặng giấy khen, Cờ cho các tập thể, nhóm tác giả và cá nhân đạt giải tại Hội thi thiết bị đào tạo tự làm tỉnh Quảng Ninh năm 2019	✓		
86.		3.4.0 6		Quyết định số 355/QĐ-CĐNLĐB-TCHC ngày 13 tháng 6 năm 2019 về việc thành lập ban chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ: Ứng dụng khoa học Kỹ thuật xây dựng mô hình trồng thử nghiệm một số giống dưa chất lượng cao (Dưa vằn lưới, dưa kim) theo quy trình sản xuất an toàn trong nhà lưới tại Quảng Yên năm 2019	✓		

87.			3.4.0 7		Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở năm 2019	✓		
88.			3.4.0 8		Một số hình ảnh giáo viên tham gia các hội thi thiết bị tự làm; nghiên cứu khoa học	✓		
89.	3	5	3.5.0 1		Kế hoạch về việc đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ viên chức năm 2020	✓		
90.			3.5.0 2		Các quyết định cử giảng viên đi học tập, bồi dưỡng	✓		
91.			3.5.0 3		Báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên của Trường năm 2020	✓		
92.			3.5.0 4		Quyết định số 130/QĐ-CĐNLĐB-TCKT ngày 16 tháng 3 năm 2020 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ	✓		
93.			3.5.0 3		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên và nhân viên về các hoạt động phục vụ đào tạo năm học 2019-2020	✓		

94.	3	6	3.6.0 1	3.2.01	Danh sách đội ngũ nhà giáo giảng dạy từng ngành nghề trường cao đẳng Nông Lâm Đông bắc	✓		
95.			3.6.0 2		Kế hoạch đi thực tế và học tập kinh nghiệm của Khoa Nông học	✓		
96.			3.6.0 3		Quyết định cử giáo viên đi thực tế và học tập kinh nghiệm của Khoa Nông học trong lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	✓		
97.			3.6.0 4		Báo cáo kết quả đi thực tế và học tập kinh nghiệm của Khoa Nông học tại Công ty Cổ phần đầu tư Song hành Quảng Ninh.	✓		
98.	3	7	3.7.01		Danh sách trích ngang đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp thực hiện chương trình đào tạo ngành TT&BVTV	✓		
99.			3.7.02		Hồ sơ của cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp thực hiện chương trình đào tạo ngành TT&BVTV	✓		
100.	3	8	3.8.01	3.7.01	Danh sách trích ngang đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp thực hiện	✓		

					chương trình đào tạo ngành TT&BVTV			
101.			3.8.02	3.1.04	Báo cáo số 125/CĐNLĐB-KĐKHHTQT ngày 28 tháng 7 về kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo giáo dục nghề nghiệp về chuyên môn, nghiệp vụ năm học 2019-2020	✓		
102.			3.8.03	12.03	Báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết Hội nghị cán bộ, viên chức cơ quan năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ năm 2020	✓		
103.			4.1.01		Quyết định số 115/QĐ-CĐNLĐB-ĐT ngày 15 tháng 3 năm 2018 về việc thành lập Hội đồng xây dựng mới và thẩm định chương trình đào tạo Cao đẳng, trung cấp năm 2018	✓		
104.	4	1	4.1.02		Quyết định thành lập Tổ biên soạn chương trình đào tạo trình độ Trung cấp ngành nghề đào tạo: Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	✓		
105.			4.1.03		Các biên bản trong quá trình biên soạn, thẩm định chương trình đào tạo	✓		

106.			4.1.04	1.1.04	Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp ngành nghề đào tạo: Trồng trọt và bảo vệ thực vật (Ban hành kèm theo quyết định số 231/QĐ-CĐNLĐB-ĐT ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc	✓		
107.			4.2.01	4.1.01	Quyết định số 115/QĐ-CĐNLĐB-ĐT ngày 15 tháng 3 năm 2018 về việc thành lập Hội đồng xây dựng mới và thẩm định chương trình đào tạo Cao đẳng, trung cấp năm 2018	✓		
108.	4	2	4.2.02	4.1.02	Quyết định thành lập Tổ biên soạn chương trình đào tạo trình độ Trung cấp ngành nghề đào tạo: Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	✓		
109.			4.2.03	4.1.03	Các biên bản trong quá trình biên soạn, thẩm định chương trình đào tạo	✓		
110.			4.2.04	1.1.04	Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp ngành nghề đào tạo: Trồng trọt và bảo vệ thực vật (Ban hành kèm theo quyết định	✓		

					số 231/QĐ-CĐNLĐB-ĐT ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc			
111.			4.6.03	3.5.03	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên và nhân viên về các hoạt động phục vụ đào tạo năm học 2019-2020	✓		
112.			4.7.01	1.1.04	Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp ngành nghề đào tạo: Trồng trọt và bảo vệ thực vật (Ban hành kèm theo quyết định số 231/QĐ-CĐNLĐB-ĐT ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc	✓		
113.	4	7	4.7.02	2.6.06	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của học sinh, sinh viên về chương trình đào tạo và hoạt động giảng dạy của giáo viên	✓		
114.			4.7.03	3.5.03	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên và nhân viên về các hoạt động phục vụ	✓		

					đào tạo năm học 2019-2020			
115.			4.7.04		Báo cáo kết quả khảo sát nhu cầu tuyển dụng và sự hài lòng của doanh nghiệp đối với sinh viên Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc năm 2020	✓		
116.	4	8	4.8.01	1.1.04	Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp ngành nghề đào tạo: Trồng trọt và bảo vệ thực vật (Ban hành kèm theo quyết định số 231/QĐ-CĐNLĐB-ĐT ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc	✓		
117.			4.8.02		Hợp đồng đào tạo số 111/2016/HĐ-ĐHLN-ĐT ngày 28 tháng 11 năm 2016 về việc liên kết đào tạo giữa trường Đại học Lâm Nghiệp với trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc Quảng Ninh	✓		
118.			4.8.3		Hợp đồng đào tạo số 21/HĐ/ĐT ngày 01 tháng 06 năm 2012 về việc liên kết đào tạo giữa trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên với trường Cao đẳng Nông Lâm	✓		

					Đông Bắc Quảng Ninh			
119.	4	9	4.9.01	1.1.04	Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp ngành nghề đào tạo: Trồng trọt và bảo vệ thực vật (Ban hành kèm theo quyết định số 231/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc	✓		
120.			4.9.02		Danh sách giáo trình của Ngành Trồng trọt và bảo vệ thực vật	✓		
121.			4.9.03		Phiếu nhập kho về số lượng giáo trình	✓		
122.			4.9.04		Bản in các giáo trình của các mô đun, môn học của CTĐT ngành TT&BVTV	✓		
123.	4	10	4.10.1		Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp ngành nghề đào tạo: Trồng trọt và bảo vệ thực vật (Ban hành kèm theo quyết định số 231/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc	✓		

124.			4.10.2		Danh sách thống kê giáo trình của Ngành Trồng trọt và bảo vệ thực vật	✓		
125.					Phiếu nhập kho về số lượng giáo trình	✓		
126.			4.10.3		Bản in các giáo trình của các mô đun, môn học của CTĐT ngành TT&BVTV	✓		
127.	4	11	4.11.1	1.1.04	Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp ngành nghề đào tạo: Trồng trọt và bảo vệ thực vật (Ban hành kèm theo quyết định số 231/QĐ-CĐNLĐB-ĐT ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc	✓		
128.			4.11.02	4.9.02	Danh sách thống kê giáo trình của Ngành Trồng trọt và bảo vệ thực vật	✓		
129.			4.11.03	4.9.03	Phiếu nhập kho về số lượng giáo trình	✓		
130.			4.11.03	4.9.04	Bản in các giáo trình của các mô đun, môn học của CTĐT ngành TT&BVTV	✓		
131.			4.11.04		Biên bản thẩm định giáo trình của Hội đồng thẩm định	✓		
132.			4.11.05	2.6.06	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của học sinh, sinh viên về chương trình	✓		

					đào tạo và hoạt động giảng dạy của giáo viên			
133.	4	12	4.12.01	1.1.04	Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp ngành nghề đào tạo: Trồng trọt và bảo vệ thực vật (Ban hành kèm theo quyết định số 231/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc	✓		
134.			4.12.02	4.9.02	Danh sách giáo trình của chuyên ngành TT&BVTV	✓		
135.			4.12.03	4.9.03	Phiếu nhập kho về số lượng giáo trình	✓		
136.			4.12.04	4.9.04	Bản in các giáo trình của các mô đun, môn học của CTĐT ngành TT&BVTV	✓		
137.			4.12.05	4.11.04	Biên bản thẩm định giáo trình của Hội đồng thẩm định	✓		
138.			4.12.05	2.6.06	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của học sinh, sinh viên về chương trình đào tạo và hoạt động giảng dạy của giáo viên	✓		

139.	5	1	5.1.01		Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	✓		
140.			5.1.02		Nâng cấp, cải tạo trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc giai đoạn 2010-2013 hạng mục Nhà học thực hành thí nghiệm	✓		
141.			6.2.06		Quyết định số 714/QĐ-CĐNLĐB-TCKT ngày 24 tháng 10 năm 2019 về việc phê duyệt chi trợ cấp xã hội cho học sinh-sinh viên từ tháng 7 đến tháng 12 năm 2019	✓		
142.			6.2.07		Quyết định số 320/QĐ-CĐNLĐB-TCKT ngày 10 tháng 6 năm 2020 về việc phê duyệt chi trợ cấp xã hội cho học sinh-sinh viên từ tháng 1, tháng 2; tháng 5; tháng 6 và tháng 7 năm 2020	✓		
143.			6.2.08		Quyết định số 723/QĐ-CĐNLĐB-TCKT ngày 25 tháng 10 năm 2019 về việc phê duyệt chi chính sách hỗ trợ học tập cho học sinh-sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người từ ngày 15 tháng 8 đến tháng 12 năm 2019	✓		

144.			6.2.09	Quyết định số 319/QĐ-CĐNLĐB-TCKT ngày 10 tháng 6 năm 2020 về việc chi học bổng chính sách cho học sinh-sinh viên Tháng 1, tháng 5 và tháng 6 năm 2020	✓		
145.			6.2.10	Quyết định số 771/QĐ-CĐNLĐB-TCKT ngày 26 tháng 11 năm 2019 về việc phê duyệt chi chính sách nội trú cho học sinh-sinh viên từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2019	✓		
146.			6.2.11	Quyết định số 451/QĐ-CĐNLĐB-CTSV ngày 17 tháng 7 năm 2020 về việc Tặng giấy khen và tiền thưởng đột xuất cho học sinh, sinh viên đạt giải nhì tay nghề cấp bộ năm 2020	✓		
147.			6.2.12	Báo cáo số 663/BC-CĐNLĐB-ĐT ngày 08 tháng 10 năm 2019 về kết quả công tác đào tạo nghề nghiệp	✓		
148.			6.2.13	Quyết định số 770/QĐ-CĐNLĐB-TCKT ngày 26 tháng 11 năm 2019 về việc phê duyệt chính sách miễn giảm học phí cho	✓		

					học sinh khóa 58 và khóa 59 từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2019			
149.			6.2.14		Quyết định số 174/QĐ-CDNLĐB-TCKT ngày 10 tháng 4 năm 2020 về việc Phê duyệt chính sách miễn, giảm học phí cho học sinh –sinh viên học kỳ II năm học 2019-2020 từ tháng 3 đến tháng 7 năm 2020	✓		
150.			6.2.15	1.2.03	Báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết Hội nghị cán bộ, viên chức cơ quan năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ năm 2020	✓		
151.	6	3	6.3.01	1.1.05	Quyết định số 653/QĐ-CDNLĐB-TCHC ngày 15/12/2017 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc trường	✓		
152.			7.6.03		Biên bản họp Hội đồng rà soát, chỉnh sửa và xây dựng chương trình đào tạo Cao đẳng, trung cấp theo Luật giáo dục nghề nghiệp để phân công và triển khai công việc	✓		

153.			7.6.04		Kế hoạch số 559/KH-CĐNLĐB-KĐKHHTQT ngày 20 tháng 8 năm 2020 về việc khảo sát ý kiến phản hồi của học sinh, sinh viên về chương trình đào tạo và hoạt động giảng dạy của giáo viên	✓		
154.			7.6.05	7.1.01	Kế hoạch số 516/KH-CĐNLĐB-TTTSTVVVL ngày 06 tháng 08 năm 2020 về việc Khảo sát nhu cầu tuyển dụng và sự hài lòng của doanh nghiệp đối với sinh viên trường Cao đẳng Nông lâm Đông bắc năm 2020	✓		
155.	7	7	7.7.01		Quyết định số 105/QĐ-CĐNĐB-ĐT ngày 01 tháng 3 năm 2019 về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy khóa 56, niên khóa 2016-2019	✓		
156.	7	8	7.8.01	7.1.01	Kế hoạch 516/KH-CĐNLĐB-TTTSTVVVL ngày 06 tháng 8 năm 2020 về việc khảo sát nhu cầu tuyển dụng và sự hài lòng của doanh nghiệp đối với sinh	✓		

				viên Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc năm 2020			
157.		7.8.02	7.1.02	Phiếu khảo sát nhu cầu tuyển dụng và sự hài lòng của doanh nghiệp đối với sinh viên Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc năm 2020	✓		
158.		7.8.03	4.7.04	Báo cáo kết quả khảo sát về nhu cầu tuyển dụng và sự hài lòng của doanh nghiệp đối với sinh viên Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc năm 2020	✓		
159.		7.8.04	7.1.04	Danh sách các đơn vị sử dụng lao động được thu thập ý kiến	✓		

KIỂM TRA MINH CHỨNG DO ĐOÀN ĐGN YÊU CẦU CƠ SỞ GDNN BỔ SUNG

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng	Đánh giá của đoàn đánh giá ngoài		Ghi chú (Lý do đánh giá không hợp lệ)
						Hợp lệ	Không hợp lệ	
	1	1	BS.1.1.01		Chiến lược phát triển Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc giai đoạn 2009 - 2015 và tầm nhìn đến năm 2020 (tr 25	✓		
1.	1	1	BS 1.1.02		- Chiến lược phát triển Trường CĐNLĐB giai đoạn 2021 – 2030	✓		
2.	1	1	BS1.1.03		Kế hoạch rà soát, chỉnh sửa, cập nhật bổ sung CTĐT nghề trình độ cao đẳng, trung cấp số 662/KH-CĐNLĐB-ĐT ngày 10/9/2018	✓		
3.	1	1	BS 1.1.04		BS 4.1.04 – Quyết định số 668/QĐ-	✓		

					<i>CĐNLĐB-ĐT ngày 20/9/2018 về việc thành lập Ban rà soát, chỉnh sửa cập nhật bổ sung CTĐT nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật trình độ trung cấp;</i>			
4.	1	1	<i>BS 1.1.05</i>		<i>Quyết định số 231/QĐ-CĐNLĐB-ĐT ngày 22/4/2019 về việc Ban hành CTĐT nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật trình độ trung cấp</i>	✓		
5.	2	1	<i>BS2.1.01</i>		<i>Hồ sơ đăng ký học hàng năm</i>	✓		
6.			<i>BS2.1.02</i>		<i>Kế hoạch thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động đào tạo năm 2019, 2020).</i>	✓		
7.			<i>BS2.1.03</i>		<i>Biên bản kiểm tra việc thực hiện quy chế, quy định về giáo dục nghề nghiệp tại trường CĐ Nông lâm Đông Bắc năm 2018</i>	✓		
8.			<i>BS2.1.02</i>		<i>Báo cáo kết quả kiểm tra công tác tuyển sinh các năm 2019, 2020)</i>	✓		
9.			<i>BS2.1.02</i>		<i>Báo cáo kết quả kiểm tra công tác tuyển sinh các năm 2019, 2020)</i>	✓		

10.	2	2	BS2.2.02		<i>Kết quả khắc phục cải tiến sau kiểm tra;</i>	✓		
11.	2	3	BS2.2.03		<i>Báo cáo hoạt động chuyên môn của khoa Nông học)</i>	✓		
12.			BS2.3.01		<i>Giáo án điện tử các môn học/mô đun của nghề TT&BVTT)</i>	✓		
13.			BS2.3.02		<i>Phần mềm điều khiển hệ thống tưới</i>	✓		
14.			BS2.3.04		<i>Ngân hàng đề thi trắc nghiệm.</i>	✓		
15.			BS2.3.05		<i>Mô hình mô phỏng quá trình côn trùng truyền bệnh vi rút từ cây có múi bị bệnh sang cây khỏe gây bệnh; Mô hình mô phỏng quá trình hạt nảy mầm ở cây hai lá mầm; mô hình mô phỏng quá trình sinh trưởng, phát triển của cây hoa; mô hình mô phỏng quá trình gây hại của ruồi đục quả; mô hình mô phỏng ghép nêm cây có múi</i>	✓		
16.	2	4	BS2.4.01		<i>Biên bản thỏa thuận giữa nhà trường với doanh nghiệp về thực tập của sinh viên năm học 2020-2021</i>	✓		

17.			BS2.4.02		<i>Kế hoạch thực tập của học sinh năm học 2020-2021</i>	✓		
18.			BS2.4.03		<i>Quyết định đưa học sinh thực tập tại doanh nghiệp năm học 2020-2021</i>	✓		
19.			BS2.4.04		<i>Quyết định phân công giảng viên hướng dẫn thực tập năm học 2020-2021;</i>	✓		
20.			BS2.4.05		<i>Đề cương thực tập các khóa năm học 2020-2021</i>	✓		
21.			BS2.4.06		<i>Danh sách người học đã đi thực tập tại các doanh nghiệp năm học 2020-2021</i>	✓		
22.	2	5	BS2.5.01		<i>Báo cáo hàng tháng, sơ kết, tổng kết của Phòng Kiểm định-KH&HTQT;</i>	✓		
23.			BS2.5.02		<i>Kế hoạch thi hàng năm;</i>	✓		
24.			BS2.5.03		<i>Biên bản bốc thăm đề thi).</i>	✓		
25.			BS2.5.04		<i>Phiếu chấm điểm bài thi thực hành)</i>	✓		
26.			BS2.5.05		<i>Kế hoạch tổ chức xét, thi tốt nghiệp năm 2019, 2020</i>	✓		
27.			BS2.5.06		<i>Quyết định thành lập Hội đồng xét, thi tốt nghiệp và các ban giúp việc năm</i>	✓		

					2019, 2020			
28.			BS2.5.07		Biên bản họp Hội đồng thi tốt nghiệp xét danh sách công nhận tốt nghiệp và Quyết định công nhận tốt nghiệp năm 2019, 2020).	✓		
29.			BS2.5.08		Phiếu đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV	✓		
30.			BS2.5.09		Quyết định công nhận kết quả rèn luyện năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020	✓		
31.			BS2.5.10		Sổ cấp phát bằng	✓		
32.			BS 2.5.11		Báo cáo về việc thực hiện theo quy định kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ cơ sở đào tạo đã ban hành	✓		
33.			BS2.5.12		Quyết định thành lập Ban thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo và biên bản kiểm tra hoạt động đào tạo 2018 – 2020	✓		

34.	2	6	BS2.6.01	Các kế hoạch dự giờ đánh giá chất lượng giáo viên năm học 2018-2019, 2019-2020	✓		
35.			BS2.6.02	Các Biên bản thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động đào tạo năm học 2018-2019, 2019-2020).	✓		
36.			BS 2.6.03	Nghị quyết đảng ủy mở rộng hằng tháng	✓		
37.			BS 2.6.04	Các Nghị quyết của Hội đồng trường	✓		
38.			BS 2.6.05	Biên họp giao ban hàng tháng).	✓		
39.			BS 2.6.07	Các báo cáo hiệu quả sử dụng của các thiết bị, đề tài nghiên cứu của các khoa nghề các năm	✓		
40.			BS 2.6.08	Đánh giá của Hội đồng Sáng kiến về hiệu quả của các sáng kiến hàng năm;	✓		
41.			BS2.6.09	Các quyết định công nhận sáng kiến cấp trường năm 2018-2019, 2019-2020	✓		
42.			BS 2.6.10	Các quyết định khen thưởng, giấy khen cá nhân đạt giải hội thi Sáng kiến, giấy khen đạt giải thiết bị dự thi cấp trường,	✓		

					<i>cấp tỉnh, cấp toàn quốc</i>			
43.			<i>BS 2.6.11</i>		<i>Quyết định về việc khen thưởng Khoa tham gia tích cực Hội giảng Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp cấp trường hàng năm).</i>	✓		
44.	3	2	<i>BS 3.2.01</i>		<i>QĐ số 62/QĐ- CĐNLĐB- TCHC ngày 02-2-2018 về việc ban hành qui định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp) về việc ban hành quy định chế độ làm việc của nhà giáo Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc</i>	✓		
45.			<i>BS 3.2.02</i>		<i>QĐ số 657/QĐ-CĐNLĐB-TCHC ngày 15/12/2017 về việc ban hành qui chế thi đua khen thưởng trường CĐNLĐB</i>	✓		
46.			<i>BS 3.2.03</i>		<i>Báo cáo số 112/BC-CĐNLĐB-KTĐBCL ngày 12/07/2019 báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo về chuyên môn nghiệp vụ</i>	✓		
47.			<i>BS 3.2.05</i>		<i>Báo cáo thành tích năm 2019 và năm 2020 của Khoa Nông học</i>	✓		

48.	4	1	BS4.1.01		<i>Kế hoạch xây dựng chương trình đào tạo các nghề trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2017</i>	✓		
49.			BS4.1.02		<i>Quyết định ban hành Quy trình xây dựng, lựa chọn, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo năm 2018; kèm theo Quy trình).</i>	✓		
50.			BS4.1.03		<i>Kế hoạch rà soát, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Trồng trọt và Bảo vệ thực vật năm 2018</i>	✓		
51.			BS4.1.04		<i>Quyết định thành lập ban xây dựng CTĐT năm 2017, kèm theo danh sách thành viên</i>	✓		
52.			BS4.1.05		<i>Quyết định thành lập ban rà soát, cập nhật, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Trồng trọt và Bảo vệ thực vật năm 2018</i>	✓		
53.			BS4.1.06		<i>Thư mời đại diện doanh nghiệp góp ý</i>	✓		

					<i>dự thảo chương trình đào tạo nghề TT&BVTT trình độ trung cấp</i>			
54.			<i>BS4.1.07</i>		<i>Biên bản hội thảo về chương trình đào tạo nghề TT&BVTT trình độ trung cấp năm 2017, 2019;</i>	✓		
55.			<i>BS4.1.08</i>		<i>Bản góp ý kiến về chương trình đào tạo nghề TT&BVTT trình độ trung cấp năm 2017, 2019).</i>	✓		
56.			<i>BS4.1.09</i>		<i>Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo năm 2017,2019</i>	✓		
57.			<i>BS4.1.10</i>		<i>Các biên bản họp hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề TT&BVTT trình độ trung cấp năm 2017, 2019; kèm phiếu nhận xét</i>	✓		
58.			<i>BS4.1.11</i>		<i>Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề TT&BVTT trình độ trung cấp năm 2017, kèm theo bộ chương trình</i>	✓		

					<i>đào tạo chi tiết</i>			
59.	4	2	<i>BS4.2.01</i>		<i>Thư mời đại diện doanh nghiệp tham gia Hội đồng thẩm định chương trình</i>	✓		
60.	4	3	<i>BS4.3.01</i>		<i>Quyết định ban hành và các chuẩn đầu ra của các nghề năm 2018 của trường</i>	✓		
61.			<i>BS4.3.02</i>		<i>Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo TT&BVTT trình độ trung cấp</i>	✓		
62.	4	4	<i>BS4.4.01</i>		<i>Sơ đồ liên kết và tiến trình đào tạo các MH/MĐ trong chương trình trình độ Trung cấp Trồng trọt và Bảo vệ thực vật</i>	✓		
63.			<i>BS4.5.01</i>		<i>Danh sách giảng viên dạy nghề trung cấp TT&BVTT năm học 2018-2019, 2019-2020</i>	✓		
64.	4	9	<i>BS4.9.01</i>		<i>Các Quyết định ban hành danh mục giáo trình sử dụng cho các MH/MĐ nghề TT&BVTT năm 2019, 2020</i>	✓		
65.	4	10	<i>BS4.10.01</i>		<i>Quyết định ban hành quy trình biên soạn giáo trình; kèm theo Quy trình</i>	✓		

					<i>xây dựng, lựa chọn, bổ sung, điều chỉnh giáo trình năm 2018).</i>			
66.			<i>BS4.10.02</i>		<i>Kế hoạch lựa chọn danh mục giáo trình, tài liệu năm 2017, 2019;</i>	✓		
67.			<i>BS4.10.03</i>		<i>Biên bản họp đề xuất lựa chọn danh mục giáo trình, tài liệu nghề trung cấp TT&BVTT năm 2017, 2019</i>	✓		
68.			<i>BS4.10.04</i>		<i>Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình năm 2017, 2019;</i>	✓		
69.			<i>BS4.10.05</i>		<i>Biên bản họp Hội đồng thẩm định lựa chọn giáo trình năm 2017, 2019, kèm phiếu đánh giá</i>	✓		
70.			<i>BS4.10.06</i>		<i>Kế hoạch biên soạn giáo trình nghề TT&BVTT trình độ TC 2019</i>	✓		
71.			<i>BS4.10.07</i>		<i>Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình năm 2017, 2019</i>	✓		
72.			<i>BS4.10.08</i>		<i>Biên bản họp Hội đồng thẩm định giáo trình năm 2019, kèm phiếu đánh giá</i>	✓		

73.	5	1	BS5.1.01		<i>Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của trường</i>	✓		
74.			BS5.1.02		<i>Bảng thống kê các phòng học, nhà thực hành, phòng học chuyên môn hóa khoa Nông học;</i>	✓		
75.			BS5.1.03		<i>Phiếu khảo sát ý kiến giáo viên</i>	✓		
76.			BS5.1.04		<i>Phiếu khảo sát sinh viên</i>	✓		
77.			BS5.1.05		<i>Hồ sơ thiết kế lắp đặt nhà màn</i>	✓		
78.			BS5.1.06		<i>Sơ đồ hệ thống điện toàn trường, và các nhà thực hàn</i>	✓		
79.	5	2	BS5.2.01		<i>Bảng danh mục thiết bị nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật của Trường</i>	✓		
80.			BS5.2.02		<i>Hồ sơ thiết bị nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật</i>	✓		
81.			BS5.2.03		<i>Biên bản kiểm kê tài sản cố định của khoa Nông Học</i>	✓		

82.	5	3	BS5.3.01		<i>Biên bản kiểm kê tài sản năm 2018; 2019</i>	✓		
83.	5	4	BS5.4.01		<i>Sơ đồ/ hình ảnh bố trí các thiết bị, dụng cụ đào tạo trong các nhà thực hành</i>	✓		
84.			BS5.4.02		<i>Ảnh chụp Đoàn đi khảo sát thực tế, phiếu khảo sát học sinh sinh viên)</i>	✓		
85.	5	5	BS5.5.01		<i>Định mức kinh tế kỹ thuật cho nghề Trồng trọt và bảo vệ thực vật</i>	✓		
86.	5	6	BS5.6.01		<i>Bản tổng hợp sách và đồ dùng thiết bị trong thư viện</i>	✓		
87.	5	8	BS5.8.01		<i>Mô hình mô phỏng quá trình côn trùng truyền bệnh vi rút từ cây có múi bị bệnh sang cây khỏe gây bệnh</i>	✓		
88.			BS5.8.02		<i>Mô hình mô phỏng quá trình hạt nảy mầm ở cây 2 lá mầm</i>	✓		
89.			BS5.8.03		<i>Mô hình mô phỏng quá trình sinh trưởng, phát triển của cây hoa)</i>	✓		
90.			BS5.8.04		<i>Mô hình mô phỏng quá trình gây hại của ruồi đục quả)</i>	✓		

91.			BS5.8.05		Mô hình mô phỏng ghép nêm cây có múi	✓		
92.	6	1	BS6.1.01		Sổ tay học sinh sinh viên	✓		
93.			BS6.1.02		Trang thông tin tuyển sinh của Trường http://tuyensinh.cdnlđb.edu.vn	✓		
94.			BS6.1.03		Hồ sơ khảo sát: kế hoạch, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát của người học, giảng viên về hoạt động đào tạo của trường	✓		
95.	7	1	BS7.1.01		Danh sách các đơn vị sử dụng lao động được khảo sát các năm 2018 – 2019; 2019 - 2020 về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ	✓		
96.	7	2	BS7.2.01		Quyết định số 105/QĐ-CDNLĐB-ĐT 01/03/2019 Vv công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy khóa 56, niên khóa	✓		

					2016-2019 của HT trường CĐNLĐB) số lượng HSSV tốt nghiệp 254 người trong đó ngành TT&BVTV (lớp TC56E-TT1: 41 HS; TC56E-TT2:37 HS) (có danh sách kèm theo) và CĐ: 60 SV)			
97.	7	4	BS7.4.01		Quyết định công nhận danh sách trúng tuyển của hệ trung cấp khóa 58, niên khóa 2018 – 2021 số 536/QĐ-CĐNLĐB-ĐT ngày 22/8/2018; Quyết định công nhận danh sách trúng tuyển của hệ trung cấp khóa 58, niên khóa 2018 – 2021 số 72/QĐ-CĐNLĐB-ĐT ngày 18/2/2019; Quyết định công nhận danh sách trúng tuyển của hệ trung cấp khóa 59, niên khóa 2019 – 2022 số 575/QĐ-CĐNLĐB-ĐT ngày 29/8/2019; Quyết định công nhận danh sách trúng tuyển của hệ trung cấp khóa 60, niên khóa 2020 – 2023 số 575/QĐ-	✓		

					<i>CDNLĐB-ĐT ngày 11/8/2020).</i>			
98.	7	6	<i>BS7.6.01</i>		<i>Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng CTĐT trung cấp nghề TT&BVTV năm 2019; 7.5.03 – Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng CTĐT trung cấp nghề TT&BVTV năm 2020)</i>	✓		
	7	7	<i>BS7.7.01</i>		<i>Quyết định số 664/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 14/10/2020 về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp CĐ khóa 10 niên khóa 2017-2020).</i>	✓		

Phụ lục 2: THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CTĐT ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ NGOÀI

I. Thông tin về Chương trình đào tạo được đánh giá ngoài

1	Tên Chương trình đào tạo	Trồng trọt và bảo vệ thực vật trình độ trung cấp
2	Tên Khoa phụ trách/quản lý Chương trình đào tạo (thời điểm hiện tại)	Khoa Nông học
3	Tháng, năm bắt đầu triển khai Chương trình đào tạo	2017
4	Địa chỉ các phân hiệu/cơ sở đào tạo có thực hiện Chương trình đào tạo	Số 607 đường Mạc Đăng Dung, phường Minh Thành, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.
5	Số lượng người học đang học tại trình độ của Chương trình đào tạo được đánh giá ngoài	202
6	Số lượng nhà giáo đang giảng dạy Chương trình đào tạo	- Cơ hữu: 09 - Thỉnh giảng: 0

II. Thông tin về Cơ sở giáo dục nghề nghiệp

1	Tên Cơ sở giáo dục nghề nghiệp/Cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp	Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc
2	Cơ quan chủ quản	Bộ Nông nghiệp và PTNT
3	Loại hình (công lập/tư thục)	Công lập
4	Địa chỉ trụ sở chính	Số 607 đường Mạc Đăng Dung, phường Minh Thành, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.
5	Các phân hiệu/cơ sở đào tạo (nếu có)	
6	Năm thành lập	1962
7	Năm được nâng cấp thành trường trung cấp/trường cao đẳng (nếu có)	2007

Phụ lục 3: QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP ĐOÀN ĐÁNH GIÁ NGOÀI